

Số: 11/2023/TPS-CBTT

TP. HCM, ngày 05 tháng 04 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (TPS)

Mã chứng khoán: ORS

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 04 và Tầng 7, Tòa nhà Doji, Số 81-83-85 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM

Điện thoại: 08.39118014

Fax: 08.39118015

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Lệ Tùng

Địa chỉ: Tầng 04 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby, Số 81-83-85 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM

Điện thoại: 08.39118014

Fax: 08.39118015

Loại thông tin công bố: bất thường 24 giờ theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2022

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 05/04/2023 tại đường dẫn:
<https://www.tpbs.com.vn/vi/thong-tin-tps/quan-he-co-dong/bao-cao-thuong-nien/tps-bao-cao-thuong-nien-nam-2022?postId=1643>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2022

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022

VƯỢT SÓNG



NỘI DUNG CHÍNH

	Thông điệp từ Tổng Giám đốc	1
1	Tổng quan Công ty	3
	Thông tin tài chính nổi bật	5
	Thông tin doanh nghiệp	6
	Chặng đường phát triển	7
	Ngành nghề kinh doanh	8
	Sơ đồ tổ chức	9
	Hội đồng quản trị và các nhân sự chủ chốt	10
	Thông tin cổ phần, cổ đông và cổ phiếu	16
	Các rủi ro	18
2	Hoạt động kinh doanh năm 2022	21
	Môi trường kinh doanh	23
	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2022	30
3	Quản trị doanh nghiệp	38
	Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị	39
	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty	44
	Báo cáo của ban kiểm soát	46
4	Kế hoạch kinh doanh 2023	50
	Môi trường kinh doanh 2023	51
	Kế hoạch kinh doanh 2023	56
5	Phát triển bền vững	60
	Định hướng phát triển bền vững	61
	Hoạt động phát triển bền vững	62
6	Báo cáo tài chính kiểm toán 2022	68





CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022

VƯỢT
SÓNG

TPS VINH DỰ ĐÓN NHẬN CÁC GIẢI THƯỞNG DANH GIÁ HÀNG ĐẦU VIỆT NAM VÀ QUỐC TẾ

TPS VINH DỰ ĐÓN NHẬN CÁC GIẢI THƯỞNG DANH GIÁ HÀNG ĐẦU VIỆT NAM VÀ QUỐC TẾ



1900 63 66 99 | www.tpbs.com.vn | hotmail@tpbs.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG



Thông điệp CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2022 đã kết thúc với nhiều cung bậc cảm xúc, là năm đầy thử thách với nhiều biến động, khó khăn của thị trường nói chung, cũng như sự thay đổi điều hành cấp cao của TPS nói riêng. Trong bối cảnh toàn cầu bị ảnh hưởng nặng nề bởi xung đột chính trị Nga - Ukraine kéo dài; nguy cơ suy thoái kinh tế thế giới; sức ép về lạm phát, lãi suất, tỷ giá tăng; cũng như việc cơ quan chức năng đã xử lý 2 doanh nghiệp lớn vi phạm phát hành TPDN riêng lẻ; TPS vẫn tiếp tục vượt lên nghịch cảnh với sự chỉ đạo sâu sát của Hội đồng quản trị; sự hỗ trợ kịp thời từ TPBank; sự đồng lòng nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên đã giúp TPS ổn định, vượt qua khó khăn, phát triển bền vững, tiếp tục duy trì niềm tin của khách hàng, đối tác.

Mặc dù không đạt được đà tăng trưởng cao như giai đoạn 2020-2021, nhưng kết quả kinh doanh năm 2022 của Công ty vẫn đạt sự tăng trưởng nhất định, với doanh thu ghi nhận kỷ lục gần 2.721 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 176 tỷ đồng.

Trong năm, TPS đã khá thành công trong chiến lược phát triển - hướng đến mục tiêu là công ty chứng khoán hàng đầu về công nghệ số khi được Global Business Outlook Awards bình chọn là "Công ty chứng khoán chuyển đổi số sáng tạo nhất Việt Nam" và được vinh danh "Giải pháp sản phẩm dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam năm 2022" do Asian Banking and Finance Awards trao tặng, cho thấy chiến lược phát triển của Công ty đang đi đúng hướng và phù hợp với xu hướng số hoá trong giai đoạn hiện nay, góp phần tạo ra lợi thế người đi đầu, bước đệm quan trọng để mở rộng thị phần môi giới trong những năm tới.

“ TPS đặt mục tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2023 tăng trưởng trên 30% ”

Bước sang năm 2023, dự báo một số khó khăn vẫn còn hiện hữu như chiến sự Nga - Ukraine vẫn chưa có dấu hiệu kết thúc; xu hướng liên minh đối đầu giữa các siêu cường gia tăng; tình hình lạm phát, lãi suất, tỷ giá còn diễn biến phức tạp, kinh tế tăng trưởng chậm lại, rủi ro suy thoái kinh tế gia tăng. Tuy nhiên nhìn về dài hạn, tôi vẫn đánh giá cao tiềm năng phát triển trong tương lai của đất nước với chính sách mở cửa kinh tế, sự bùng nổ về nhiều mặt như sản xuất, xuất khẩu...

Đứng trước tình hình trên, TPS sẽ theo sát tình hình thế giới cũng như trong nước, chủ động linh hoạt đưa ra những quyết định kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế của từng thời kỳ; tiếp tục chú trọng phát triển công nghệ số trong các sản phẩm và dịch vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho TPS tiếp cận được nguồn dữ liệu khách hàng dồi dào, giảm chi phí hoạt động, thấu hiểu hơn về thị hiếu của từng nhóm khách hàng và chăm sóc khách hàng chu đáo hơn. Đây là lợi thế rất quan trọng để TPS cải thiện hiệu quả hoạt động và nâng tầm vị thế trong thời gian tới.

Tôi tin rằng các thành viên HĐQT, Ban Điều hành cùng toàn thể CBNV sẽ tiếp tục chung sức vượt qua khó khăn thách thức, xây dựng và phát triển Công ty, đưa TPS lên một tầm cao mới, một vị trí mới tại thị trường chứng khoán Việt Nam, đáp ứng được kỳ vọng của các cổ đông và nhà đầu tư.

Tổng Giám Đốc
BÙI THỊ THANH TRÀ



CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022

VƯỢT
SÓNG

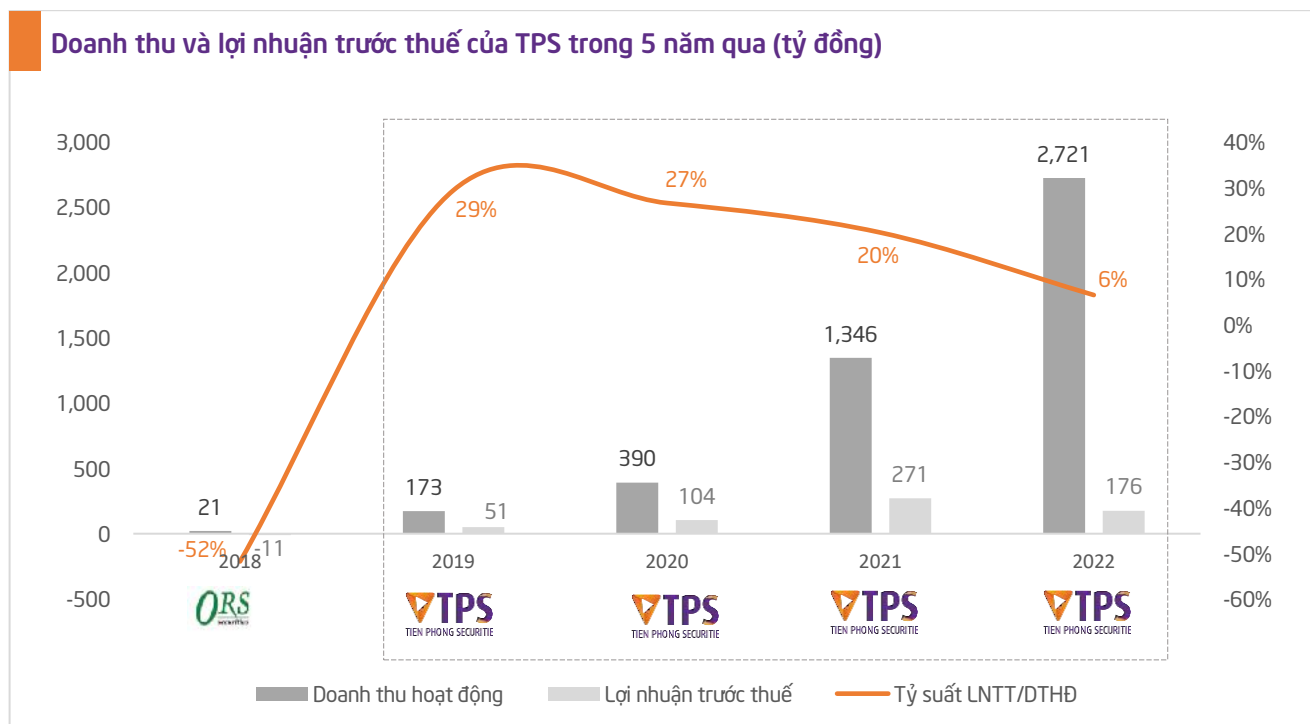


TỔNG QUAN VỀ TPS

Thông tin tài chính nổi bật


STT	Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022
1	Doanh thu hoạt động	173.354	390.125	1.346.028	2.702.792
2	Chi phí hoạt động	107.348	203.106	781.091	2.045.230
3	Doanh thu hoạt động tài chính	270	381	1.380	1.600
4	Chi phí tài chính	79	41.400	178.859	345.248
5	Chi phí quản lý DN	22.740	52.227	121.849	165.168
6	Lợi nhuận trước thuế	50.949	103.710	271.347	176.194
7	Lợi nhuận sau thuế	54.366	89.266	210.684	135.675
8	Tổng tài sản	327.637	2.198.564	4.764.070	6.706.709
9	Vốn chủ sở hữu	271.250	960.516	2.172.077	2.307.752
10	Hệ số thanh toán hiện hành	5,45	9,13	7,99	4,74
11	Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	0,21	1,29	1,19	1,91
12	Tổng nợ/Tổng tài sản	0,17	0,56	0,54	0,66
13	ROE	20%	9,3%	9,7%	5,9%
14	ROA	16,6%	4,1%	4,4%	2,0%
15	EPS (đồng)	1.458	1.590	1.447	678
16	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR)	474.86%	424.12%	260,74%	187,56%

Doanh thu và lợi nhuận trước thuế của TPS trong 5 năm qua (tỷ đồng)

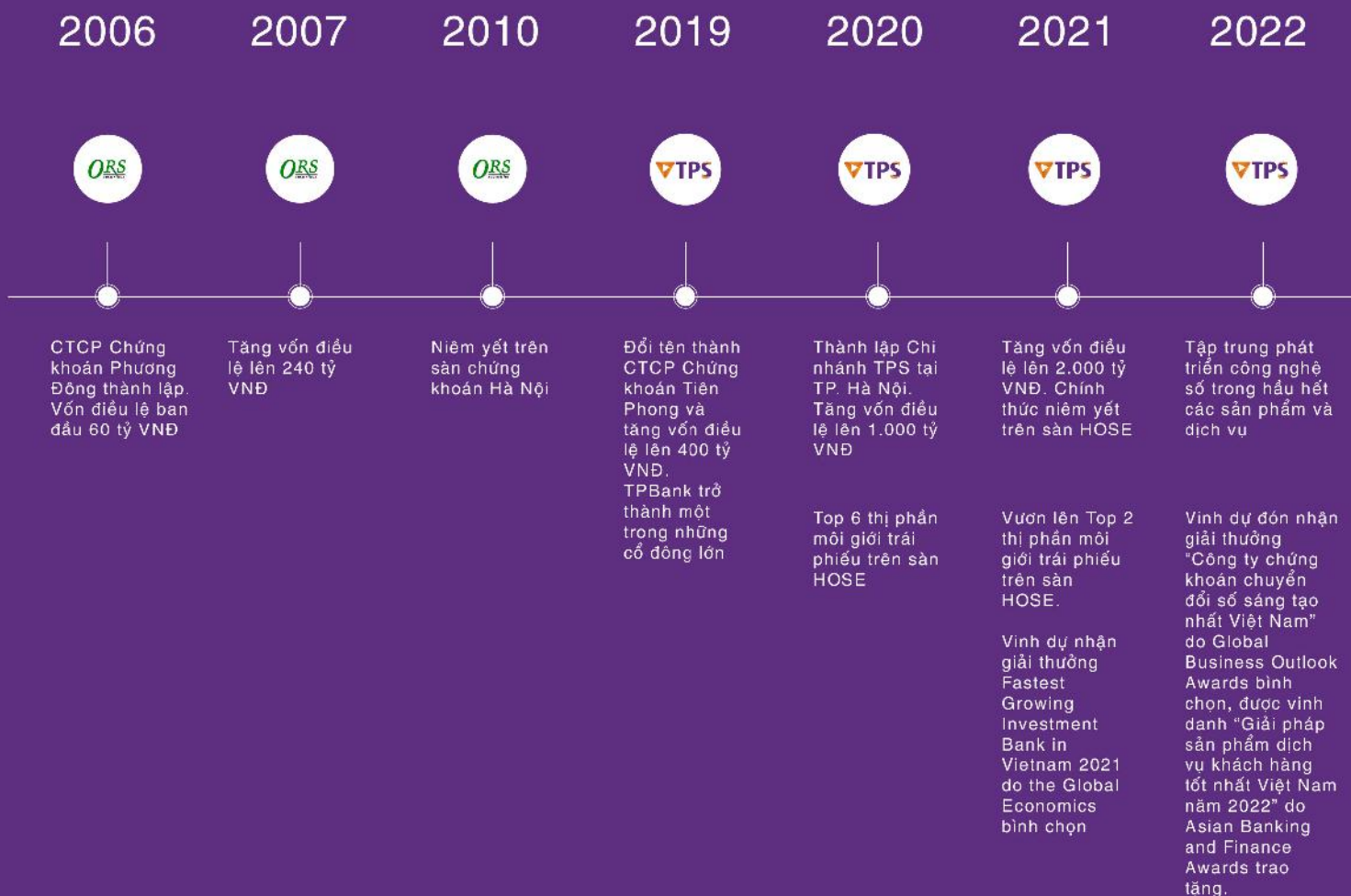


Thông tin doanh nghiệp

Thành lập năm 2006 với tên doanh nghiệp là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, đến tháng 4/2019 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong và gia nhập hệ sinh thái của Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank). Thừa hưởng sức mạnh từ hệ sinh thái TPBank, Công ty đã có những bước phát triển đột phá sau hơn 2 năm thực hiện tái cơ cấu thành công và khát vọng trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam với mô hình, hoạt động kinh doanh hiệu quả, bền vững và mang lại lợi ích tốt nhất cho các cổ đông và khách hàng.

Tên doanh nghiệp	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong
Tên tiếng Anh	Tien Phong Securities Corporation
Tên viết tắt	TPS
Mã chứng khoán	ORS
Giấy phép thành lập và hoạt động	Giấy phép thành lập và hoạt động số 49/UBCK/GPHDKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 29/12/2006, Giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK ngày 05/10/2022
Vốn điều lệ	2.000.000.000.000 đồng (Hai nghìn tỷ đồng)
Trụ sở chính	Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Doji, số 81-83-85 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại	(84-028) 3911 8014
Số fax	(84-028) 3911 8015
Website	https://tpbs.com.vn
Logo	

CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN



Ngành nghề kinh doanh

TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Tư vấn tài chính doanh nghiệp

- Tư vấn xác định giá trị cổ phần doanh nghiệp
- Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp
- Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp
- Tư vấn công ty đại chúng, tư vấn niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán và UpCom
- Tư vấn phát hành thêm cổ phiếu
- Tư vấn các hoạt động khác của doanh nghiệp như quan hệ đầu tư, quản trị doanh nghiệp,...

Tư vấn Mua bán & Sáp nhập doanh nghiệp (M&A)

- Tư vấn các thương vụ mua bán, sáp nhập, chia tách, thoái vốn, liên doanh, mua lại cổ phần,...

Tư vấn thị trường vốn

- Tư vấn phát hành và Đại lý quản lý trái phiếu doanh nghiệp. Các dịch vụ liên quan đến trái phiếu bao gồm môi giới trái phiếu, hỗ trợ các nhu cầu mua bán của nhà đầu tư thông qua phát triển hệ thống giao dịch TPDN chuyên nghiệp và nhiều tiện ích.

MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN VÀ CÁC DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Hoạt động môi giới và dịch vụ chứng khoán bao gồm:

- Các dịch vụ Môi giới chứng khoán: Mở tài khoản giao dịch, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn các quy định về giao dịch, thực hiện lệnh, thanh toán bù trừ đa phương, quản lý tài khoản, quản lý giao dịch tiền, lưu ký, quản lý ủy thác, đại lý đấu giá IPO.
- Tài chính, dịch vụ chứng khoán: Cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán, cầm cố chứng khoán.
- Các dịch vụ giao dịch điện tử bao gồm: TPS-Pro (Web trade); TPS-Mobile (Mobile trade), Contact Center và SMS.
- Các hoạt động hội thảo, tư vấn đầu tư, phân tích và cung cấp các báo cáo: Báo cáo vĩ mô, báo cáo chiến lược đầu tư; báo cáo nhận định thị trường hàng ngày và/hoặc hàng tuần, báo cáo phân tích ngành, báo cáo phân tích cổ phiếu, báo cáo phân tích kỹ thuật, báo cáo chuyên đề.

BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

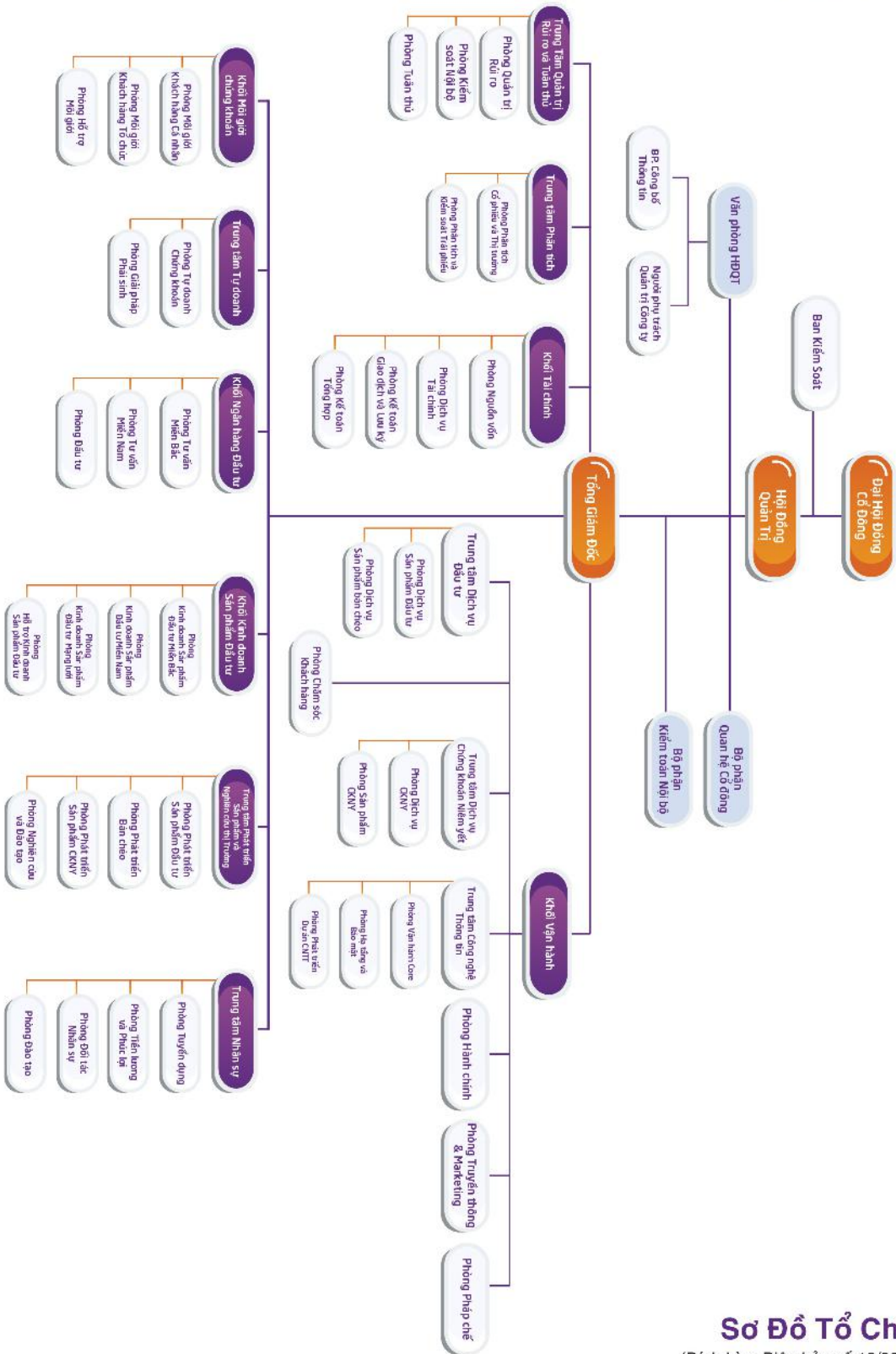
Bảo lãnh phát hành chứng khoán gồm các nghiệp vụ:

- Bảo lãnh phát hành cổ phiếu
- Bảo lãnh phát hành trái phiếu doanh nghiệp

TỰ DOANH CHỨNG KHOÁN

Đầu tư tự doanh chứng khoán gồm các nghiệp vụ:

- Đầu tư tự doanh cổ phiếu, trái phiếu
- Đầu tư chứng chỉ quỹ, phái sinh, chứng quyền có bảo đảm.



Sơ Đồ Tổ Chức TPS

(Đính kèm Biên bản số 19/2022/BB-HĐQT ngày 7/10/2022)

Ông ĐỖ ANH TÚ Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Anh Tú được bầu vào vị trí Chủ tịch HĐQT TPS vào tháng 10/2019. Hiện Ông Tú đồng thời là Phó Chủ tịch HĐQT TPBank và Phó Chủ tịch thường trực Công ty CP Diana thuộc Tập đoàn Unicharm, Nhật Bản. Là chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực quản trị thương hiệu và marketing, Ông Tú đã có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và nâng cao vị thế thương hiệu của Công ty.

Năm 2013, Ông Tú đã vinh dự được nhận Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho những thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015”, Bằng khen của Thống đốc NHNN Việt Nam “Đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng năm 2014 - 2015”. Đến năm 2020, Ông Tú tiếp tục vinh dự nhận được bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì đã có những thành tích xuất sắc trong triển khai xây dựng, phát triển ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực ngân hàng, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Ông Tú là Phó Tiến sĩ ngành Máy năng lượng tại Đại học Kỹ thuật Praha, Cộng hòa Séc.



Bà TRƯƠNG THỊ HOÀNG LAN
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm
Thành viên Độc lập HĐQT

Bà Trương Thị Hoàng Lan gia nhập TPS với tư cách Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị từ tháng 04/2019. Đến tháng 07/2022, Bà giữ vị trí Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên độc lập HĐQT. Bà Hoàng Lan đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, từng giữ các vị trí quản lý cấp cao tại công ty chứng khoán, hiện giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Đầu tư và Khách hàng Doanh nghiệp lớn tại TPBank.

Tháng 09/2014, Bà Hoàng Lan đã vinh dự được Thống đốc NHNN tặng Bằng khen cho cá nhân “Đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng 2012-2013”.



Ông TRẦN SƠN HẢI
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Trần Sơn Hải được bầu làm Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị TPS và giữ chức vụ Tổng Giám đốc TPS từ tháng 10/2019 đến tháng 07/2022. Sau ngày 26/07/2022 đến nay, Ông Hải Giữ chức vụ Thành viên HĐQT. Với hàng chục năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, Ông Hải đã từng đảm nhận các vị trí quản lý cấp cao tại các tổ chức tài chính lớn như Boston Asset Management, Ngân hàng Standard Chartered Vietnam, Techcombank và TPBank.



Bà Bùi Thị Thanh Trà Tổng Giám đốc

Bà Bùi Thị Thanh Trà với hơn 13 năm kinh nghiệm ở những vị trí quản lý, điều hành cấp cao. Từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong HĐQT, Ban Điều hành ở nhiều công ty, như TV.HĐQT - Tổng Giám đốc Vinasugar II, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Bình Dương. Bà Trà gia nhập TPS từ năm 2019, từng giữ chức vụ Giám đốc Khối Vận hành và Giám đốc Khối Ngân hàng đầu tư, đã có nhiều đóng góp trong việc tái cấu trúc và xây dựng, phát triển hoạt động của TPS. Bà Bùi Thị Thanh Trà được bổ nhiệm làm Tổng Giám Đốc của TPS từ ngày 26/07/2022

Ông Nguyễn Xuân Cường Giám đốc Khối Môi giới

Ông Nguyễn Xuân Cường đã có kinh nghiệm 16 năm ở nhiều vị trí quan trọng tại các công ty chứng khoán như phụ trách Đầu tư ACBS; Giám đốc Chi nhánh - Sân GDCK tại Hội sở ACBS và Giám đốc Công ty Chứng khoán VIX- Chi nhánh HCM. Ông Cường đã có nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng hệ thống giao dịch, sản phẩm, chính sách bán hàng, phát triển và đào tạo đội ngũ môi giới chuyên nghiệp.



Bà Phạm Thị Thoa Giám đốc Khối kinh doanh Sản phẩm đầu tư

Bà Phạm Thị Thoa có 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng – Chứng khoán, nhiều năm kinh nghiệm quản lý ở các vị trí như Giám đốc Quan hệ khách hàng Doanh nghiệp tại Standard Chartered Bank Vietnam, Giám đốc Đầu tư tại Công ty CP Chứng khoán VPS và Giám đốc khối kinh doanh sản phẩm đầu tư tại TPS.



Bà Trần Thị Xuân Lan
Giám đốc Trung tâm
Quản trị rủi ro & tuân thủ

Bà Trần Thị Xuân Lan có hơn 13 năm kinh nghiệm làm việc tại công ty chứng khoán về thanh toán bù trừ, quản trị hạn mức và các giới hạn giao dịch ký quỹ, quản trị danh mục, kiểm soát vận hành và tuân thủ. Trước khi gia nhập TPS bà Lan có nhiều năm công tác tại Công ty chứng khoán Phú Hưng.

Bà Nguyễn Thị Lệ Tùng
Giám đốc Tài Chính

Bà Nguyễn Thị Lệ Tùng có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, trong đó có 14 năm làm việc tại các công ty chứng khoán. Bà Tùng có nhiều năm gắn bó với TPS từ khi còn là Công ty CP Chứng khoán Phương Đông cho đến nay.



Bà Nguyễn Thanh Tuyền
Kế Toán Trưởng

Bà Nguyễn Thanh Tuyền tốt nghiệp trường Đại học Tài chính - Marketing, có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, trong đó 11 năm làm ở tổ chức tín dụng, công ty quản lý quỹ như ngân hàng OCB, VTA, EZBOOK, VFC, TPS.



Ông Võ Văn Cường
Giám đốc Trung tâm Tụ Doanh

Ông Võ Văn Cường có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Chứng khoán với nhiều vị trí quản lý khác nhau như Phó phòng Tư vấn Tài chính tại HSC, Quý Đầu tư DCVFM, Giám đốc Đầu tư tại Công ty Chứng khoán Everest.

Bà Nguyễn Thị Huyền
Giám đốc Trung tâm PTSTP & NCTT

Bà Nguyễn Thị Huyền có hơn 15 năm kinh nghiệm tại các công ty chứng khoán như Quản lý Nghiệp vụ giao dịch, kế toán giao dịch, đại lý lưu ký & chuyển nhượng tại CTCP Chứng khoán Thăng Long (nay là MBS) và Trưởng bán Phát triển sản phẩm CTCP Chứng khoán VPS.



Ông Phạm Thanh Tuấn
Giám đốc Công nghệ thông tin

Ông Phạm Thanh Tuấn có gần 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, từng giữ các vị trí lãnh đạo, quản lý phát triển dự án chuyển đổi số cho các tổ chức tài chính như FE Credit, Hanwha Life Viet Nam, Phu Hung Life và Techcom Advisors.

Ông Tạ Quang Lương
Phó Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư

Ông Tạ Quang Lương có hơn 10 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng, với nhiều năm kinh nghiệm quản lý tại TPBank ở vị trí Phó Giám đốc Trung tâm đầu tư Miền Nam. Ông Lương đã có nhiều kinh nghiệm trong việc tư vấn, đầu tư trái phiếu/cổ phiếu.





Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Đầu tư

Bà Nguyễn Thị Thu Hương có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc tại các ngân hàng lớn như Techcombank, Maritime Bank... với các vị trí Giám đốc Chính sách, Giám đốc Phát triển sản phẩm, Giám đốc Quản lý dòng tiền, Giám đốc Chính sách bán hàng và Chăm sóc khách hàng.

Bà Đặng Sĩ Thùy Tâm
**Giám đốc Trung tâm Dịch vụ
Chứng khoán niêm yết**

Bà Đặng Sĩ Thùy Tâm có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Chứng khoán. Bà Tâm đã làm việc tại TPS từ năm 2007 đến nay, từ khi công ty còn là CTCP Chứng khoán Phương Đông.



Bà Ngô Thị Lệ Thanh
Giám đốc Trung tâm Phân tích

Bà Ngô Thị Lệ Thanh có 17 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng và nhiều năm kinh nghiệm quản lý tại các ngân hàng như VIB, Lienvietpostbank ở các vị trí như thẩm định tín dụng Khách hàng doanh nghiệp, quản lý tín dụng, giám sát tín dụng và nhận diện rủi ro tín dụng.

Thông tin cổ phần cổ đông & cổ phiếu

Cập nhật tại ngày 30/12/2022

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	200.000.000 cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành	Phổ thông
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng/cổ phần
Cổ phiếu quỹ	0
Số lượng cổ phần đang lưu hành	200.000.000 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tổng giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
I	Trong nước	12.062	197.542.667	1.975.426.670.000	98,77%
	- Cá nhân	12.044	171.752.564	1.717.525.640.000	85,88%
	- Tổ chức	18	25.790.103	257.901.030.000	12,90%
II	Nước ngoài	26	2.457.333	24.573.330.000	1,23%
	- Cá nhân	20	356.233	3.562.330.000	0,18%
	- Tổ chức	6	2.101.100	21.011.000.000	1,05%
	Tổng cộng	12.088	200.000.000	2.000.000.000.000	100,00%
	Trong đó:				
	Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn CP trở lên	1	18.020.000	180.200.000.000	9,01%
	Cổ đông nắm giữ dưới 5% vốn CP	12.087	181.980.000	1.819.800.000.000	90,99%

CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	18.020.000	9,01%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Năm 2022, TPS không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	SLCP trước GD	SLCP sau GD	Tỷ lệ % sau GD
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tổ chức có liên quan đến - Chủ tịch HĐQT_Ông Đỗ Anh Tú - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên độc lập HĐQT_Bà Trương Thị Hoàng Lan	18.020.000	18.020.000	9,0100%
Cty TNHH Đầu tư TP Việt Nam	Tổ chức có liên quan đến Chủ tịch HĐQT_Ông Đỗ Anh Tú	7.497.200	7.497.200	3,7486%
Trương Thị Hoàng Lan	Người nội bộ	1.000	1.000	0,0010%
Nguyễn Đắc Thông	Người có liên quan đến Thành viên HĐQT_Ông Trần Sơn Hải	1.400.000	0	0,0000%
Nguyễn Thị Lệ Tùng	Người nội bộ	500.000	500.000	0,2500%

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG TRONG NĂM 2022

Năm 2022, TPS thực hiện tốt các hoạt động liên quan tới cổ đông. Bộ phận quan hệ cổ đông chuyên trách xử lý các vấn đề liên quan tới cổ đông, điều này góp phần cho việc minh bạch hóa thông tin tới cổ đông, các cơ quan chức năng và cộng đồng nhà đầu tư.

- **Hoạt động công bố thông tin:** Các thông tin liên quan tới toàn bộ hoạt động kinh doanh của TPS được công bố nhanh chóng, kịp thời trên website của TPS và các kênh thông tin theo quy định, thông tin được truyền tải tới cổ đông nhanh chóng, chính xác và nắm bắt kịp thời theo đúng quy định của Pháp luật.
- **Hoạt động cung cấp thông tin theo yêu cầu:** Các thông tin thắc mắc của cổ đông yêu cầu và phù hợp với quy định về quyền hạn của cổ đông đều được TPS cung cấp và thông báo kịp thời cho cổ đông đúng thời gian quy định.



Các rủi ro

Là một công ty chứng khoán (CTCK), trong quá trình hoạt động, các loại rủi ro được nhận diện có ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh của TPS là: rủi ro kinh tế, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh toán, rủi ro đặc thù ngành, rủi ro pháp lý, rủi ro quản trị nguồn nhân lực Chi tiết mỗi loại rủi ro được trình bày như dưới đây.

1. RỦI RO KINH TẾ

Rủi ro kinh tế là những biến đổi của nền kinh tế và sự thay đổi của các chính sách kinh tế tác động vào hoạt động của Công ty. Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất,...

Tăng trưởng GDP

Đây là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng GDP làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp và đầu tư trong nền kinh tế. Những tín hiệu khả quan của nền kinh tế sẽ tác động tích cực đến thị trường chứng khoán, mở ra nhiều cơ hội cho nhà đầu tư, tăng sự đa dạng và tính minh bạch của thị trường. Ở chiều ngược lại, nếu nền kinh tế có những diễn biến tiêu cực cũng sẽ ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của doanh nghiệp, tác động tiêu cực đến thị trường và CTCK.

Do vậy, nhằm hạn chế những tác động bất lợi từ chuyển động của nền kinh tế và thị trường chứng khoán tới hiệu quả hoạt động của Công ty, TPS luôn cập nhật các biến động của nền kinh tế, đánh giá tác động của các chính sách vĩ mô đến thị trường chứng khoán, đưa ra những dự báo của riêng mình và các phương án chủ động điều chỉnh hoạt động cho phù hợp, nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng hàng năm.

Lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí lãi vay cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành. Việc thay đổi lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến chi phí tài chính của TPS. Trường hợp lãi suất vay tăng sẽ khiến chi phí tài chính của Công ty tăng tương ứng.

Bên cạnh lãi suất vay, khi lãi suất huy động trên thị trường tăng, nhà đầu tư có thể cân nhắc tới việc chuyển một phần vốn đầu tư trên thị trường chứng khoán sang hình thức đầu tư khác như gửi tiết kiệm. Điều này sẽ tác động đến giá trị giao dịch của nhà đầu tư trên thị trường và ảnh hưởng thu nhập hoạt động môi giới của Công ty.

Với lãi suất vay, Công ty phân tích, đánh giá và theo dõi những thay đổi mặt bằng lãi suất trên thị trường để có những biện pháp kiểm soát rủi ro cũng như điều chỉnh chiến lược kinh doanh cho phù hợp.

Với lãi suất huy động, TPS luôn chủ động trong việc lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong việc duy trì các khoản tiền gửi, hạn mức giao dịch, lãi suất cho vay giao dịch ký quỹ để có được mức lãi suất hợp lý, có thể thu hút khách hàng và cạnh tranh trên thị trường mà vẫn đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

Lạm phát

Lạm phát tăng cao có thể làm tăng các chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu, xây dựng, nhân công và lãi vay, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động, kết quả kinh doanh và tiềm năng phát triển của doanh nghiệp.

Các chi phí chính của TPS là chi phí liên quan đến các nghiệp vụ do Công ty cung cấp, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp. Trường hợp lạm phát tăng, giá cả leo thang, các doanh nghiệp huy động vốn với lãi suất cao, chi phí tài chính tăng dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh suy giảm.

Để giảm thiểu tác động của rủi ro lạm phát đến hoạt động kinh doanh, TPS luôn tăng cường hệ thống quản trị rủi ro, chú trọng công tác dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán

2. RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do các nguyên nhân khác quan khác. Để hạn chế thiệt hại có thể xảy ra, TPS đưa ra các biện pháp:

- Xây dựng các tiêu chuẩn nhân sự, đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đề cao đạo đức nghề nghiệp.
- Ứng dụng tối đa công nghệ vào vận hành, giảm thiểu các rủi ro liên quan đến con người khi thực hiện quy trình.
- Chuẩn hóa công tác soạn thảo, ban hành văn bản lập quy.
- Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro.
- Xây dựng các tiêu chuẩn an toàn, bảo mật đối với cơ sở vật chất, hệ thống công nghệ thông tin.

4. RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Hoạt động cung cấp dịch vụ môi giới

Hoạt động môi giới là mảng kinh doanh tiềm ẩn các rủi ro lớn, rủi ro có thể xảy ra tại bất cứ khâu nào của mảng hoạt động, trong đó có các rủi ro trọng yếu sau:

- Sai sót trong hoạt động môi giới khi thực hiện lệnh cho khách hàng, hay trong các giao dịch với các đối tác gây thiệt hại mà Công ty phải bồi thường.
- Rủi ro đạo đức nghề nghiệp do những gian lận của cán bộ nhân viên nhằm trục lợi, gây tổn thất cho khách hàng và công ty chứng khoán.
- Rủi ro hạ tầng thông tin không ổn định.

Để hạn chế và giảm thiểu rủi ro, TPS luôn tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản trị rủi ro và đồng thời Công ty thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn nội bộ để nâng cao trình độ nghiệp vụ của nhân viên môi giới.

3. RỦI RO THANH TOÁN

Rủi ro thanh toán là rủi ro khi một/một số khách hàng hoặc đối tác không thể thanh toán đầy đủ/đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đầy đủ/đúng hạn như cam kết. Để hạn chế tối đa các ảnh hưởng, thiệt hại của rủi ro thanh toán đối với các hoạt động và hiệu quả của Công ty, TPS thực hiện các biện pháp:

- Phân cấp thẩm quyền đề xuất và phê duyệt hạn mức hỗ trợ vốn tối đa cho một Khách hàng theo Quy định Quản lý rủi ro của TPS nhằm đảm bảo an toàn cho Công ty dựa trên việc cập nhật liên tục về năng lực tài chính, tài sản đảm bảo của khách hàng.
- Quy định rõ ràng trong Hợp đồng giao dịch ký quỹ về các điều khoản thực hiện việc bán thanh lý các khoản cho vay ký quỹ. Khi giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản vay giao dịch ký quỹ xuống đến một mức nhất định hoặc đến thời điểm đáo hạn Hợp đồng giao dịch ký quỹ thì TPS phải thực hiện việc bán thanh lý tài sản đảm bảo để đảm bảo việc thu hồi vốn vay, lãi vay, các loại phí nếu có của TPS.

Hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ

Hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính nhằm hỗ trợ cho các nhà đầu tư nâng cao hiệu quả nhờ cơ chế đòn bẩy, đồng thời mang lại nguồn thu lớn cho công ty chứng khoán, nhưng cũng là mảng chứa nhiều rủi ro khi chứng khoán cho khách hàng vay ký quỹ bị giảm giá, công ty chứng khoán không thu hồi được hoặc không thu hồi được hết các khoản cho vay và lãi cho vay do đối tác không thực hiện hoặc mất khả năng hoàn trả.

Để giảm thiểu rủi ro, Công ty phân tích và chọn lọc các cổ phiếu có nền tảng kinh doanh tốt cho vào danh mục làm tài sản đảm bảo cho vay ký quỹ cũng như giới hạn dư nợ cho vay theo từng mã trên tổng nguồn vốn cho vay nhằm tránh tập trung dư nợ phân bổ nhiều cho một cổ phiếu. Công ty cũng thường xuyên phân tích hoạt động kinh doanh, nhận diện sớm rủi ro tiềm ẩn cũng như dự báo triển vọng kinh doanh để tư vấn hỗ trợ cho nhà đầu tư đạt được hiệu quả, từ đó cũng giảm được rủi ro cho TPS khi hỗ trợ tài chính cho khách hàng.

Hoạt động tự doanh

Thị trường chứng khoán luôn biến động không ngừng theo những diễn biến của nền kinh tế. Biến động giá của các cổ phiếu là rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của TPS, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động tự doanh chứng khoán.

Để hạn chế rủi ro phát sinh, ngoài việc đa dạng hóa danh mục đầu tư, TPS còn đầu tư theo các chiến lược sau:

- Hoạt động đầu tư lựa chọn, phân tích, đánh giá các danh mục đầu tư có tính khả thi.
- Xác định, xây dựng tỷ lệ đầu tư tại mỗi công ty, nhóm ngành nghề.
- Có chính sách đầu tư cụ thể dài và ngắn hạn.
- Theo dõi tình hình biến động của thị trường, cập nhật thông tin các công ty đã đầu tư hoặc dự định đầu tư.

Xem xét giá thị trường đã đạt mức lợi nhuận kỳ vọng, hoặc mức độ giảm giá trong hạn mức cho phép và có quyết định kịp thời.

5. RỦI RO LUẬT PHÁP

TPS hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Công ty. TPS thường xuyên cập nhật các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến thị trường chứng khoán và các lĩnh vực liên quan, đảm bảo việc phổ biến các chế độ, chính sách của Nhà nước; quy định, quy trình của Công ty cho tất cả các đơn vị, bộ phận có liên quan. Nhờ đó Công ty hạn chế những rủi ro luật pháp.

6. RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC

Nguồn nhân lực trên TTCK luôn đòi hỏi có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, đạo đức kinh doanh tốt. Khi TTCK tăng trưởng, sự cạnh tranh giữa các tổ chức tài chính trong việc thu hút nhân sự trở nên gay gắt. Ngược lại, khi TTCK sụt giảm lại xuất hiện việc chảy máu chất xám sang các lĩnh vực khác.

Để khắc phục rủi ro này, TPS luôn chú trọng việc tuyển dụng nhân tài, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, và cung cấp chế độ đãi ngộ, chế độ thăng tiến cạnh tranh trên thị trường.

7. RỦI RO KHÁC

Bên cạnh các rủi ro trên, hoạt động kinh doanh của Công ty còn có thể phải chịu những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, động đất, dịch bệnh, lũ lụt, chiến tranh,... Các rủi ro này khó lường và ít xảy ra nhưng khả năng gây thiệt hại lớn về người và tài sản mà khó có thể ngăn chặn được, sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Hoạt động kinh doanh của TPS có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, dịch họa, dịch bệnh, hỏa hoạn,... Nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.
- TPS luôn quan tâm chú trọng đến ý thức rèn luyện sức khỏe cho cán bộ nhân viên bằng cách tổ chức định kỳ các buổi chạy bộ tập thể, các giải thể thao khác cũng như nâng cao ý thức cộng đồng xã hội.

Hoạt động tư vấn tài chính phát hành chứng khoán

Hoạt động tư vấn tài chính, phát hành trái phiếu có thể gặp các rủi ro như: rủi ro danh tiếng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng và rủi ro vận hành.

Nhằm hạn chế rủi ro, TPS lựa chọn các doanh nghiệp lớn, uy tín, có triển vọng để tìm kiếm cơ hội đầu tư cho khách hàng và cho chính Công ty.

Bên cạnh đó, việc giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không chỉ diễn ra trước và tại thời điểm phát hành mà còn xuyên suốt trong suốt thời hạn hiệu lực của trái phiếu để đảm bảo thông tin minh bạch, năng lực tài chính lành mạnh của tổ chức phát hành và tính tuân thủ cao trong thời hạn hiệu lực của trái phiếu.

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2022

VƯỢT SÓNG

HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH
NĂM 2022

SỐ LIỆU TÀI CHÍNH 2022

TỔNG DOANH THU
HOẠT ĐỘNG

2.721
TỶ VNĐ

LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ

176
TỶ VNĐ

LỢI NHUẬN
SAU THUẾ

136
TỶ VNĐ

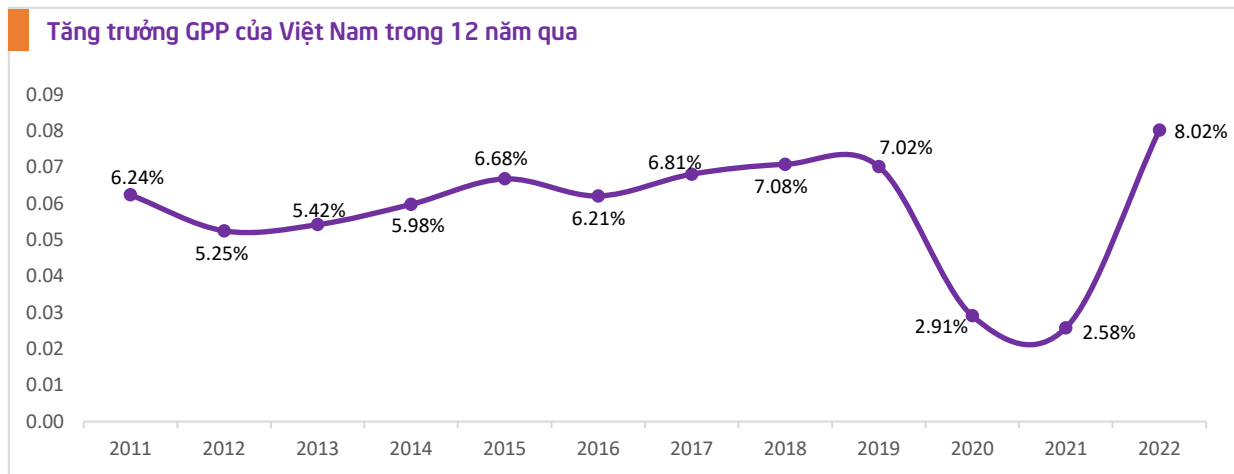
Môi trường kinh doanh - Kinh tế vĩ mô 2022

GDP

8,02%

Với mức tăng trưởng thần kỳ, nền kinh tế của Việt Nam trở thành điểm sáng ở châu Á, một “hình mẫu” về phục hồi nhanh chóng sau đại dịch Covid. Động lực chính cho sự tăng trưởng của nền kinh tế đến từ khu vực sản xuất công nghiệp, xuất khẩu và tiêu dùng trong nước phục hồi tích cực.

Về cơ cấu, đóng góp lớn nhất trong tăng trưởng GDP là khu vực dịch vụ với tỷ trọng 56,56%. Khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 38,24%. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 5,11%.



(Nguồn: GSO và TPS tổng hợp)

Kinh tế phục hồi sau dịch Covid-19, GDP tăng cao nhất trong 12 năm qua, trong giai đoạn từ năm 2011-2022.

Những thành quả đạt được trong năm 2022 được sự đóng góp của rất nhiều yếu tố:

- Sự can thiệp điều hành chính sách đúng đắn và kịp thời: Sau khoảng thời gian bế tắc trong phong toả do dịch Covid. Với chính sách tiêm chủng Vaccin và mở cửa đúng đắn và kịp thời, nền kinh tế của Việt Nam đã phục hồi rất kiên cường và nhanh chóng. Các khó khăn về đứt chuỗi cung ứng được khắc phục, nền sản xuất trở lại bình thường, đơn hàng xuất khẩu và đơn hàng trong nước tăng nhanh. Bên cạnh đó, nhờ sự kết hợp hài hoà, kịp thời, tinh tế và linh hoạt của chính sách tiền tệ, tài khoá và điều chỉnh giá xăng dầu đã góp phần ổn định được lạm phát, tỷ giá và thúc đẩy phát triển ở thị trường xuất khẩu và thị trường nội địa.
- Sự đóng góp to lớn của các doanh nghiệp FDI trong xuất khẩu: Việt Nam là một trong số ít quốc gia có bản đồ FTA phong phú, đa dạng và bao phủ hầu hết các nền kinh tế lớn trên thế giới. Đây là một trong những điểm tựa lớn giúp Việt Nam thu hút được dòng vốn FDI trong thời gian vừa qua. Nhiều doanh nghiệp FDI đã đặt sản xuất tại Việt Nam vì mong muốn được hưởng các ưu đãi khi xuất khẩu hàng hoá tới các thị trường có ký hiệp định FTA với Việt Nam. Vai trò của các doanh nghiệp FDI đóng góp vào tăng trưởng GDP là rất lớn, xuất khẩu của các doanh nghiệp này đóng góp tới 74% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam năm 2022.

CPI

3,15%

Giá hàng hoá đặc biệt là lương thực, thực phẩm và dầu hoá thạch tăng mạnh kể từ khi diễn ra dịch Covid-19 từ cuối năm 2019. Tình hình giá cả trở nên căng thẳng hơn từ cuối tháng 02/2022 khi cuộc chiến tranh giữa Nga-Ukraine bắt đầu nổ ra. Tính tới thời điểm hiện tại, giá cả hàng hoá có phần hạ nhiệt, nhưng vẫn duy trì ở mức cao hơn so với trước đại dịch. Các mặt hàng lương thực, thực phẩm tăng giá một phần là do giá dầu tăng lên, dẫn đến chi phí sản xuất của các mặt hàng này tăng lên.

Ngoài ra, Ukraine và Nga là một trong những quốc gia xuất khẩu lớn về lương thực, thực phẩm. Tuy nhiên, do chiến tranh, xuất khẩu những mặt hàng này từ Nga và Ukraine bị hạn chế dẫn đến nguồn cung bị thiếu hụt. Trong bối cảnh giá lương thực thực phẩm tăng cao, 2 quốc gia lớn bị hạn chế xuất khẩu, nhiều quốc gia trên thế giới đã lo ngại cho an ninh lương thực trong nước và tạm ngưng xuất khẩu. Điều này dẫn tới sự tăng giá nhanh chóng của những mặt hàng này. Đối với dầu hoá thạch, những biện pháp trừng phạt của EU đối với Nga đã đẩy giá mặt hàng này tăng vọt.

Lạm phát 2022 tăng 3,15%, đạt mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4% như mục tiêu Quốc hội đề ra

Yếu tố làm CPI chung tăng:

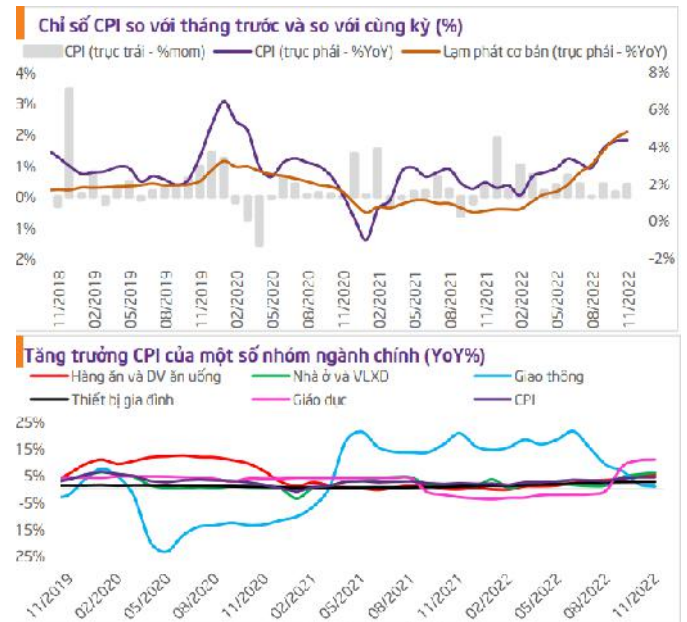
- Giá xăng tăng 28,01% YoY, làm CPI chung tăng 1,01 điểm phần trăm;
- Giá nhà ở và vật liệu xây dựng năm 2022 tăng 3,11% YoY do giá xi măng, sắt thép, cát tăng, làm CPI chung tăng 0,59 điểm phần trăm;
- Giá hàng hoá thực phẩm tăng 1,62% YoY, làm CPI chung tăng 0,32 điểm phần trăm.

Yếu tố làm CPI chung giảm:

- Giá thịt lợn giảm 10,68% YoY do dịch tả lợn châu phi được kiểm soát, làm CPI chung giảm 0,36 điểm phần trăm;
- Giá nhà thuê giảm 1,83% YoY do ảnh hưởng của dịch Covid, làm CPI chung giảm 0,01 điểm phần trăm;
- Giá bưu chính viễn thông giảm 0,35% YoY do giá điện thoại di động giảm

Việc bảo đảm nguồn cung các mặt hàng lương thực, thực phẩm, kiểm soát đà tăng giá xăng dầu, chưa tăng giá điện, giá dịch vụ y tế, học phí, các chính sách giảm thuế như giảm thuế VAT, thuế bảo vệ môi trường với xăng dầu... đã giúp giảm đáng kể áp lực lên mặt bằng giá.

Nhìn chung, lạm phát cơ bản vẫn còn trong tầm kiểm soát, tuy nhiên đang có xu hướng tăng mạnh hơn vào các tháng cuối năm. Điều này cho thấy, lạm phát đã len lỏi tới hầu hết các ngành trong nền kinh tế. Vì vậy, trong năm tới, lạm phát có thể sẽ khó khăn hơn trong năm do tỷ giá tiếp tục tăng và dư địa chính sách không còn nhiều.



(Nguồn: GSO và TPS tổng hợp)

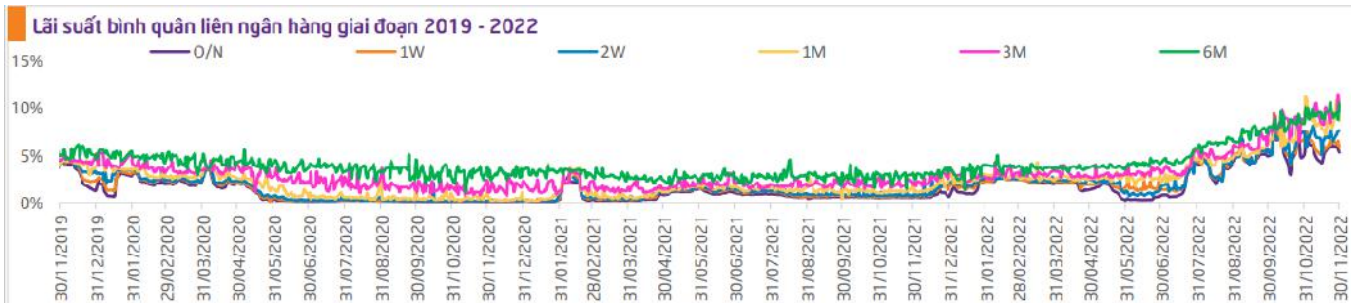
TỶ GIÁ VND/USD

-3,5%

- Do Fed và các NHTW trên thế giới nhiều lần tăng lãi suất điều hành để kiểm soát áp lực lạm phát. Điều này làm cho giá USD tăng mạnh nhất 20 năm qua, khiến đồng tiền của nhiều quốc gia, bao gồm Việt Nam mất giá mạnh.
- Tỷ giá USD/VND tại các NHTM tăng mạnh kể từ đầu tháng 09/2022, đặc biệt là sau động thái nới biên độ tỷ giá từ 3% lên 5% hiệu lực từ ngày 17/10/2022;
- Áp lực tỷ giá giảm xuống sau khi Fed giảm tốc ở đợt tăng lãi suất lần thứ 7 vào ngày 14/12/2022 do lạm phát tháng 11/2022 đạt mức thấp nhất kể từ tháng 12/2021, tăng 7,1% YoY.

LÃI SUẤT

Việc Fed tăng lãi suất liên tục chưa từng có làm cho đồng USD lên giá mạnh, gia tăng áp lực lên mặt bằng lãi suất và tỷ giá trong nước, tạo sức ép lên lạm phát. Để ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, từ cuối tháng 9/2022, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện điều chỉnh tăng các mức lãi suất điều hành. Theo đó, mặt bằng lãi suất tiền gửi và cho vay cũng tăng dần về cuối năm, làm tăng thêm gánh nặng chi phí lãi vay cho các doanh nghiệp trong bối cảnh khó khăn toàn diện, cộng thêm nguồn vốn tín dụng vốn đã bị hạn chế trước đó với chính sách tín dụng thắt chặt cũng như thị trường trái phiếu doanh nghiệp diễn ra trầm lắng do ảnh hưởng bởi các sự vụ Chính phủ xử lý mạnh tay các doanh nghiệp, cá nhân vi phạm.



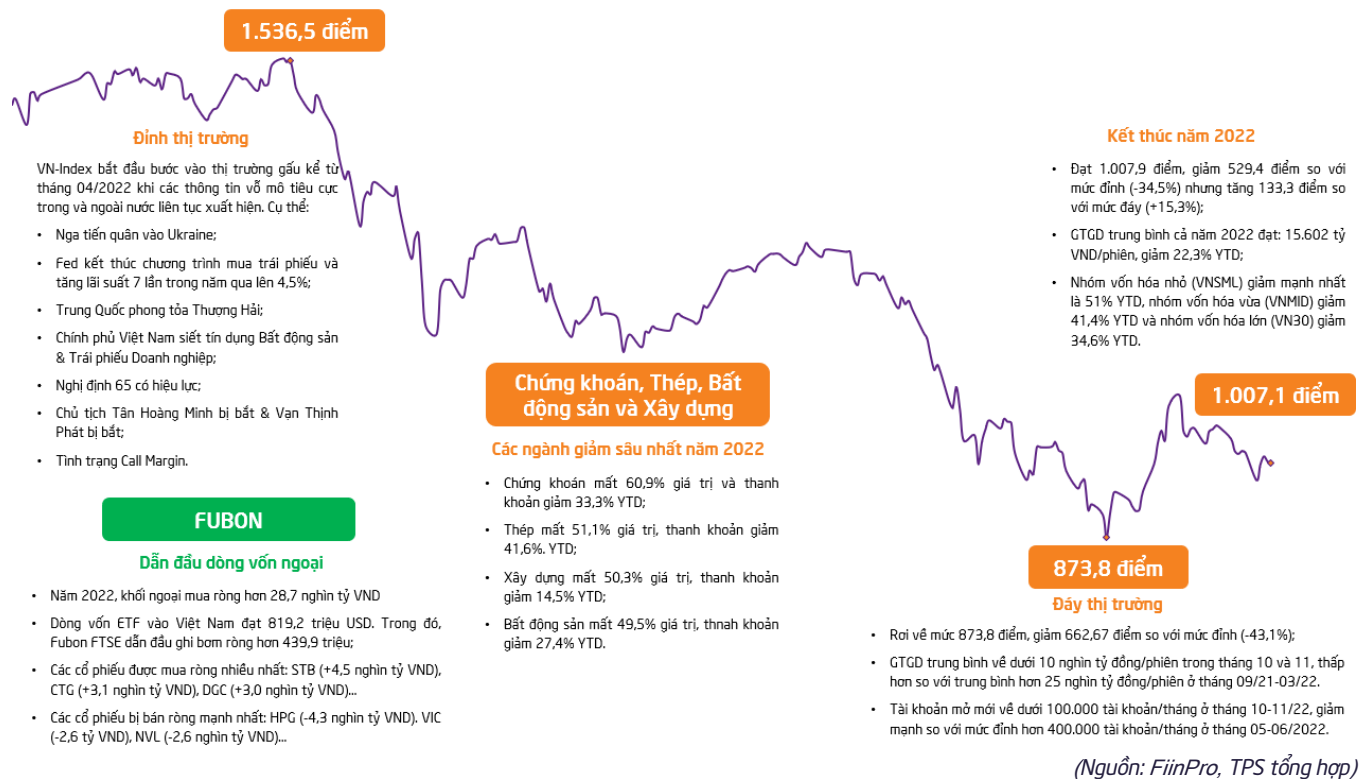
2022 YEAR END RECAP



*GDP danh nghĩa; ** Tăng trưởng GDP thực ▲ Khả quan, ▼ Khó khả quan

Môi trường kinh doanh - Thị trường chứng khoán 2022

Biến động của VN-Index trong năm 2022



Năm 2022 – nhiều biến cố lớn xuất hiện làm cho TTCK Việt Nam giảm mạnh nhất trên thế giới

Ngoài nước:

- Việc Nga tiến quân vào Ukraine đã kéo theo một chuỗi các lệnh trừng phạt của Mỹ và EU khiến giá nhiên liệu và hàng hóa tăng nhanh chóng. Hệ quả là lạm phát tăng cao kỷ lục tại nhiều quốc gia vốn đang bất ổn do việc bơm tiền quá đà nhằm đối phó với Covid-19 trước đó. Để hạ nhiệt tình trạng này, mở đầu là FED đã dùng chương trình mua trái phiếu và bắt đầu tăng lãi suất kể từ tháng 03/2022. Điều này tác động khiến USD bật tăng kéo theo tình trạng mất giá của nhiều đồng tiền và buộc NHTW khác cũng phải thắt chặt tiền tệ. Không nằm ngoài tác động này, VN-Index cũng chứng kiến sự suy giảm mạnh về thanh khoản khi dòng tiền của khối ngoại suy yếu.
- Ngoài ra, việc chính sách Zero-Covid của Trung Quốc duy trì xuyên suốt 2022 đã khiến tình trạng chuỗi cung ứng toàn cầu căng thẳng và điều này cũng góp phần khiến lạm phát toàn cầu gia tăng khi hàng hóa vẫn khan hiếm. Bên cạnh đó, diễn biến này cũng tác động tiêu cực đến tình trạng xuất nhập khẩu của Việt Nam với Trung Quốc.

Trong nước:

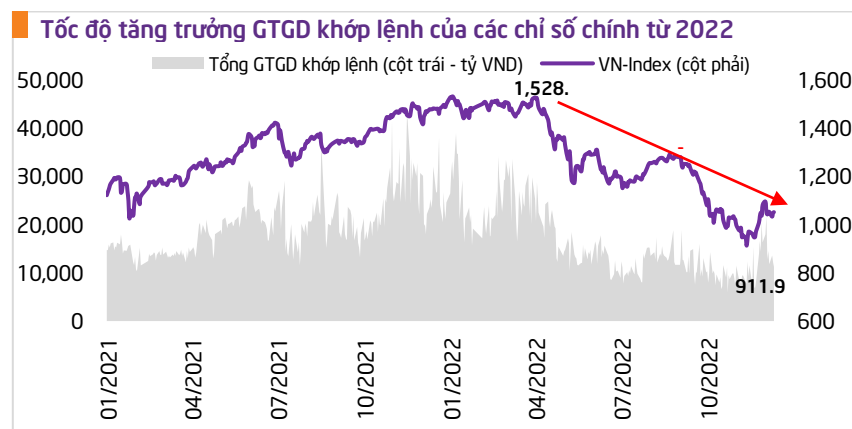
- Việc các cá nhân như Chủ tịch FLC, Chủ tịch Louis Holding, Giám đốc chứng khoán Trí Việt và BOS thao túng giá cổ phiếu hồi đầu năm đã khiến niềm tin NĐT cá nhân bị ảnh hưởng. Cùng với đó, việc các cá nhân này bị bắt cũng đã để lại khoảng trống trong thanh khoản thị trường.
- Thêm vào đó, sai phạm của Tập đoàn Tân Hoàng Minh trong phát hành TPDN chính là tín hiệu báo động về các lỗ hổng trong hoạt động huy động vốn của thị trường TPDN nói chung và ngành BĐS nói riêng. Điều này đã khiến Chính phủ phải có các biện pháp mạnh tay nhằm siết chặt việc phát hành TPDN và nguồn tín dụng đổ vào thị trường BĐS. Đỉnh điểm của sai phạm về TPDN thuộc về CTCP Tập đoàn An Đông thuộc Tập đoàn Vạn Thịnh Phát với quy mô trái phiếu đã phát hành lên đến gần 25.000 tỉ đồng. Đây được xem như là hiệu ứng Domino kéo thị trường TPDN rơi vào khủng hoảng và ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến niềm tin của NĐT. Hệ lụy của điều này là việc hàng loạt doanh nghiệp BĐS gặp khó khăn trong việc xoay sở dòng tiền khi phải tìm cách mua lại trái phiếu trong bối cảnh lãi suất tăng cao và khó phát hành trái phiếu mới. Theo số liệu từ Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam, trong năm 2022, có 420 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, với trị giá xấp xỉ 244.565 tỷ đồng, chiếm 96% tổng giá trị phát hành, giảm 66% so với cùng kỳ năm ngoái.

Từ đỉnh lịch sử rơi xuống đáy sâu

Trải qua một năm đầy biến động với nhiều biến cố lớn xuất hiện, VN-Index đã lao dốc mạnh từ mức đỉnh 1.528,6 thiết lập hồi tháng 04/2022 xuống mức đáy 911,9 điểm vào tháng 11/2022, tương đương mất hơn 40% giá trị. Các đợt sụt giảm mạnh này đã khiến hơn 90% cổ phiếu ghi nhận giảm giá, trong đó nhiều mã giảm đến 60-70% giá trị và liên tục xác lập mức đáy mới của năm.

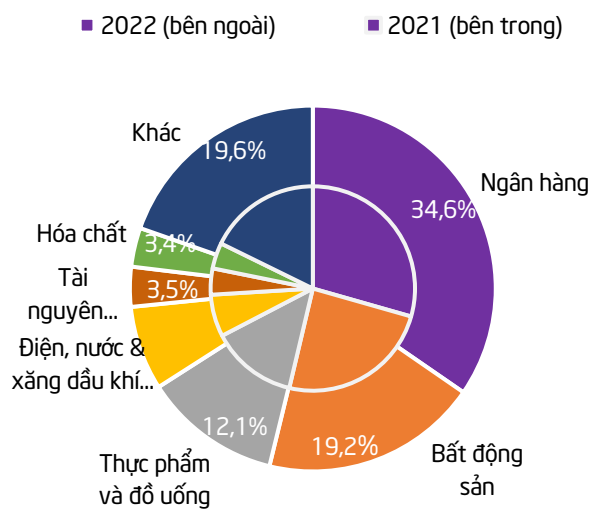
Thanh khoản sụt giảm là vấn đề chính của thị trường, nguyên nhân chủ yếu bắt nguồn từ lo ngại về rủi ro của thị trường TPDN sau giai đoạn tăng nóng trước đó. Sau các vụ việc sai phạm diễn ra ở một số tập đoàn lớn và bị luật pháp xử lý, áp lực đáo hạn trái phiếu trước hạn gia tăng, tác động tiêu cực đến các tổ chức tài chính, các đơn vị phát hành trái phiếu và cả dòng tiền trên TTCK. Điều này đã tác động tiêu cực đến tâm lý các nhà đầu tư. Bên cạnh đó, dòng tiền trở lại sản xuất kinh doanh khi các hoạt động kinh tế trở lại bình thường cũng góp phần làm suy yếu thanh khoản thị trường. Cuối cùng là dòng tiền margin giảm mạnh về quanh vùng 90.000 tỷ đồng (theo ước tính của TPS), tương đương giảm gần 110.000 tỷ đồng so với mức đỉnh Q1.22. Hệ quả, giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân trên sàn HOSE giảm về dưới mức 10 nghìn tỷ đồng/phiên trong tháng 10-11/2022 và 14 nghìn tỷ đồng/phiên trong tháng 12/2022 so với mức trung bình hơn 25 nghìn tỷ đồng/phiên trong giai đoạn từ tháng 09/2021-03/2022.

Kết quả này đã có tác động tiêu cực đến tâm lý NĐT thể hiện qua thống kê số tài khoản mở mới lao dốc mạnh từ vùng đỉnh hơn 400.000 tài khoản/tháng ở giai đoạn tháng 05-06/2022 về mức dưới 100.000 tài khoản/tháng ở giai đoạn tháng 10-12/2022.



(Nguồn: FiinPro, TPS tổng hợp)

Tỷ trọng theo vốn hóa các ngành



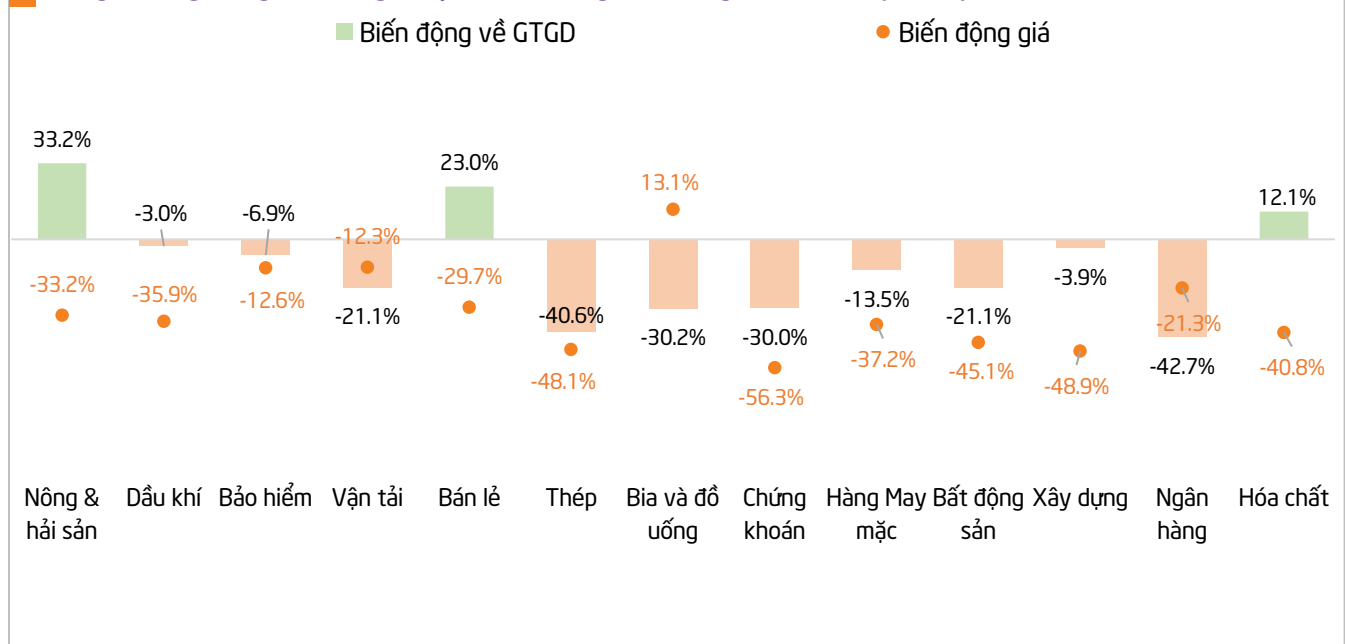
(Nguồn: FiinPro, TPS tổng hợp)

Nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ (VNSML) dẫn đầu đà giảm cả về thanh khoản và giá trị khi lần lượt mất hơn 77% và 58,2%. Theo sau, nhóm vốn hóa vừa (VNMID) sụt giảm gần 61% về thanh khoản và mất gần 53% giá trị so với cuối năm 2021. Cuối cùng, nhóm vốn hóa lớn (VN30) giảm 61% về GTGD khớp lệnh và mất 42% giá trị.

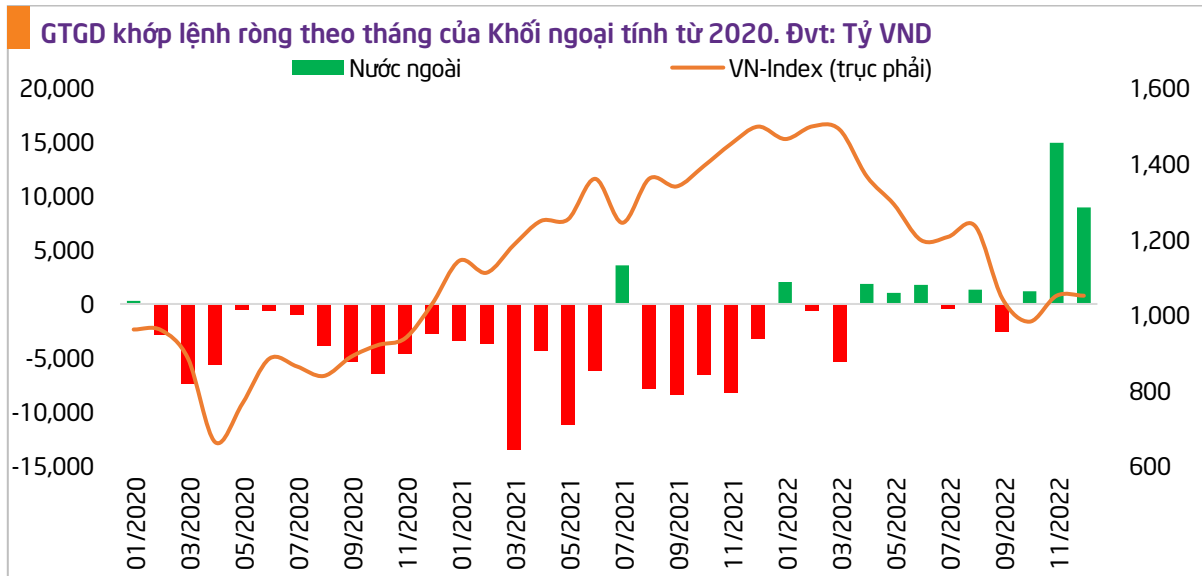
Về nhóm ngành, Bất động sản và các nhóm liên quan là Xây dựng và Thép đều chịu tác động tiêu cực từ việc siết tín dụng và phát hành trái phiếu khiến giá trị 3 nhóm này đều mất hơn 40%. Ngoài ra, nhóm vốn hóa lớn nhất thị trường - Ngân hàng cũng trải qua một năm kém sắc khi giá trị bốc hơi gần 43% và dòng tiền giảm hơn 20%. Ngược lại, Bán lẻ, Hóa chất và Nông & Hải sản là những ngành thu hút được dòng tiền trong năm 2022 nhưng diễn biến giá vẫn không nằm ngoài kịch bản chung toàn thị trường.

Giá cổ phiếu của nhóm ngành bất động sản, xây dựng và thép giảm mạnh nhất trong năm

Tăng trưởng dòng tiền và giá trị các nhóm ngành trong năm 2022 (%YTD)



(Nguồn: FiinPro, TPS tổng hợp)

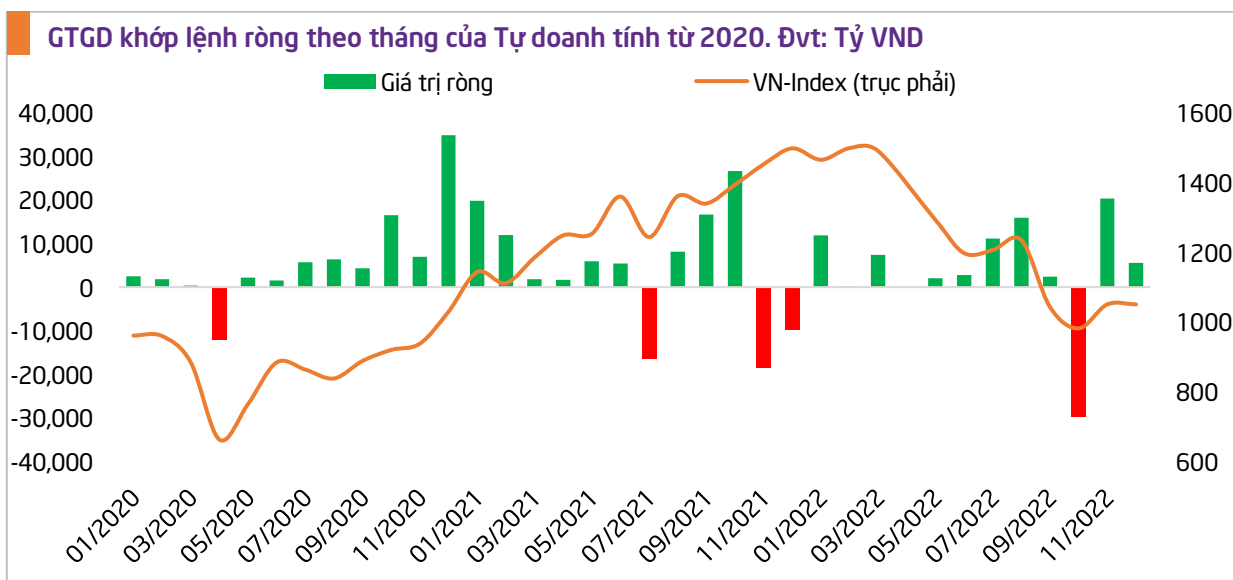


(Nguồn: FiiPro, TPS tổng hợp)

Khối ngoại và Tự doanh mua ròng trong phần lớn thời gian giao dịch năm 2022

Sau giai đoạn bán ròng xuyên suốt năm 2021, dòng tiền từ khối ngoại đã mua ròng trở lại trong phần lớn thời gian giao dịch của thị trường ở năm 2022. Tuy nhiên, giá trị mua ròng này là không đáng kể và điều này chưa đủ để thu hẹp đà giảm mạnh của thị trường. Tuy nhiên, dòng tiền từ nhóm này đã có sự trở lại đầy mạnh mẽ vào cuối tháng 11 và đầu tháng 12 để giúp VN-Index bật tăng hơn 25% từ mức đáy 873 điểm. Giá trị giao dịch khớp lệnh đạt mức kỷ lục hơn 24 nghìn tỷ đồng (tính từ 01/01-14/12).

Cùng với đó, nhóm tự doanh cũng duy trì trạng thái mua ròng trong phần lớn thời gian giao dịch của năm 2022 với giá trị mua ròng đạt gần 5.000 tỷ đồng (tính từ 01/01-14/12).



(Nguồn: FiiPro, TPS tổng hợp)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2022 SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	% Thực hiện
Tổng doanh thu	Tỷ VNĐ	1.981	2.733	138 %
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	500	176	35%

TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 CỦA CÁC MẢNG KINH DOANH CHÍNH

Mảng Ngân hàng đầu tư

Các chỉ tiêu	Kết quả
1. Tổng giá trị phát hành trái phiếu	14.814 tỷ VNĐ
2. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	603 tỷ VNĐ
3. Lợi nhuận gộp hoạt động tư vấn tài chính	423 tỷ VNĐ
4. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	13 tỷ VNĐ
5. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	93 tỷ VNĐ

Mảng tự doanh

Các chỉ tiêu	Kết quả
1. Giá trị danh mục tài sản tài chính ghi nhận qua lãi/lỗ (FVTPL)	1.798 tỷ VNĐ
2. Doanh thu hoạt động tự doanh	1.085 tỷ VNĐ
3. Chi phí hoạt động tự doanh	1.389 tỷ VNĐ
4. Lợi nhuận gộp hoạt động tự doanh	(303) tỷ VNĐ

Mảng Môi giới

Các chỉ tiêu	Kết quả
1. Giá trị giao dịch	58.872 tỷ VNĐ
2. Số lượng tài khoản mở mới	16.277 tài khoản
3. Tổng số lượng tài khoản hiện có	39.119 tài khoản
4. Doanh thu môi giới chứng khoán	74 tỷ VNĐ
5. Lợi nhuận gộp môi giới	- 19 tỷ VNĐ
6. Dư nợ cho vay	990 tỷ VNĐ
7. Lãi từ cho vay và phải thu	172 tỷ VNĐ

Công nghệ, Sản phẩm và Vận hành

HỆ THỐNG CÁC PHẦN MỀM

- Phần mềm giao dịch CKNY cho khách hàng/môi giới: (i) Hoàn thiện nâng cấp tính năng cho TPS Mobile App, (ii) Triển khai thành công phần mềm Home trading cho môi giới giao dịch từ xa.
- Phần mềm quản lý giao dịch trái phiếu doanh nghiệp: (i) Xây dựng xong phần mềm trái phiếu mới + tích hợp/chuyển đổi dữ liệu cũ/còn hiệu lực sang phần mềm mới + (ii) Tích hợp phần mềm trái phiếu mới với core CKNY + (III) Hiển thị được trái phiếu của khách hàng trên TPS Mobile.
- Kết nối với TPBank đạt kết quả: (i) Tích hợp để khách hàng chuyển tiền từ TPBank sang tài khoản chứng khoán TPS, khách hàng mở TKCK ngay trên App TPBank (thông qua API của TPS).

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Dịch vụ tài khoản chứng khoán:

- Dịch vụ mở tài khoản: (i) Cung cấp dịch vụ sửa thông tin tài khoản qua TPS Mobile App; (ii) Xây dựng dịch vụ tài khoản số đẹp, số tự chọn kết hợp kiểm tra trùng dữ liệu (họ tên, ngày sinh, CMND); (iii) Mở TKCK trên App TPBank (link liên kết miễn TPS).
- Dịch vụ nộp/rút tiền: triển khai thành công: (i) Dịch vụ khách hàng nộp tiền vào tài khoản chứng Khoán realtime thông qua TPB, BIDV; (ii) Duyệt tiền tự động theo hạn mức tại core TPS, eBank TPBank.

Dịch vụ chứng khoán/trái phiếu:

- Triển khai các dòng sản phẩm/dịch vụ/chương trình thúc đẩy của Margin.
- Triển khai các sản phẩm đầu tư như: sản phẩm hợp tác đầu tư, các chương trình thi đua Hot Sale Contest.

VẬN HÀNH

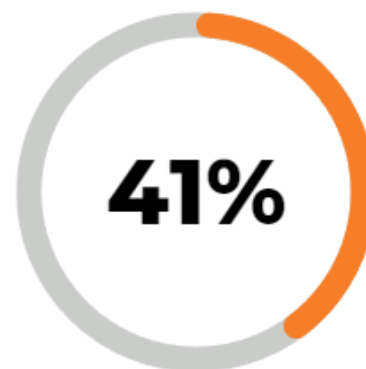
- Thiết lập quy trình, biểu mẫu và hướng dẫn vận hành nghiệp vụ cơ bản/đặc thù theo từng sản phẩm.
- Xây dựng/ban hành và hướng dẫn chính sách cho khách hàng, đơn vị kinh doanh.
- Xây dựng và đào tạo sản phẩm cho các đơn vị kinh doanh triển khai sản phẩm.
- Xây dựng yêu cầu, hướng dẫn phối hợp xây dựng, kiểm tra nghiệm thu, hướng dẫn golive phần mềm.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Bảng cân đối tài sản giai đoạn 2020 - 2022

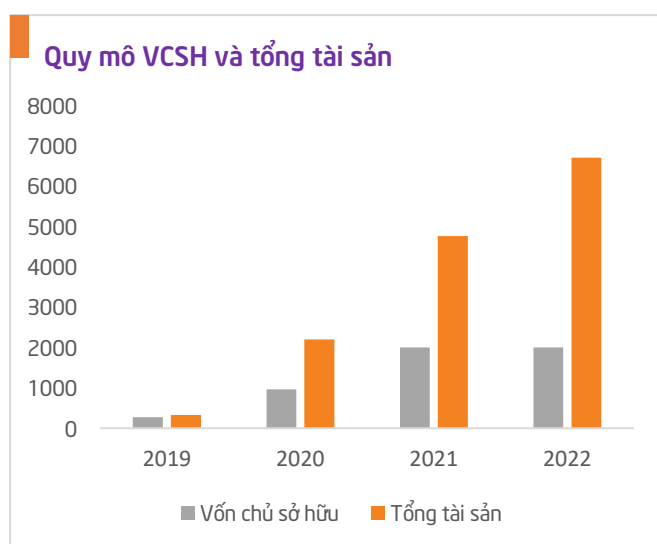
Chỉ tiêu (Tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.173	4.732	6.626
I. Tài sản tài chính	2.169	4.724	6.619
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.002	108	15
2. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	450	1.821	1.798
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	0	346	0
4. Các khoản cho vay	128	1.826	990
5. Các khoản phải thu	1	4	2.623
6. Trả trước cho người bán	513	42	7
7. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	63	565	1.173
8. Các khoản phải thu khác	13	12	113
II. Tài sản ngắn hạn khác	4	8	7
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	26	32	80
I. Tài sản cố định	7	16	11
II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	2	1
III. Tài sản dài hạn khác	18	14	68
TỔNG TÀI SẢN	2.199	4.764	6.707
A. NỢ PHẢI TRẢ	1.238	2.592	4.399
I. Nợ phải trả ngắn hạn	238	592	1.399
Trong đó: vay ngắn hạn	0	346	60
II. Nợ dài hạn	1.000	2.000	3.000
Trong đó: vay dài hạn	1.000	2.000	3.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	961	2.172	2.308
I. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000	2.001	2.001
II. Lợi nhuận chưa phân phối	(39)	154	290
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.199	4.764	6.707

Quy mô tổng tài sản không ngừng tăng liên tục qua từng năm kể từ khi thực hiện tái cơ cấu công ty bắt đầu từ năm 2019.



Năm 2022 ghi nhận mức kỷ lục về giá trị tài sản, đạt 6.707 tỷ đồng, tăng 41% so với thời điểm đầu năm.

Trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 99% tổng tài sản với giá trị 6.626 tỷ đồng. Các khoản mục chính trong cơ cấu tài sản là các khoản tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là 1.798 tỷ đồng, các khoản phải thu là 2.623 tỷ đồng, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ (margin) là 990 tỷ đồng và phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp là 1.173 tỷ đồng.

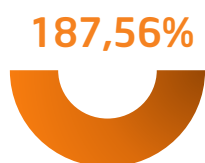


Dư nợ cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán ghi nhận tại ngày 31/12/2022 là 990 tỷ đồng, chiếm 14,8 % tổng tài sản, giảm 46% so với số dư cuối kỳ 2021.

Do tình hình thị trường chứng khoán trong năm 2022 khá bất ổn và giảm mạnh, do vậy Công ty chủ động giảm thiểu dư nợ cho vay margin, tuân thủ nghiêm ngặt các chính sách quản trị rủi ro của mình, lựa chọn cổ phiếu tốt, tiềm năng trong danh mục cổ phiếu được chấp nhận cho vay giao dịch ký quỹ theo công bố của Sở Giao Dịch Chứng Khoán; nhờ vậy, TPS không phát sinh khoản nợ xấu nào trong năm 2022.

Về cơ cấu nguồn vốn, vốn chủ sở hữu ghi nhận mức 2.308 tỷ đồng, tăng hơn 6% so với thời điểm đầu năm. Năm 2022, TPS còn khoảng 290 tỷ đồng lợi nhuận chưa phân phối, gấp 1,9 lần so với thời điểm đầu năm. Bên cạnh đó, khoản nợ phải trả của công ty cũng tăng lên 4.399 tỷ đồng, gấp 1.7 lần so với thời điểm đầu năm. Trong đó, chủ yếu là nợ dài hạn chiếm tới 68% tổng nợ năm 2022 của công ty, tăng 50% so với thời điểm đầu năm, phần lớn là trái phiếu phát hành dài hạn khoảng 3.000 tỷ đồng. Nợ ngắn hạn của công ty cũng tăng lên, gấp 2.4 lần so với thời điểm đầu năm, chủ yếu là do tăng lên của các khoản mục doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn, gấp 14.3 lần và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn tăng gấp 13 lần so với thời điểm đầu năm.

Các chỉ số tài chính	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ số thanh khoản				
Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	9,13	7,99	4,74
Các chỉ số nợ				
Hệ số vốn chủ sở hữu so với tổng nguồn vốn	Lần	0,44	0,46	0,34
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	Lần	1,29	1,19	1,91
Tỷ lệ nợ trên tổng tài sản	Lần	0,56	0,54	0,66
Hệ số an toàn tài chính/Tỷ lệ vốn khả dụng	%	424,12%	260,74%	187,56%
Tỷ suất sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	9,3%	9,7%	5,9%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	%	4,1%	4,4%	2,0%

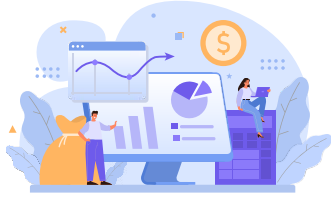


Các hệ số tài chính có phần giảm sút so với năm 2020 và năm 2021, nhưng vẫn ở mức an toàn. Hệ số thanh toán hiện hành vẫn duy trì ở mức cao 4,74 lần. TPS chủ động tăng nợ vay để phục vụ các mục tiêu phát triển trung dài hạn của Công Ty. Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2022 đã kiểm toán đạt 187,56%, vẫn ở mức an toàn theo quy định.

KẾT QUẢ KINH DOANH 2022

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	% thay đổi
Kết quả kinh doanh (Triệu VNĐ)				
Doanh thu hoạt động	390.125	1.346.028	2.720.792	102,13%
Chi phí hoạt động	203.106	781.091	2.045.230	161,84%
Doanh thu hoạt động tài chính	381	1.380	1.599	15,87%
Chi phí tài chính	41.400	178.859	345.248	93,03%
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	52.227	121.849	165.168	35,55%
Kết quả hoạt động	93.772	265.609	166.745	-37,22%
Kết quả hoạt động khác	9.937	5.738	9.449	64,67%
Lợi nhuận trước thuế	103.710	271.347	176.194	-35,07%
Lợi nhuận sau thuế	89.266	210.684	135.675	-35,60%
Chỉ tiêu cho 1 đơn vị cổ phiếu				
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	200.000.000	200.000.000	0,00%
Thu nhập trên 1 cổ phiếu (EPS) - VNĐ	1.590	1.447	678	-53,14%

Lãi sau thuế năm 2022 đạt 135,7 tỷ đồng bất chấp vĩ mô đối mặt với loạt khó khăn chưa từng có nhờ có nhiều biện pháp thúc đẩy kinh doanh cũng như chú trọng phát triển công nghệ số trong hầu hết các sản phẩm và dịch vụ



Sau khi chuyển đổi từ CTCP Chứng khoán Phương Đông thành CTCP Chứng khoán Tiên Phong và gia nhập hệ sinh thái TPBank, Công ty đã thực hiện công cuộc tái cấu trúc toàn diện từ nguồn vốn hoạt động, chiến lược kinh doanh, cơ cấu tổ chức quản trị và nhân sự. Với phương án tái cơ cấu đúng đắn, linh hoạt, chỉ với hơn 2 năm TPS đã thực hiện thành công công cuộc tái cơ cấu Công ty khi nhanh chóng khắc phục hoàn toàn lỗ lũy kế đã để lại trước đó và đạt được sự tăng trưởng cao trong giai đoạn 2019 – 2021.

Bước sang năm 2022 với nhiều thách thức, khó khăn nhưng Công ty vẫn ghi nhận mức doanh thu kỷ lục gần 2.733 tỷ đồng, tăng hơn 101% so với năm 2021. Nguồn thu của TPS cũng đa dạng hơn với cơ cấu doanh thu có được từ đầy đủ các mảng nghiệp vụ cơ bản của một công ty chứng khoán.

Trong năm, doanh thu tư vấn tài chính đạt gần 603 tỷ đồng, giảm nhẹ 3,4%, và mảng môi giới chứng khoán đạt 74 tỷ đồng, giảm hơn 11% so với năm trước đó.

Đối với mảng tự doanh, lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) ghi nhận 1.069 tỷ đồng, tăng mạnh 200% so với năm trước; tuy nhiên, chi phí hoạt động ghi nhận qua lãi/lỗ (FVTPL) tăng mạnh hơn, lên đến 1.384 tỷ; theo đó hoạt động tự doanh ghi nhận lỗ 303 tỷ đồng sau khi đã bù trừ với khoản lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) và chi phí liên quan đến hoạt động tự doanh

Hoạt động tăng trưởng ấn tượng nhất của Công ty trong năm 2022 là hoạt động lưu ký chứng khoán, ghi nhận doanh thu lên đến gần 655 tỷ đồng, tăng 260% so với 2021. Tiếp đến hoạt động cho vay (cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán) cũng ghi nhận sự

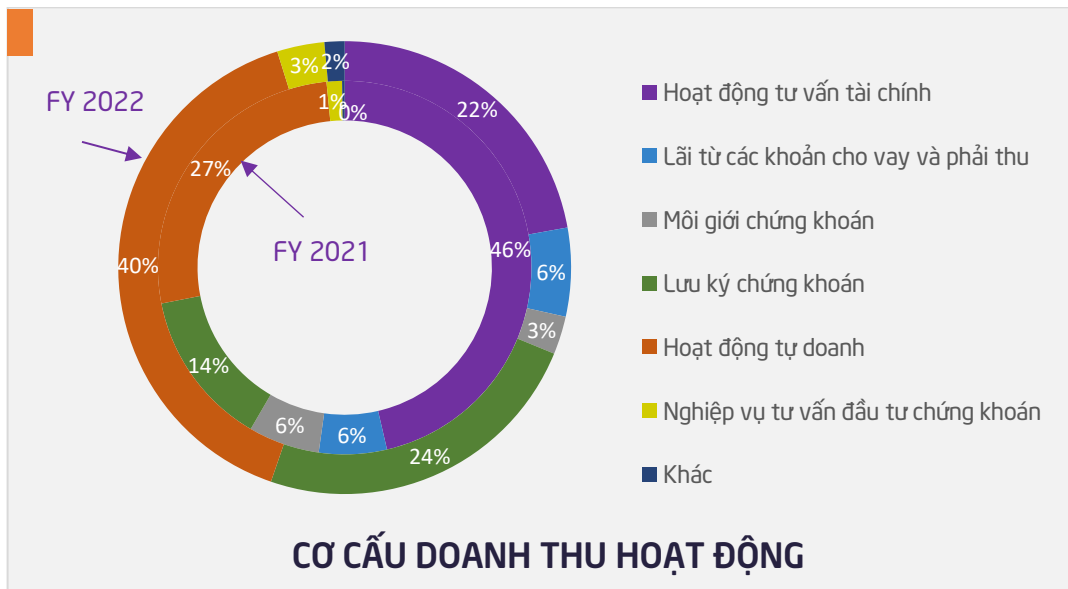
tăng trưởng tích cực, đạt mức doanh thu hơn 172 tỷ đồng, tăng gần 118% so với năm 2021.

Chi phí hoạt động tăng 162% vì hoạt động tự doanh và cho vay giao dịch ký quỹ được đẩy mạnh trong năm 2022, do đó các chi phí hoạt động liên quan đến các hoạt động này tăng mạnh. Chi phí tài chính phát sinh hơn 345 tỷ đồng, tăng 93% so với năm trước do TPS phát hành thành công thêm 1.000 tỷ đồng trái phiếu, tăng tổng dự nợ trái phiếu lên 3.000 tỷ đồng bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh nhằm tạo tiền đề để phát triển kinh doanh cũng như phục vụ các mục tiêu phát triển trung và dài hạn của Công ty. Bên cạnh đó, chi phí quản lý cũng tăng 36% trong năm 2022, chủ yếu là chi phí văn phòng làm việc và nhân sự.

Tổng kết, mặc dù doanh thu hoạt động đạt kỷ lục nhưng chi phí tăng cùng với việc bị ảnh hưởng đáng kể bởi tình hình chung của thị trường tài chính, chứng khoán trong năm 2022, lợi nhuận sau thuế của Công ty chỉ đạt gần 136 tỷ đồng, giảm gần 36% so với năm 2021.

Nhìn chung, kết quả kinh doanh năm 2022 của TPS chưa hoàn thành kế hoạch lợi nhuận đã đề ra là 500 tỷ đồng, tuy nhiên vẫn được đánh giá tích cực, có thể nói TPS đã vượt bão thành công trong bối cảnh toàn bộ nền kinh tế phải đương đầu với hàng loạt khó khăn, thử thách. Xung đột địa chính trị Nga – Ukraine kéo dài đã đẩy nền kinh tế thế giới đối mặt với sức ép lớn về lạm phát, lãi suất và tỷ giá gia tăng. Bên cạnh đó thị trường tài chính trong nước có nhiều bất ổn, tình hình thị trường trái phiếu do một số cá nhân doanh nghiệp sai phạm đã gây ra tác động tâm lý, ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường trên diện rộng, dẫn đến thị trường chứng khoán Việt Nam nằm trong thị trường giảm điểm mạnh nhất thế giới.

Sớm nhận thấy nhưng bất ổn trên, TPS đã chủ động linh hoạt thay đổi, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế của từng thời điểm. Bên cạnh đó, cùng với chiến lược tập trung phát triển công nghệ phù hợp với xu hướng số hoá trong giai đoạn hiện nay đã giúp cho TPS ổn định, vượt qua khó khăn và tiếp tục phát triển bền vững.



(*) Hoạt động tự doanh bao gồm các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM).

(**) Hoạt động tư vấn tài chính bao gồm hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư (tư vấn phát hành chứng khoán).

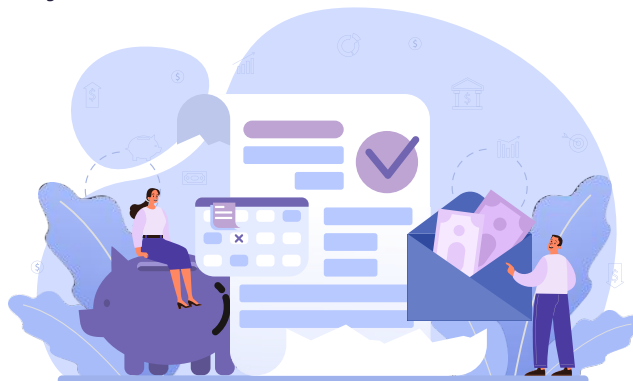
Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Với việc tái cấu trúc toàn diện Công ty bắt đầu từ năm 2019, dựa trên thế mạnh sau khi gia nhập hệ sinh thái TPBank, Công ty đã chủ trương thực hiện chiến lược tập trung phát triển vào hoạt động tư vấn tài chính, cụ thể là nghiệp vụ tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu. Cùng với năng lực phân phối và đội ngũ tư vấn có chất lượng, khả năng phân phối rộng, hệ thống phân phối đa dạng, bao gồm đội ngũ kinh doanh riêng của TPS, mạng lưới cộng tác viên và đối tác với TPBank; TPS ngày càng tạo được uy tín với tổ chức phát hành và nhà đầu tư, do đó hoạt động tư vấn tài chính của TPS ngày càng lớn mạnh đem lại doanh thu cao cho Công ty.

Thành quả mà TPS nhận được là Công ty đã vươn lên đứng thứ 2 về thị phần môi giới trái phiếu trên HOSE năm 2021, tăng 4 hạng so với năm 2020 với tổng thị phần tăng vọt từ mức 2,62% năm 2020 lên mức 19,01% năm 2021. Công ty cũng nhận được giải Ngân hàng Đầu Tư Phát triển nhanh nhất Việt Nam từ tổ chức uy tín Global Economics.

Bước sang năm 2022, do việc thị trường trái phiếu danh nghiệp cả nước rơi vào tình trạng trầm lắng do các cuộc thanh tra của Chính phủ nhằm vào hoạt động huy động vốn, kênh trái phiếu và các tin đồn liên quan đến sức khỏe tài chính của doanh nghiệp đã gây nên nỗi lo tâm lý đến sức mua của thị trường. Do đó hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu của TPS cũng bị ảnh hưởng đáng kể. Tổng giá trị mệnh giá trái phiếu do Công ty tư vấn phát hành từ mức 42.910 tỷ đồng trong năm 2021 đã giảm xuống mức 14.814 tỷ đồng trong năm 2022, tương đương với giảm 65,5%.

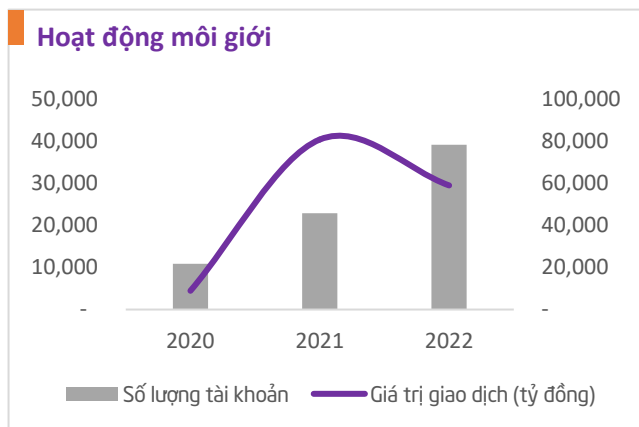
Tổng kết năm 2022, doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính ghi nhận gần 603 tỷ đồng, giảm nhẹ 3,4% so với năm 2021 và lợi nhuận gộp đạt 423 tỷ đồng, tăng 13,4%.



Dịch vụ chứng khoán

Hoạt động môi giới ghi nhận số lượng tài khoản tăng mạnh

Tiền thân của TPS là công ty chứng khoán đã bị thua lỗ nhiều năm, thương hiệu giảm mạnh, không đầu tư hệ thống, công nghệ lỗi thời, thiếu các tiện ích cơ bản, đội ngũ nhân sự không có... Vì vậy, thời gian đầu của giai đoạn tái cấu trúc, TPS chưa thể phục vụ ngay khách hàng cá nhân, mà tập trung cho khách hàng tổ chức là chính. Song song đó, Công ty tích lũy kinh nghiệm, cải thiện mọi mặt và phát triển nguồn lực (vốn, bộ máy nhân sự, phát triển hệ thống, đầu tư công nghệ...). Năm 2021, TPS đã sẵn sàng để phục vụ và đáp ứng nhu cầu đa dạng cho khách hàng cá nhân, nhờ vậy số lượng tài khoản tại TPS tăng trưởng nhanh chóng gần 113%, lên mức 22.842 tài khoản và đến năm 2022 tăng tiếp 71% lên 39.119 tài khoản.



Trong năm 2022, doanh thu hoạt động môi giới chỉ đạt gần 74 tỷ đồng, giảm 11% so với năm 2021.

Nghiệp vụ lưu ký chứng khoán đạt kết quả ấn tượng

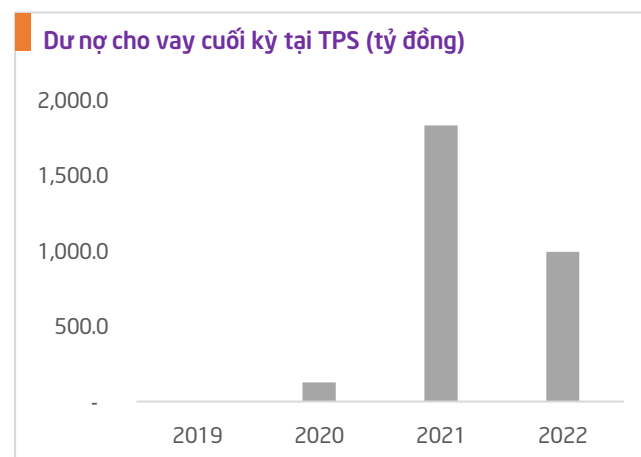
Kết quả hoạt động kinh doanh ấn tượng nhất là hoạt động lưu ký chứng khoán, đóng góp hơn 24% tổng doanh thu hoạt động, đạt đến 655 tỷ đồng doanh thu, tăng 260% so với năm 2021, mang lại mức lợi nhuận gộp lên đến 271 tỷ đồng. Doanh thu phí đại lý lưu ký của các khoản trái phiếu mà TPS đã tư vấn phát hành trong giai đoạn tăng trưởng mạnh 2020 và năm 2021 là nguồn thu chính dẫn đến doanh thu hoạt động lưu ký đạt kỷ lục trong năm 2022.

Hoạt động đầu tư, tự doanh

Dù chỉ mới được cấp phép hoạt động tự doanh trở lại từ tháng 3/2020, hoạt động tự doanh của TPS đã chứng kiến sự thay đổi mạnh mẽ, đặc biệt là hoạt động tự doanh trái phiếu. Trong năm 2022, doanh thu hoạt động tự doanh tăng mạnh đạt 1.085 tỷ đồng, tương đương với tăng 204% so với cùng kỳ năm trước, được tính bao gồm các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) và cổ tức, lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL. Tuy nhiên do tình hình chung của thị trường chứng khoán kém khả quan trong năm 2022, lợi nhuận của hoạt động tự doanh đã bị ảnh hưởng mạnh.

Doanh thu cho vay tăng trưởng tích cực

Kết thúc năm 2022, quy mô dư nợ cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán đạt gần 990 tỷ đồng, giảm gần 46% so với con số đầu năm là 1.826 tỷ đồng; tuy nhiên lãi cho vay và các khoản phải thu lũy kế cả năm 2022 ghi nhận sự tăng trưởng tích cực với hơn 172 tỷ đồng, tăng 118% so với năm 2021.



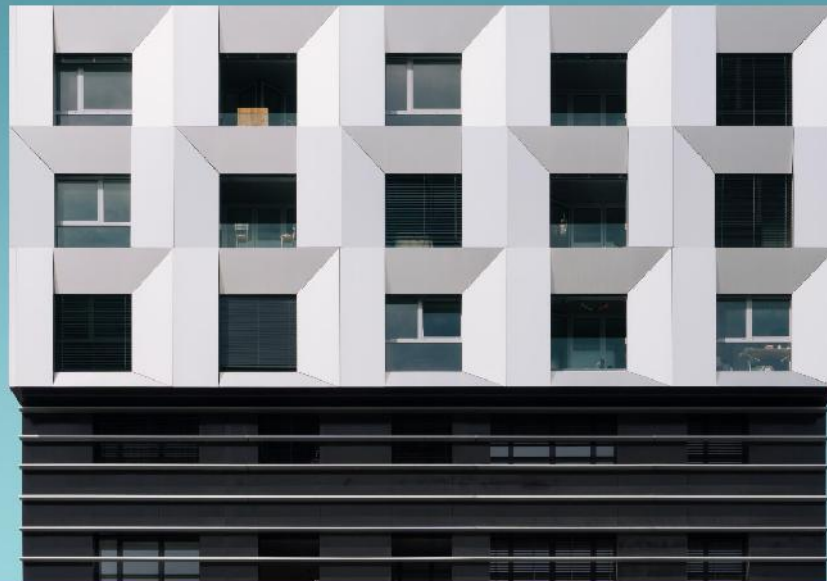
Do tình hình thị trường chứng khoán trong năm 2022 khá bất ổn và giảm mạnh do vậy Công ty chủ động giảm thiểu dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ, tuân thủ nghiêm ngặt các chính sách quản trị rủi ro của mình, lựa chọn cổ phiếu tốt, tiềm năng trong danh mục cổ phiếu được chấp nhận cho vay giao dịch ký quỹ theo công bố của Sổ Giao Dịch Chứng Khoán; nhờ vậy, TPS không phát sinh khoản nợ xấu nào trong năm 2022.



CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022

VƯỢT
SÓNG



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) thực hiện chức năng quản trị hoạt động của TPS, luôn xác định vai trò lãnh đạo, định hướng, quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty, thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) giao phó, thực hiện tốt vai trò giám sát cấp cao theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ trong HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 - 2026	Tỷ lệ sở hữu cổ phần cuối kỳ
1	Ông Đỗ Anh Tú	Chủ tịch HĐQT	15/03/2021 đến nay	0%
2	Bà Trương Thị Hoàng Lan	Thành viên độc lập HĐQT	Từ 15/03/2021 đến 26/07/2022	0%
		Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên độc lập HĐQT	Từ ngày 26/07/2022 đến nay	0%
3	Ông Trần Sơn Hải	Phó chủ tịch HĐQT	Từ 15/03/2021 đến 26/07/2022	0%
		Thành viên HĐQT	Từ ngày 26/07/2022 đến nay	0%

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2022

Thành viên Hội Đồng Quản Trị hoạt động tuân thủ quy định về quản trị Công ty theo Điều lệ, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định của pháp luật khác có liên quan. Năm 2022, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 21 (hai mươi một) cuộc họp với tỷ lệ tham dự họp của từng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đỗ Anh Tú	21/21	100%	
2	Ông Trần Sơn Hải	21/21	100%	
3	Bà Trương Thị Hoàng Lan	21/21	100%	

Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị được ban hành trong năm 2022:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2022/NQ-HĐQT	10/02/2022	Cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán cho khách hàng.	100%

2	01/2022/QĐ-HĐQT	10/02/2022	Tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022.	100%
3	02/2022/NQ-HĐQT	18/03/2022	Triển khai phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty lên 4.000 tỷ đồng.	100%
4	03/2022/NQ-HĐQT	31/03/2022	Bổ sung chi tiết liên quan đến việc triển khai phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty lên 4.000 tỷ đồng.	100%
5	04/2022/NQ-HĐQT	06/04/2022	Cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu cho Ngân Hàng TMCP Tiên Phong ("TPBank") với tổng giá trị mệnh giá tối đa là 30.000 tỷ đồng.	100%
6	06/2022/NQ-HĐQT	18/04/2022	Tạm hoãn triển khai phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công Ty lên 4.000 tỷ.	100%
7	02/2022/QĐ-HĐQT	05/05/2022	Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về phương án lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.	100%
8	03/2022/QĐ-HĐQT	18/05/2022	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc của Công ty.	100%
9	07/2022/NQ-HĐQT	19/05/2022	Phương án Phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 1 năm 2022 với tổng mệnh giá phát hành tối đa 1.000 tỷ đồng.	100%
10	08/2022/NQ-HĐQT	15/06/2022	Phương án vay vốn hạn mức tại Ngân Hàng TNHH Indovina năm 2022.	100%
11	09/2022/NQ-HĐQT	15/06/2022	Thành lập chi nhánh Đà Nẵng.	100%
12	04/2022/QĐ-HĐQT	15/06/2022	Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.	100%
13	05/2022/QĐ-HĐQT	21/06/2022	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng.	100%
14	10/2022/NQ-HĐQT	23/06/2022	Chào bán chứng quyền có bảo đảm của Công ty.	100%
15	11/2022/NQ-HĐQT	23/06/2022	Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 2 năm 2022 với tổng mệnh giá phát hành tối đa 500 tỷ đồng.	100%
16	12/2022/NQ-HĐQT	26/07/2022	Thay đổi cơ cấu các chức danh thuộc Hội đồng Quản trị của Công ty.	100%
17	06/2022/QĐ-HĐQT	26/07/2022	Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc và Người đại diện pháp luật của Công ty đối với Ông Trần Sơn Hải.	100%
18	07/2022/QĐ-HĐQT	26/07/2022	Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật của Công ty đối với Bà Bùi Thị Thanh Trà.	100%
19	13/2022/NQ-HĐQT	30/09/2022	Đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Dịch Vụ Helios.	100%

20	08/2022/QĐ-HĐQT	30/09/2022	Miễn nhiệm Kế Toán Trưởng của Công ty đối với Bà Nguyễn Thị Khánh Hòa.	100%
21	09/2022/QĐ-HĐQT	30/09/2022	Bổ nhiệm Kế Toán Trưởng của Công ty đối với Bà Nguyễn Thanh Tuyền.	100%
22	14/2022/NQ-HĐQT	07/10/2022	Thay đổi cơ cấu tổ chức của Công ty.	100%
23	15/2022/NQ-HĐQT	10/10/2022	Đầu tư mua mới hệ thống lõi core quản lý vận hành trái phiếu doanh nghiệp.	100%
24	16/2022/NQ-HĐQT	14/10/2022	Phân bổ thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị.	100%
25	17/2022/NQ-HĐQT	03/11/2022	Chỉ định Ngân Hàng TMCP Tiên Phong ("TPBank") làm Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm đối với trái phiếu doanh nghiệp do Công ty làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.	100%
26	18/2022/NQ-HĐQT	04/11/2022	Không tiếp tục triển khai việc thành lập Chi nhánh Đà Nẵng.	100%
27	19/2022/NQ-HĐQT	14/11/2022	Phương án sử dụng tín dụng tại Ngân Hàng TMCP Tiên Phong ("TPBank").	100%

Năm 2022, HĐQT tiếp tục chú trọng công tác quản trị rủi ro, chuẩn hóa quy trình và tăng cường thực hiện việc giám sát hoạt động của Tổng Giám Đốc, người quản lý Công ty nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều Lệ và quy chế nội bộ có liên quan của Công ty. Hội Đồng Quản Trị đã quyết định và triển khai thực hiện các hạng mục công việc quan trọng trong năm 2022 như sau:

- Ban hành Chính sách Quản trị Rủi ro năm 2022;
- Tổ chức thành công Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2022;
- Hoàn thiện thủ tục đăng ký cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán;
- Thực hiện lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng văn bản thông qua phương án lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022;
- Lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y) là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022;
- Điều chỉnh kế hoạch không tiếp tục thành lập Chi nhánh Đà Nẵng;
- Điều chỉnh kế hoạch tạm hoãn phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ lên 4.000 tỷ đồng;
- Miễn nhiệm, bổ nhiệm các chức danh người quản lý Công ty bao gồm Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Người đại diện theo pháp luật, Kế Toán Trưởng của Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm lãnh đạo chung mọi hoạt động của HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ Công ty cũng như theo quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể:

- Định hướng và chỉ đạo chính sách, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
- Triệu tập, chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp HĐQT.
- Tổ chức việc thông qua nghị quyết/quyết định của HĐQT.
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết/quyết định của HĐQT.
- Chủ tọa cuộc họp các cuộc họp HĐQT.

BÁO CÁO VỀ CÁC GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI THÀNH VIÊN HĐQT VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

Trong năm 2022, Công ty phát sinh 03 (ba) giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của thành viên Hội Đồng Quản Trị, cụ thể như sau:

STT	Đối tượng giao dịch với Công ty	Nội dung giao dịch	Văn bản tham chiếu
1	Ngân Hàng TMCP Tiên Phong ("TPBank")	Cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu cho Ngân Hàng TMCP Tiên Phong ("TPBank") với tổng giá trị mệnh giá tối đa là 30.000 tỷ đồng.	Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 04/2022/NQ-HĐQT ngày 06/04/2022.
2	Ngân Hàng TMCP Tiên Phong ("TPBank")	Chỉ định Ngân Hàng TMCP Tiên Phong ("TPBank") làm Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm đối với trái phiếu doanh nghiệp do Công Ty làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.	Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 17/2022/NQ-HĐQT ngày 03/11/2022.
3	Ngân Hàng TMCP Tiên Phong ("TPBank")	Phương án sử dụng tín dụng tại Ngân Hàng TMCP Tiên Phong ("TPBank").	Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 19/2022/NQ-HĐQT ngày 14/11/2022.

Các giao dịch nêu trên được Hội đồng Quản trị thông qua theo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Điều lệ; được báo cáo và công bố tại Báo cáo tình hình quản trị công ty niên yết năm 2022 của Công ty.

BÁO CÁO VỀ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2022

Công ty về cơ bản đã thực hiện các nội dung, hạng mục công việc trọng yếu được ĐHĐCĐ thông qua trong năm 2022. Dù vậy, còn tồn tại một số nội dung, hạng mục công việc đã được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2022 mà Công ty chỉ thực hiện được một phần hoặc chưa thực hiện bao gồm:

- Kế hoạch kinh doanh năm 2022:** Công ty đã thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022 với kết quả thực tế như sau:

(ĐVT: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch
Doanh thu	1.981	2.733	137,96%
Chi phí	1.481	2.557	172,65%
Lợi nhuận trước thuế	500	176	35,20%

- Kế hoạch phát hành/chào bán trái phiếu với tổng giá trị mệnh giá phát hành dự kiến là 3.000 tỷ đồng:** Công ty đã thực hiện phát hành trái phiếu theo phương thức phát hành riêng lẻ với tổng giá trị mệnh giá phát hành thành công là 1.000 tỷ đồng, trong tổng hạn mức 3.000 tỷ đồng đã được ĐHĐCĐ thông qua. Cụ thể như sau:

Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Tổng giá trị phát hành thành công	Văn bản tham chiếu
ORSH2227001	24/05/2022	500 tỷ đồng	Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 07/2022/NQ-HĐQT ngày 19/05/2022.
ORSH2227002	28/06/2022	500 tỷ đồng	Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 11/2022/NQ-HĐQT ngày 23/06/2022.

- Kế hoạch phát hành/chào bán thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ:** Đại Hội Đồng Cổ Đông đã thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty từ 2.000 tỷ đồng lên 5.000 tỷ đồng trong năm 2022 thông qua hình thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu và chào bán cổ phần riêng lẻ.

Trong năm 2022, Công ty triển khai kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty từ 2.000 tỷ đồng lên 4.000 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 02/2022/NQ-HĐQT ngày 18/03/2022 và Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 03/2022/NQ-HĐQT ngày 31/03/2022. Tuy nhiên, vì lý do tình hình thị trường tài chính, chứng khoán diễn biến bất lợi tại thời điểm dự kiến phát hành, kế hoạch phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nêu trên đã được tạm hoãn triển khai theo Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 06/2022/NQ-HĐQT ngày 18/04/2022.

Theo đó, Công ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ trong năm 2022.

- Kế hoạch chào bán chứng quyền có bảo đảm:** Chưa thực hiện trong năm 2022.
- Kế hoạch kinh doanh chứng khoán phái sinh:** Chưa thực hiện trong năm 2022.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022

HĐQT đã giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ.

Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng hệ thống... đều được thảo luận, kiểm soát một cách chặt chẽ giữa HĐQT và Tổng Giám đốc. Quá trình thực thi hoạt động của Công ty được diễn ra theo quy chế phân quyền rõ ràng, luôn được phân tích, nhận diện rủi ro một cách kịp thời nhằm đảm bảo sự ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật cũng như đạt được kế hoạch do HĐQT và ĐHĐCĐ thường niên đã đề ra.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2022, HĐQT có 03 thành viên trong đó có 01 thành viên độc lập. Toàn bộ các thành viên HĐQT đã tham gia tích cực vào việc định hướng chiến lược và điều hành hoạt động của Công ty. HĐQT đã giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông.

Sự tách biệt vai trò của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc thể hiện sự độc lập và phân chia trách nhiệm rõ ràng giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo sự phân chia quyền hạn trong việc ra quyết định, tăng trách nhiệm và nâng cao tính độc lập trong hoạt động của HĐQT.

HĐQT duy trì hoạt động phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự để đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI TGD VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC NĂM 2022

Qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ cũng như báo cáo theo yêu cầu, HĐQT đánh giá TGD và những người điều hành của Công ty đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA TPS NĂM 2022

Năm 2022 được xem là một năm đầy sóng gió với thị trường chứng khoán nói riêng và thị trường tài chính nói chung. Chỉ số VNIndex biến động mạnh khi xác lập đỉnh 1.530 điểm vào cuối quý 1/2022 sau đó rơi về mức 873 điểm vào tháng 11/2022. Kết thúc năm 2022, VN-Index đạt mức 1.007 điểm, giảm 32,8% so với cuối năm 2021. Thanh khoản sàn HSX giảm 11,3% so với năm trước đưa khối lượng giao dịch bình quân phiên về mức 653,96 triệu cổ phiếu. Giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 17.004 tỷ đồng, giảm 21,24%. Vốn hóa cả ba sàn giảm 33% so với cuối năm 2021, đạt 5,2 triệu tỷ đồng.

Áp lực lạm phát toàn cầu, biến động tỷ giá, căng thẳng chính trị Nga-Ukraina, chính sách thắt chặt tiền tệ đẩy lãi suất gia tăng và một số vụ việc vi phạm trên thị trường chứng khoán, đặc biệt là thị trường trái phiếu đã gây ra tác động tâm lý, ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường trên diện rộng.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp chứng kiến sự ảm đạm khi giá trị phát hành trái phiếu mới chỉ đạt khoảng 255.000 tỷ đồng, giảm 62% so với cùng kỳ. Trong đó, phát hành trái phiếu ra công chúng giảm 61%, còn phát hành riêng lẻ giảm tới

63%. Tổng giá trị trái phiếu được các doanh nghiệp mua lại đạt gần 200.000 tỷ đồng, tăng 42% so với cùng kỳ năm 2021.

Mặc dù chịu ảnh hưởng từ nhiều khó khăn và thách thức chung của thị trường khiến Công ty không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận đặt ra. Tuy nhiên, trong năm 2022, TPS vẫn tiếp tục duy trì hoạt động ổn định và có lợi nhuận. Công ty đã chủ động linh hoạt thay đổi, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế của từng thời điểm.

Công ty từng bước kiện toàn bộ máy và chất lượng nhân sự, hoàn thiện chuẩn chỉnh cơ cấu tổ chức, hệ thống chính sách, quy chế, quy trình nội bộ, bảo đảm đáp ứng các mục tiêu hoạt động và phát triển ổn định, bền vững của TPS cũng như đáp ứng được kế hoạch trung, dài hạn của Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA HĐQT NĂM 2023

Dựa trên kết quả kinh doanh năm 2022 và chiến lược phát triển của Công ty, Hội đồng Quản trị tiếp tục xây dựng những trọng tâm cần thực hiện trong năm 2023 nhằm hướng đến mục tiêu phát triển ổn định, bền vững và tăng tính cạnh tranh cho Công ty. Định hướng mà Hội đồng Quản trị đề ra như sau:

- a. Tiếp tục triển khai kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 4.000 tỷ đồng nhằm tăng cường các tỷ lệ an toàn về vốn, đồng thời bổ sung nguồn vốn ổn định cho các hoạt động kinh doanh và đầu tư dài hạn của Công ty. Theo đó, tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm là 200.000.000 cổ phiếu thông qua các phương án phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu và/hoặc chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
- b. Phát hành 2.000 tỷ đồng mệnh giá trái phiếu để bổ sung nguồn vốn trung dài hạn cho Công ty đáp ứng các nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh như tự doanh, bảo lãnh phát hành, chào bán chứng quyền có bảo đảm, thực hiện các hoạt động đầu tư, cơ cấu nợ...
- c. Triển khai hoạt động chào bán chứng quyền có bảo đảm, không ngừng đưa ra những chính sách, sản phẩm, dịch vụ mới nhằm nâng cao lợi ích cho khách hàng, nhà đầu tư.
- d. Phát triển hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ phù hợp với tình hình thanh khoản thị trường và nhu cầu tài chính của khách hàng nhằm gia tăng doanh thu cho TPS.
- e. Nâng cao chất lượng tư vấn và chăm sóc khách hàng nhằm đáp ứng yêu cầu về chất lượng dịch vụ ngày càng cao của nhà đầu tư để từ đó tạo ra động lực tăng trưởng doanh thu cho hoạt động môi giới chứng khoán.
- f. Bám sát xu thế vận hành của thị trường kết hợp với việc phân tích, dự báo tình hình kinh tế vĩ mô, vĩ mô để nâng cao hiệu quả trong hoạt động tự doanh, hoạt động đầu tư của Công ty.
- g. Bên cạnh hoạt động tư vấn, bảo lãnh phát hành trái phiếu vốn là thế mạnh, Công ty sẽ phát triển thêm hoạt động tư vấn chào bán cổ phần; hoạt động M&A; hoạt động chào bán, cổ phần hóa của doanh nghiệp Nhà nước nhằm đa dạng hóa nguồn thu.
- h. Chú trọng phát triển hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao trải nghiệm trực tuyến dành cho khách hàng với các sản phẩm, dịch vụ của Công ty.
- i. Tăng cường hoạt động kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, nhận diện sớm rủi ro và có những quyết sách kịp thời nhằm hạn chế tối đa rủi ro phát sinh trong các hoạt động của Công ty, bảo đảm sự an toàn trong sản phẩm, hoạt động vận hành của Công ty, từ đó an toàn cho chính khách hàng của Công ty.
- j. Mở rộng địa điểm hoạt động của Công ty tại các tỉnh, thành phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Báo cáo của Ban Kiểm soát

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Ban Kiểm soát	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
01	Bà Trần Thanh Hương	Trưởng Ban Kiểm soát	15/03/2021	Cử nhân Kế toán
02	Bà Võ Thị Xuân Lan	Thành viên Ban Kiểm soát	5/03/2021, 11/03/2022	Cử nhân Tài chính doanh nghiệp
03	Bà Ngô Thị Lệ Thanh	Thành viên Ban Kiểm soát	11/03/2022	Cử nhân Quản trị kinh doanh
04	Bà Đặng Sĩ Thùy Tâm	Thành viên Ban Kiểm soát	19/6/2020	Cử nhân Quản trị kinh doanh

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên với tư cách là đại diện cổ đông thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kiến nghị những thay đổi cần thiết trong các lĩnh vực quản trị rủi ro, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp tại Công ty. Trong năm 2022, hoạt động của Ban Kiểm soát bao gồm:

1. Tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban định kỳ và đột xuất với Hội đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác của Công ty.
2. Giám sát tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty.
3. Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị trong năm 2022.
4. Giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, các quy chế, quy trình nội bộ của Công ty cũng như tính hợp lý trong việc điều hành kinh doanh và phân bổ nguồn lực để triển khai các kế hoạch kinh doanh của Công ty.
5. Giám sát các giao dịch giữa Công ty với người liên quan của Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ.
6. Giám sát việc chi trả lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của những người quản lý Công ty phù hợp với kế hoạch đã được thông qua.
7. Giám sát tình hình tài chính, kế toán của Công ty, bao gồm việc kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý, bán niên nhằm đánh giá tính hợp pháp, đầy đủ và trung thực của các số liệu tài chính.

TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã thực hiện 02 cuộc họp Ban Kiểm soát vào ngày 23/05/2022 và ngày 15/12/2022 với các nội dung sau:

1. Thông qua phương án lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022, bao gồm danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản;
2. Kiểm tra, đánh giá toàn diện tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính và các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan trong năm 2022.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Công ty

Các hoạt động của Công ty trong năm 2022 được thực hiện theo kế hoạch hoạt động đã được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, phù hợp với kế hoạch trung, dài hạn và định hướng phát triển ổn định, bền vững của Công ty.

Năm 2022, mặc dù doanh thu của Công ty tăng trưởng mạnh đạt 138% so với kế hoạch, nhưng do ảnh hưởng của tình hình thị trường khó khăn chung và do chi phí tăng cao 137% so với kế hoạch, Công ty chỉ đạt 35% kế hoạch lợi nhuận để ra. Hoạt động lưu ký chứng khoán là mảng hoạt động kinh doanh có sự tăng trưởng vượt bậc trong năm 2022 khi doanh thu đạt 655 tỷ đồng tăng 260% so với 2021. Tiếp đến là hoạt động cho vay (cho vay giao dịch ký quỹ (margin) và ứng trước tiền bán) cũng ghi nhận sự tăng trưởng tích cực khi doanh thu đạt 172 tỷ đồng, tăng gần 118% so với năm 2021.

Kết quả giám sát tình hình tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ quản trị của Công Ty

Ban Kiểm Soát đánh giá Công ty đã thực hiện và tuân thủ quy định trong công tác quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và tổ chức Đại hội đồng Cổ đông theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Trong năm 2022, HĐQT miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc và Người đại diện pháp luật của công ty đối với Ông Trần Sơn Hải; và bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc và Người đại diện pháp luật của Công ty đối với Bà Bùi Thị Thanh Trà. Đồng thời trong năm, HĐQT cũng đã miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng của Công ty đối với Bà Nguyễn Thị Khánh Hòa và bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng của Công ty đối với Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền. Việc miễn nhiệm, bổ nhiệm các chức danh người quản lý Công ty nêu trên được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. HĐQT, Tổng Giám đốc và những người quản lý Công ty đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của mình, tuân thủ Điều lệ và quy định của pháp luật có liên quan.

Vào ngày 20/09/2022, TPS nhận Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 691/QĐ-XPHC ngày 16/09/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) xử phạt hành chính đối với Công ty về việc:

- Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ tư vấn trong hồ sơ tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ của công ty cổ phần chưa đại chúng năm 2022, cụ thể là nội dung Hợp đồng tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu giữa Công ty và khách hàng không có thỏa thuận về đối tượng được chào bán trái phiếu; và
- Vi phạm quy định cho khách hàng thực hiện giao dịch ký quỹ vượt quá sức mua hiện có trên tài khoản giao dịch ký quỹ của một số khách hàng.

Công ty đã ghi nhận nội dung vi phạm và tăng cường giám sát, kiểm soát nội bộ đối với các hoạt động của Công ty, tránh vi phạm lần sau.

Kết quả giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT

Trong năm 2022, Công ty đã triển khai các nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT trọng yếu như sau:

1. Kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y) được lựa chọn là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2022 của Công ty.
2. Thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty: Do tình hình tài chính và thị trường chứng khoán không thuận lợi trong năm 2022, kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty từ 2.000 tỷ đồng lên 4.000 tỷ đồng đã được tạm hoãn.
3. Phát hành trái phiếu: Trong năm 2022, theo kế hoạch được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên thì Công ty dự kiến phát hành 3.000 tỷ đồng trái phiếu, tuy nhiên theo nhu cầu vốn thực tế của Công ty, Công ty chỉ phát hành 1.000 tỷ đồng theo hình thức phát hành riêng lẻ.
4. Thực hiện phân phối lợi nhuận Công ty đã thực hiện theo chủ trương đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 là không phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, dùng lợi nhuận để sử dụng cho kế hoạch phát triển của Công Ty

Kết quả giám sát tình hình tài chính kế toán của Công ty

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành trong công tác hạch toán, kế toán của Công ty. Ban Kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong các báo cáo, tờ trình được trình cho Đại hội đồng Cổ đông đã thể hiện trung thực tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính 2022 của Công ty.

Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng này; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Các giao dịch giữa Công ty với các đối tượng nêu trên được phê duyệt/thông qua theo quy định của Điều lệ và được công bố thông tin đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Các giao dịch giữa Công ty với các đối tượng nêu trên được liệt kê và công bố tại Báo cáo tình hình quản trị công ty niêm yết (năm 2022) của Công ty.

Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác

HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã quản lý, điều hành hoạt động Công ty theo đúng mục tiêu, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. Ban Kiểm soát chưa ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý, điều hành Công ty.

Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát thường xuyên được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình từ HĐQT, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác của Công ty để thực hiện vai trò, nhiệm vụ giám sát của mình, thông qua việc được cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến tình hình quản trị Công ty, các hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính của Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, thực hiện nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

Ban Kiểm Soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng Giám đốc để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công ty, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động trọng tâm năm 2023 như sau:

1. Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra/giám sát các hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành Công ty nhằm đảm bảo tính tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
2. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động của Công ty.
3. Rà soát các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người liên quan của Công ty để đưa ra khuyến nghị về việc phê duyệt, thông qua các hợp đồng, giao dịch này theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
4. Giám sát hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc và những người quản lý, điều hành khác của Công ty.
5. Thực hiện vai trò, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Điều lệ và nghị quyết của ĐHĐCĐ.





KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023

Môi trường kinh doanh 2023

Dự báo vĩ mô 2023

Giá cả hàng hóa năm 2023 tăng chậm lại nhưng vẫn duy trì ở mức cao

Trong năm 2023, theo dự báo của bộ Nông Nghiệp Hoa Kỳ (USDA), giá lương thực thực phẩm được kỳ vọng sẽ tăng chậm lại nhưng vẫn duy trì ở mức cao so với mức giá trước đây, mức tăng được dự báo từ 2,5% đến 3,5% so với mức tăng từ 11% đến 12% ở năm 2022. Đối với giá dầu WTI, EIA kỳ vọng mức của năm 2023 ở mức 86,36 USD/thùng.

Lạm phát năm 2023 kỳ vọng hạ nhiệt giúp lãi suất sẽ không tăng mạnh như năm 2022

Mặc dù lạm phát vẫn duy trì ở mức cao nhưng áp lực lạm phát trong thời gian tới được kỳ vọng là sẽ hạ nhiệt. Nguyên nhân chủ yếu là do cung tiền ở năm 2022 khá thấp. Hơn nữa, lạm phát toàn cầu trong 2 tháng đầu năm đang hạ nhiệt, nhiều dự báo cho rằng Hoa Kỳ và EU đã qua được đỉnh lạm phát. Sự phục hồi của Trung Quốc không như kỳ vọng và lo ngại về suy thoái làm cho giá hàng hoá toàn cầu cũng như giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam đang giảm dần. Bên cạnh đó, Việt Nam luôn duy trì xuất khẩu ở những tháng đầu năm nên dòng vào của ngoại hối khá dồi dào và ổn định, giúp NHNN duy trì được mức tỷ giá hợp lý và giữ đồng nội tệ bớt mất giá. Những yếu tố này kết hợp với lạm phát mục tiêu năm 2023 cao hơn (mục tiêu lạm phát 2023: 4,5%) sẽ góp phần giúp các nhà điều hành kiểm soát lạm phát dễ dàng hơn so với năm 2022.

Áp lực tỷ giá đã hạ nhiệt những vẫn duy trì ở mức cao

Quyết định tăng lãi suất của Fed trong những lần tăng tới có tác động nhất định tới biến động của tỷ giá. Khi Fed tăng lãi suất một mặt sẽ làm giảm xuất khẩu của Việt Nam, dẫn đến dòng USD vào giảm xuống đẩy tỷ giá lên cao. Mặt khác, khi Fed tăng lãi suất, cũng kéo theo đồng USD tăng giá, vì vậy, tỷ giá USD/VND cũng phải tăng lên. Tuy nhiên, ở 2 lần tăng lãi suất của Fed gần đây (lần 8 và 9) không có tác động nhiều tới tỷ giá USD/VND, tỷ giá chỉ tăng nhẹ trong thời gian ngắn và sau đó giảm xuống. Một phần, bối cảnh ở hai lần tăng này không còn căng thẳng như những lần trước, lạm phát Hoa Kỳ đã hạ nhiệt. Đặc biệt, ở lần tăng thứ 9, nền kinh tế toàn cầu đã bắt đầu xuất hiện nhiều yếu tố bất ổn, như sự sụp đổ của các ngân hàng lớn như Silvergate Bank, Silicon Valley Bank (SVB), Signature Bank và Credit nên các nhà đầu tư kỳ vọng Fed sẽ sớm ngừng tăng lãi suất. Mặt khác, với mức tăng 0.25% khá phù hợp với kỳ vọng của nhiều nhà đầu tư trước đó. Tỷ giá năm 2023 được kỳ vọng sẽ không tăng quá mạnh như năm 2022, tuy nhiên áp lực tỷ giá vẫn còn khi xu hướng tăng lãi suất của các NHTW trên thế giới vẫn còn tiếp diễn. Mặc dù FED và ECB đã giảm tốc và biên độ trong tăng lãi suất so với trước đây, nhưng vẫn giữ thông điệp về lộ trình tăng lãi suất chậm rãi, nhưng thời gian kéo dài. Hơn nữa, rủi ro về chiến tranh giữa Nga-Ukraine chưa kết thúc và ngày càng tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn khi có nhiều quốc gia tham chiến, và rủi ro cuộc chiến tranh giữa Trung Quốc và Đài Loan, Triều Tiên và Hàn Quốc,...vẫn khá cao.

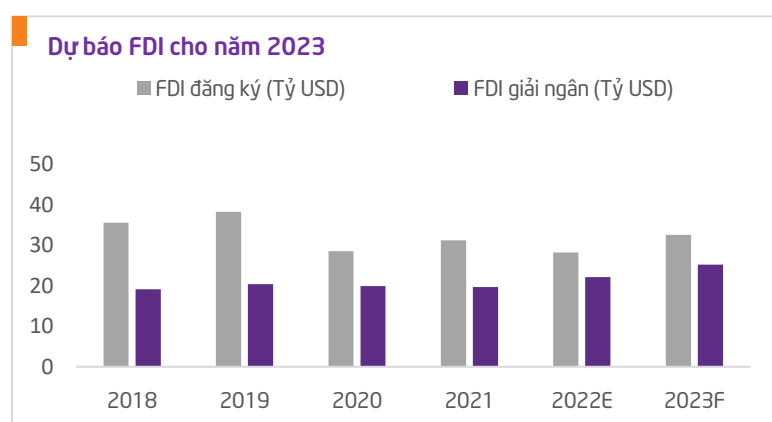
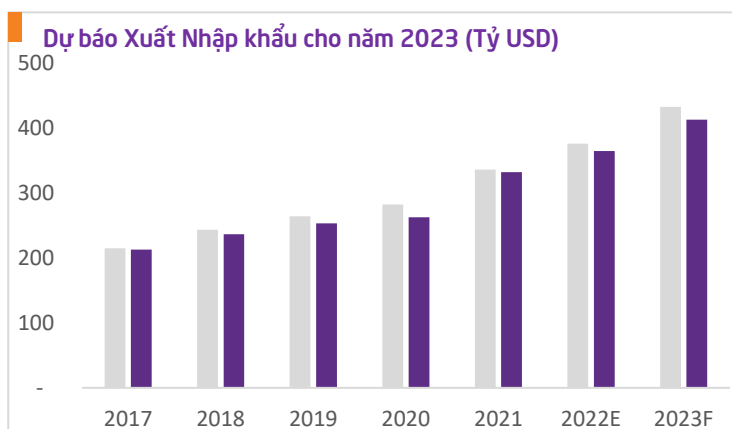
Lãi suất điều hành có thể tăng thêm 0.5% - 1% nếu lạm phát ở Mỹ vẫn duy trì ở mức cao

Dự báo về xuất nhập khẩu, dòng vốn FDI cho năm 2023

Hai lần tăng lãi suất đầu tiên của Fed trong năm 2023 gần như không gây áp lực quá lớn đối với lãi suất điều hành của Việt Nam, do tỷ giá vẫn được duy trì ổn định. Vì vậy, để hỗ trợ sản xuất, NHNN đã ra quyết định giảm một số lãi suất điều hành có hiệu lực kể từ 15/03/2023. Trong năm 2023, NHNN có thể giữ nguyên chính sách lãi suất điều hành như hiện tại. Tuy nhiên, trong trường hợp lạm phát Hoa Kỳ quá cao và Fed vẫn tiếp tục tăng lãi suất thì NHNN có thể sẽ phải tăng 0.5% - 1% lãi suất điều hành trong năm 2023.

Xuất nhập khẩu: Tỷ giá có tác động trái chiều tới hoạt động xuất nhập khẩu. Khi Fed tăng lãi suất, tỷ giá của USD/VND có thể vẫn duy trì ở mức cao, nên sẽ có lợi cho xuất khẩu. Tuy nhiên, tỷ giá cao sẽ ảnh hưởng không tích cực tới nhập khẩu, làm cho chi phí nhập khẩu nguyên liệu đầu vào của các doanh nghiệp tăng lên. Hơn nữa, tỷ giá còn ảnh hưởng tới một số doanh nghiệp vay nợ nước ngoài và nhu cầu thị trường xuất khẩu có thể giảm xuống. Những tháng đầu năm 2023, xuất khẩu có thể chậm lại, tuy nhiên, sẽ phục hồi ở những tháng sau đó do chúng tôi kỳ vọng tốc độ tăng lãi suất của Fed sẽ giảm xuống, nhu cầu tuyển dụng lao động ở Hoa Kỳ vẫn cao do xu hướng dịch chuyển doanh nghiệp từ EU sang. Bên cạnh đó, sự kiện Trung Quốc nới lỏng chính sách Covid cũng góp phần thúc đẩy xuất khẩu. Một điểm sáng nữa là thị trường Ấn Độ, đây là thị trường đang phát triển mạnh gần đây và được kỳ vọng sẽ đứng thứ 3 thế giới vào năm 2030. Trong khi đó, xuất khẩu của Việt Nam sang Ấn Độ cũng đang tăng lên. Chúng tôi kỳ vọng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu năm 2023 ở mức tương ứng là 433 tỷ USD và 413 tỷ USD.

Dòng vốn FDI: Năm 2022, mặc dù đăng ký FDI có giảm xuống, nhưng đăng ký FDI trong ngành chế biến chế tạo vẫn duy trì mức tăng trưởng tốt. Đặc biệt, giải ngân FDI 2022 đạt kết quả rất cao. Điều này cho thấy, các doanh nghiệp đã dự báo được tiềm năng xuất khẩu của ngành này trong năm tới là khả quan. Đặc biệt, Việt Nam là quốc gia có nguồn năng lượng tái tạo dồi dào, FDI vào những ngành này đang có xu hướng tăng lên. Trong năm 2023, khi lạm phát hạ nhiệt, các NHTW giảm tốc tăng lãi suất, nền kinh tế toàn cầu bớt rủi ro, các doanh nghiệp có xu hướng mở rộng đầu tư, dòng vốn FDI đăng ký mới vào Việt Nam sẽ được cải thiện. Dòng vốn FDI sẽ tập trung nhiều hơn vào các lĩnh vực liên quan tới năng lượng tái tạo, chế biến chế tạo, khai khoáng.

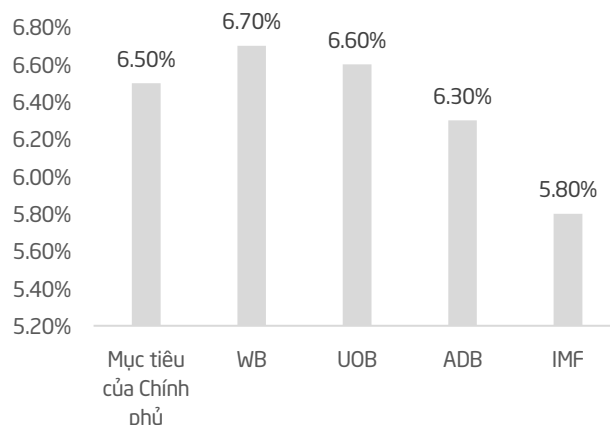


Dự báo về tăng trưởng GDP cho năm 2023

Năm 2023, mặc dù vẫn còn nhiều yếu tố trong và ngoài nước gây bất lợi cho tăng trưởng GDP. Tuy nhiên, vẫn nhiều tiềm năng có thể giúp tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm tới, kỳ vọng mức tăng trưởng GDP năm 2023 sẽ vượt mục tiêu Quốc hội đề ra là 6,5%. Ba trụ cột giúp GDP tăng trưởng cao trong năm 2023 bao gồm: Xuất khẩu, ngành chế biến chế tạo và ngành Du lịch & Dịch vụ.

- **Xuất khẩu:** Tăng mạnh nhờ sự phục hồi của các thị trường xuất khẩu khi Fed giảm tốc tăng lãi suất.
- **Ngành chế biến chế tạo:** Đăng ký mới và giải ngân FDI trong ngành này vẫn tăng trưởng tốt trong năm 2022.
- **Du lịch & Dịch vụ:** Nhiều quốc gia nới lỏng Covid và nhiều đường bay mới được hình thành, góp phần thúc đẩy ngành du lịch và các dịch vụ liên quan.

Dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023



Yếu tố thuận lợi

• Toàn cầu:

- Xu hướng dịch chuyển đầu tư từ Châu Âu sang Hoa Kỳ, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động ở Hoa Kỳ, và sự ổn định về thị trường xuất khẩu cho Việt Nam.
- Xu hướng dịch chuyển đầu tư theo chiến lược "Trung Quốc", tạo điều kiện cho Việt Nam thu hút được dòng vốn FDI.
- Ấn Độ được kỳ vọng sẽ trở thành nền kinh tế lớn thứ 3 sau Hoa Kỳ và Trung Quốc, là thị trường tiềm năng cho xuất khẩu của Việt Nam.
- Dòng vốn bắt đầu quay lại thị trường mới nổi.
- Trung Quốc nới lỏng chính sách Covid-19, thuận lợi hơn về nguồn nguyên liệu cũng như thị trường tiêu thụ cho Việt Nam.
- Lãi suất của Fed có thể chậm lại và không quá shock như năm 2022.

• Trong nước:

- Xuất khẩu được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng tốt nhờ lạm phát hạ nhiệt.
- FDI đăng ký và giải ngân trong ngành chế biến chế tạo khá cao trong năm 2022. Vì vậy, xuất khẩu ngành này được kỳ vọng tăng trưởng cao trong năm tới.
- Ngành du lịch & dịch vụ được kỳ vọng sẽ hồi phục trong năm tới, khi Trung Quốc và nhiều quốc gia khác nới lỏng chính sách Covid, và nhiều đường bay quốc tế được hình thành.
- Định hướng xây dựng trung tâm logistic và trung tâm tài chính trong tương lai, góp phần gắn kết nền kinh tế của Việt Nam với thế giới, trở thành mắt xích không thể thiếu trong liên kết với nền kinh tế trong khu vực và toàn cầu.
- Nhiều yếu tố thuận lợi giúp Việt Nam thu hút FDI: Vị trí địa lý thuận lợi, nguồn năng lượng tái tạo dồi dào, chính trị ổn định, nguồn nhân công giá rẻ với trình độ chuyên môn cao, khu công nghiệp dồi dào, hạ tầng cơ sở được chú ý xây dựng...

Yếu tố bất lợi

• Toàn cầu:

- Cuộc chiến tranh giữa Nga – Ukraine có thể kéo dài, liên quan tới nhiều quốc gia và nguy cơ cao về chiến tranh hạt nhân, gây khó khăn trong mục tiêu kiểm soát lạm phát.
- Xu hướng dịch chuyển đầu tư từ Châu Âu sang Hoa Kỳ, tạo thu nhập cho người lao động ở Hoa Kỳ, khó kiểm soát nhu cầu tiêu thụ, gây khó khăn cho mục tiêu kiểm soát lạm phát.
- Biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, rủi ro cho an ninh lương thực, tác động không tích cực tới yếu tố giá cả.
- Sự suy giảm sản xuất và tiêu dùng diễn ra trên diện rộng, gây khó cho hoạt động xuất khẩu của Việt Nam trong thời gian tới.
- Fed tiếp tục tăng lãi suất, ảnh hưởng không tích cực tới thị trường xuất khẩu và gây căng thẳng cho chính sách tiền tệ và tỷ giá của Việt Nam

• Trong nước:

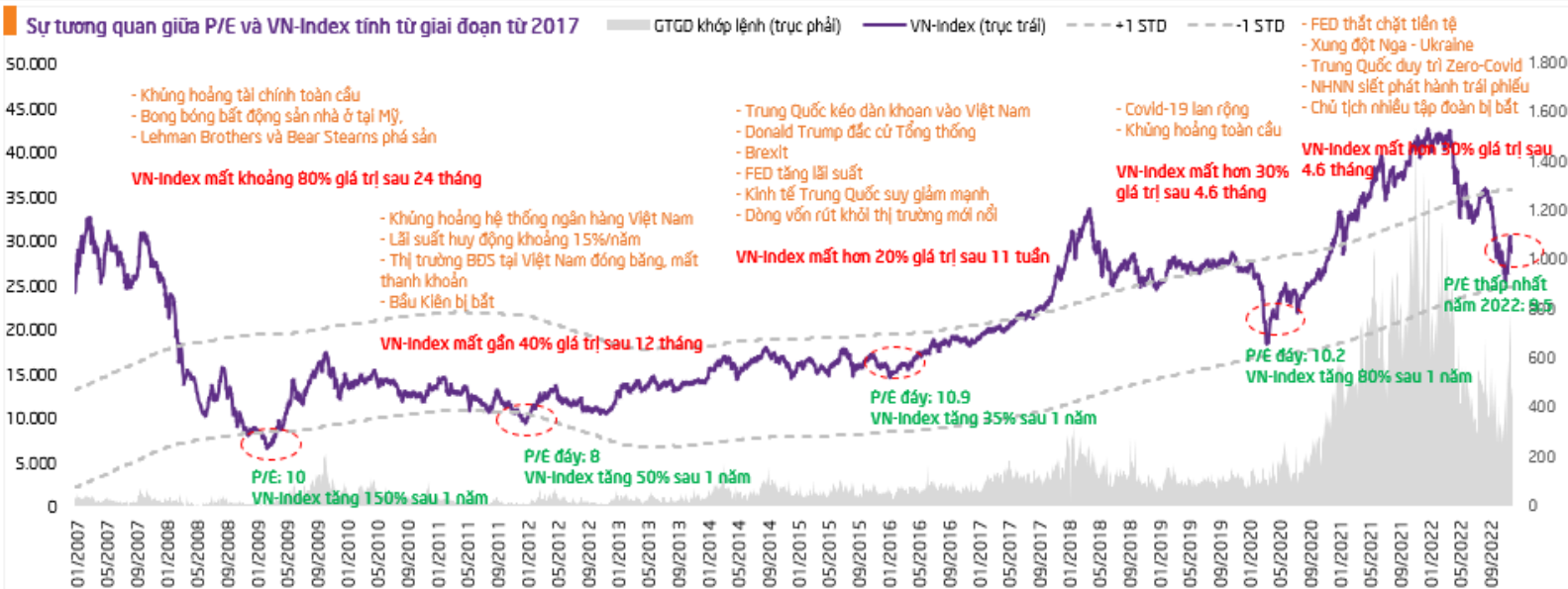
- Lĩnh vực sản xuất bị thu hẹp.
- Xuất khẩu và thị trường trong nước bị chững lại.
- Giải ngân đầu tư công từ nguồn vốn tài trợ và vốn vay chậm.
- Đăng ký FDI sụt giảm.
- Nguồn USD giảm mạnh.
- Thâm hụt cán cân tổng thể kéo dài.
- Lạm phát cơ bản tăng nhanh và vượt qua lạm phát toàn phần.

Triển vọng thị trường chứng khoán

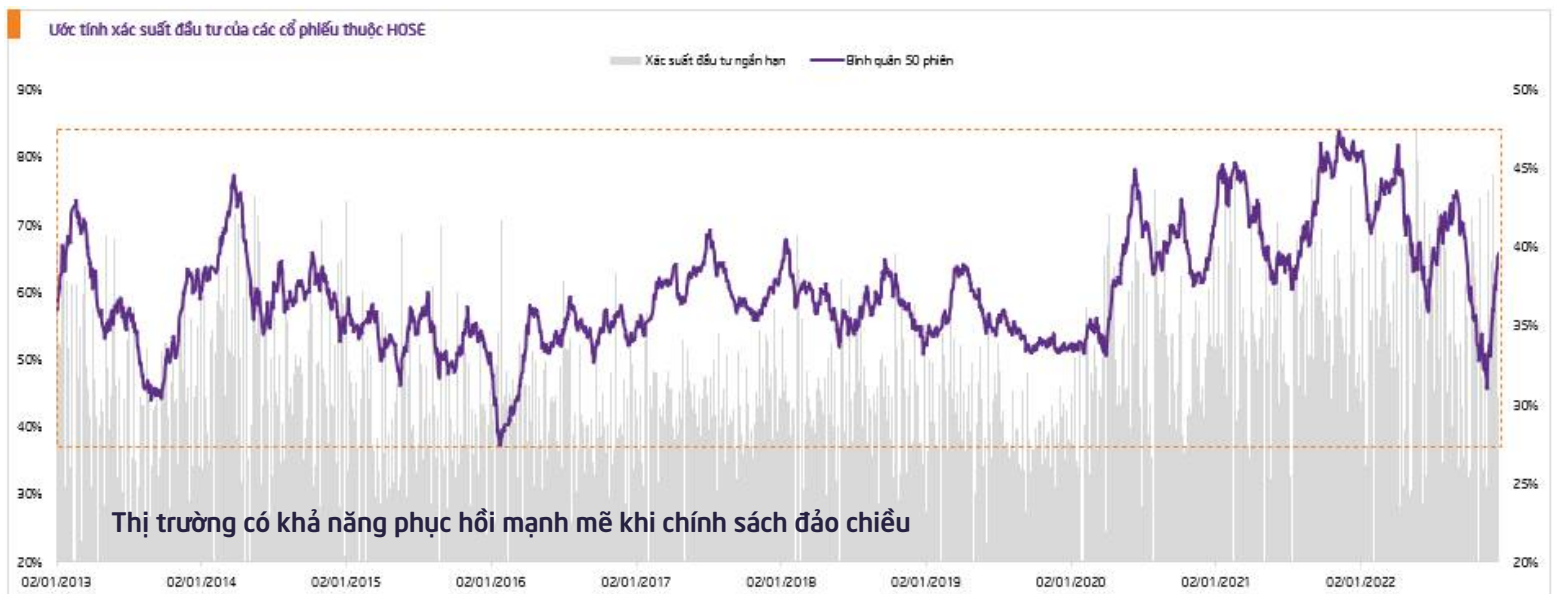
Nhìn lại lịch sử của thị trường 15 năm qua, đã có 4 lần thị trường bị bán tháo trong khủng hoảng và hỗn loạn kéo định giá P/E VN-Index giảm về dưới 11 lần. Tuy nhiên, những thời điểm này lại là cơ hội lớn cho các nhà đầu tư dài hạn, vì tại đây VN-Index đã bật tăng đầy mạnh mẽ từ 35-150% trong 12 tháng sau đó và đều vượt qua vùng đỉnh cũ.

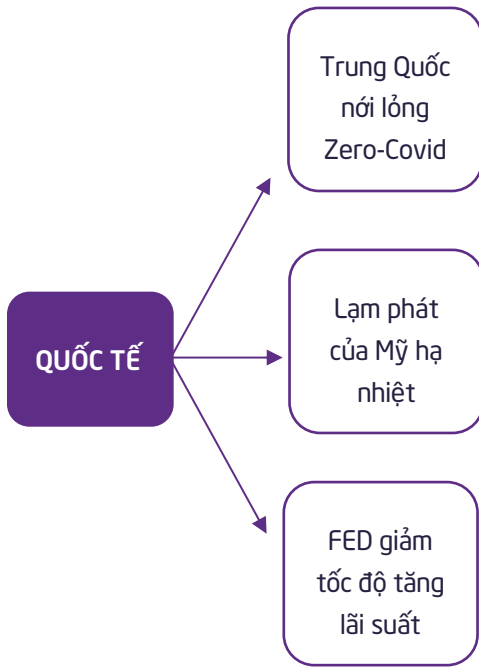
Một điều tích cực nữa khi nhìn vào biến động quá khứ đó là cho dù chỉ số chung có biến động ra sao thì dòng tiền vẫn sẽ không rời bỏ thị trường với việc giá trị giao dịch có xu hướng tăng theo thời gian.

Hiện tại, TTCK Việt Nam đang ở giai đoạn tích sản hấp dẫn với lần thứ 5 trong lịch sử định giá P/E về dưới mức 11 lần. Chúng tôi nhận định, vĩ mô Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn ổn định và triển vọng kinh doanh của nhiều doanh nghiệp trong 3-5 năm tới là tích cực. Giai đoạn điều chỉnh mạnh này của thị trường chính là dấu chấm hết cho một chu kỳ tiền rẻ trước đó, để mở ra giai đoạn mới với động lực tăng bền vững hơn từ tăng trưởng nội tại của từng doanh nghiệp.



Tâm lý nhà đầu tư: Chúng tôi sử dụng chỉ báo xác suất đầu tư của VN – Index bằng cách đo lường mức độ lan tỏa của thị trường để xác định diễn biến tâm lý của nhà đầu tư. Chỉ báo tâm lý bình quân 50 phiên hiện đang ở mức 39,7% so với vùng dao động 27,4% - 48,7% trong 10 năm gần đây. Như vậy, so với mức đáy gần nhất vào tháng 11/2022 là 31%, tâm lý NĐT nhìn chung đã trở nên ổn định hơn.

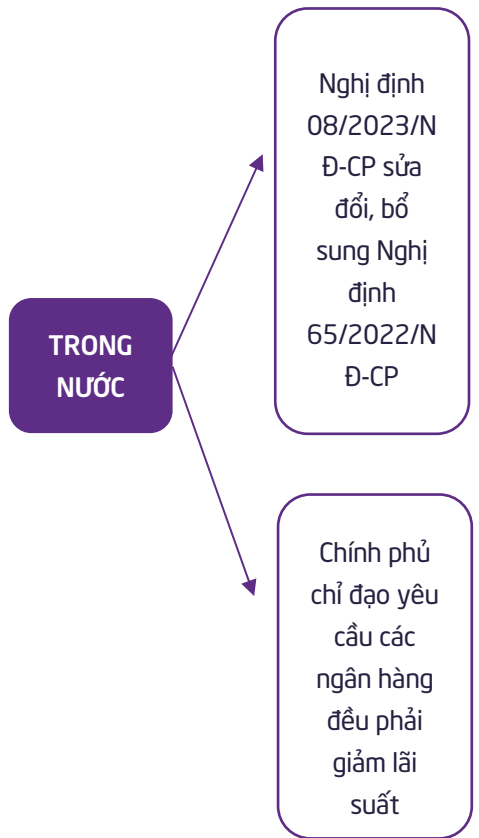




Trung Quốc mở cửa kỳ vọng sẽ tác động tích cực đến giao thương toàn cầu, nối lại các chuỗi cung ứng đã bị gián đoạn, hỗ trợ phần nào trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Tình hình lạm phát thế giới trong những tháng đầu năm 2023 tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao. Theo Bộ Lao động Mỹ cho biết, lạm phát tại Mỹ trong tháng 1/2023 ở mức 6,4%, giảm nhẹ so với mức 6,5% của tháng trước và là tháng thứ 7 liên tiếp lạm phát hạ nhiệt tại Mỹ, kể từ khi đạt đỉnh là 9,1% vào tháng 6/2022.

Tốc độ tăng lãi suất chậm lại và dư địa thắt chặt của FED đã không còn nhiều như trước khi mức lãi suất hiện tại đã đạt 4,75%, cách mục tiêu 5-5,25% của cả năm 2023 từ 0,25% đến 0,5% nữa. Hơn nữa, CPI của Mỹ liên tục hạ nhiệt kể từ tháng 10/2022 đã thấp lên hy vọng về việc FED sẽ bắt đầu đảo chiều chính sách từ thắt chặt sang nới lỏng hơn trong năm 2023.



Nghị định sửa đổi giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc phát hành trái phiếu, hỗ trợ doanh nghiệp huy động vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh cũng như giảm áp lực trái phiếu đáo hạn đạt đỉnh trong vòng 2 năm tới, nhất là trong bối cảnh dự báo tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp khó lường, xung đột Nga - Ukraine kéo dài, nguy cơ suy thoái kinh tế và sức ép về lạm phát, lãi suất, tỷ giá tăng ở trong nước. Bên cạnh đó, nghị định này giúp giảm rủi ro vỡ nợ của các doanh nghiệp đã phát hành trái phiếu vốn là điều quan tâm bậc nhất của thị trường khi nới lỏng quy định thay đổi kỳ hạn trái phiếu và bổ sung quy định về chuyển đổi gốc, lãi trái phiếu đến hạn thành khoản vay hoặc tài sản khác.

Trong tháng 2/2023, Chính phủ đã yêu cầu Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chỉ đạo các tổ chức tín dụng giảm mặt bằng lãi suất cho vay, tăng khả năng tiếp cận vốn của người dân, doanh nghiệp, bảo đảm lãi suất hợp lý, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu kiểm soát lạm phát; cần có các giải pháp tín dụng phù hợp, góp phần tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản và các thị trường khác; cần điều hành tỷ giá phù hợp, đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng. Đồng thời, ngày 15/03/2023, NHNN đã quyết định điều chỉnh giảm 1 điểm % một số loại lãi suất điều hành và giảm 0,5 điểm % lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với khách hàng vay, đây là bước đi quan trọng, định hướng cho xu hướng giảm lãi suất của thị trường trong thời gian tới, qua đó định hướng TCTD giảm lãi suất cho vay, đồng hành cùng doanh nghiệp và người dân góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Kế hoạch kinh doanh 2023

Trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu luôn là mục tiêu chiến lược của Công ty, cùng với định hướng phát triển bền vững, TPS đặt ra kế hoạch kinh doanh thận trọng hơn trong năm 2023 trước bối cảnh vĩ mô cũng như thị trường chứng khoán được dự báo sẽ còn nhiều khó khăn, thử thách.

- Kế hoạch tài chính: tổng doanh thu đạt **2.831 tỷ đồng** và lợi nhuận trước thuế là **230 tỷ đồng**.
- Đa dạng hóa doanh thu trên cơ sở hoạt động an toàn và hiệu quả, đặt lợi ích khách hàng và cổ đông là trọng tâm, phát triển bền vững dựa trên ba trụ chính là hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư, hoạt động môi giới chứng khoán và hoạt động tự doanh.



Đẩy mạnh phát triển môi giới

Trong năm 2023, Công Ty tiếp tục đẩy mạnh quảng cáo, truyền thông để lan tỏa thương hiệu Công ty, đưa thương hiệu Công ty đến gần hơn với các nhà đầu tư/khách hàng; cung cấp các sản phẩm phân tích có chiều sâu, phù hợp nhu cầu của nhà đầu tư, nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn đầu tư để gia tăng giá trị và hiệu quả đầu tư cho khách hàng; triển khai các chương trình ưu đãi để thu hút khách hàng mới; đẩy mạnh nghiên cứu, triển khai các sản phẩm mới có tính ưu việt, đa dạng phù hợp cho từng đối tượng để thu hút lượng khách hàng mới, duy trì khách hàng cũ, gia tăng giá trị giao dịch và dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của khách hàng tại Công ty.



Tiếp tục cải tiến ứng dụng giao dịch trực tuyến TPS Mobile với giao diện đẹp hơn, dễ thao tác hơn nhằm mang đến trải nghiệm và hiệu quả cho khách hàng; đồng thời phát triển, đào tạo đội ngũ môi giới và tư vấn đầu tư có chất lượng:

- Chuẩn hóa chất lượng đội ngũ môi giới hiện tại, đánh giá và sàng lọc nhân sự chặt chẽ theo kỳ rà soát. Tuyển dụng thêm các môi giới mới có chất lượng phục vụ khách hàng VIP.
- Xây dựng chương trình đào tạo chuẩn cho đội ngũ môi giới.
- Đẩy mạnh phát triển mạng lưới đối tác phát triển thị trường (cộng tác viên), bao gồm các tỉnh thành lớn.

Xây dựng và quản lý chặt chẽ danh mục cho vay giao dịch ký quỹ, giám sát và thực hiện nghiêm ngặt các quy định xử lý tài sản, quản trị rủi ro, đảm bảo không gây ra nợ xấu cho Công ty.



Tiếp tục đẩy mạnh tham gia vào thị trường trái phiếu

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) được xem là kênh huy động vốn quan trọng của doanh nghiệp cũng như nền kinh tế. Theo chiến lược tài chính của Chính Phủ, dự nợ trái phiếu và trái phiếu doanh nghiệp cần đạt 47% GDP và 20% GDP vào năm 2025 và 58% GDP và 25% GDP vào năm 2030. Khi chi phí vốn vay ngân hàng ngày một tăng, khả năng tiếp cận nguồn vốn ngân hàng ngày càng khó khăn do chính sách tiền tệ thắt chặt đi kèm với các chính sách hỗ trợ của Chính phủ về thị trường trái phiếu, TPDN sẽ là một kênh đầu tư tiềm năng trong dài hạn. Đây cũng là một kênh đầu tư khá triển vọng, trung hoà được rủi ro cũng như khả năng sinh lợi của 2 kênh đầu tư thị trường cổ phiếu và gửi tiết kiệm.

Năm 2022, thị trường trái phiếu doanh nghiệp đã trải qua một giai đoạn trầm lắng ảnh hưởng bởi tâm lý của nhà đầu tư sau khi xảy ra một số vụ việc sai phạm liên quan đến trái phiếu. Chính sách thắt chặt tiền tệ cũng như việc thanh lọc, lành mạnh hóa thị trường của Chính phủ thông qua việc ban hành Nghị định 65/2022/NĐ-CP cũng ảnh hưởng đến khả năng huy động vốn của một số tổ chức phát hành thời gian gần đây.

Nghị định 65/2022/NĐ-CP đã đưa ra những điều kiện chặt chẽ hơn về đối tượng giao dịch trái phiếu, hồ sơ chào bán trái phiếu, mục đích sử dụng vốn, công bố thông tin, giám sát phát hành trái phiếu,... Với các quy định mới của Nghị định 65/2022/NĐ-CP, các doanh nghiệp chưa thỏa điều kiện sẽ gặp nhiều hạn chế trong việc huy động vốn trên thị trường trái phiếu, tuy nhiên đây cũng là cơ hội để sàng lọc các yếu tố không tốt, giúp nhà đầu tư thuận lợi hơn trong việc lựa chọn trái phiếu chất lượng được phát hành bởi cách doanh nghiệp có tiềm lực tốt, kinh doanh hiệu quả, minh bạch hồ sơ phát hành.

Về dài hạn, Nghị định 65 với quy định mới dẫn đi vào thực tiễn, tâm lý thị trường dần ổn định sau các sự vụ xử lý vi phạm của Chính phủ, thị trường TPDN được kỳ vọng sẽ tiếp tục trở thành một kênh dẫn vốn quan trọng cho nền kinh tế, một thị trường tiềm năng, minh bạch và bền vững hơn cho các nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, để tháo gỡ các vướng mắc liên quan đến TPDN đáo hạn trong năm 2023 và 2024, vào tháng 03/2023, Nghị định 08/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 65/2022/NĐ

đã được ban hành. Một số thay đổi lớn gồm: Nhà phát hành có thể thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn bằng tài sản khác, được kéo dài kỳ hạn trái phiếu tối đa không quá 2 năm nếu có sự đồng ý của trái chủ; Đáng chú ý, Nghị định này hoãn quy định của Nghị định 65 về nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt phát hành và yêu cầu kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu đến 31/12/2023. Những thay đổi này kỳ vọng sẽ giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc phát hành trái phiếu, hỗ trợ doanh nghiệp huy động vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh cũng như giảm áp lực trái phiếu đáo hạn đạt đỉnh trong vòng 2 năm tới.

Với nhận định trên, song hành cùng với mục tiêu phát triển bền vững, luôn đặt quyền lợi của khách hàng và cổ đông lên trên hết, trong năm 2023, TPS sẽ hỗ trợ, đồng hành cùng với các tổ chức phát hành thực hiện các nghĩa vụ của tổ chức phát hành liên quan đến trái phiếu. Đến khi thị trường phục hồi, cùng với nền tảng sẵn có, TPS sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tư vấn phát hành và phân phối trái phiếu, chú trọng trái phiếu niêm yết, duy trì vị thế là một đơn vị dịch vụ ngân hàng đầu tư lớn tại thị trường Việt Nam. Việc lựa chọn tổ chức phát hành có tên tuổi, uy tín, theo các chuẩn mực của 5Cs (Cashflow, Capital, Conditions, Collateral, Corporate Governance) để cung cấp các dịch vụ liên quan đến trái phiếu là mục tiêu chiến lược của TPS trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, TPS tiếp tục chú trọng mở rộng các mảng hoạt động đang có tiềm lực khai thác lớn như tư vấn niêm yết, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp (thoái vốn, thu xếp vốn, mua bán - sáp nhập), tư vấn mua bán nợ, các nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán... nhằm đa dạng nguồn doanh thu và lợi nhuận, nâng cao thương hiệu và vị thế của Công ty trên thị trường.

Công ty sẽ tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa các mạng lưới hoạt động kinh doanh, phát triển đội ngũ kinh doanh, khai thác toàn diện tệp khách hàng thông qua lợi thế sẵn có là mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch trải dài trên cả nước của TPBank.



Giải pháp về sản phẩm, dịch vụ, công nghệ

Tiếp tục chú trọng phát triển công nghệ số trong các sản phẩm và dịch vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho TPS tiếp cận được nguồn dữ liệu khách hàng dồi dào, giảm chi phí hoạt động, thấu hiểu hơn về thị hiếu của từng nhóm khách hàng và chăm sóc khách hàng chu đáo hơn. Đây là lợi thế rất quan trọng để TPS cải thiện hiệu quả hoạt động và nâng tầm vị thế trong thời gian tới. Chi tiết các giải pháp cụ thể trong năm 2023 như sau:

Dịch vụ mở tài khoản	<ul style="list-style-type: none">• Triển khai các chương trình thúc đẩy mở tài khoản chứng khoán và giao dịch• Cung cấp các dịch vụ mở/đóng tài khoản trên hệ thống eKYC và hợp đồng eContract.
Dịch vụ chứng khoán	<ul style="list-style-type: none">• Triển khai tiếp các gói lãi suất cho vay giao dịch ký quỹ phù hợp với từng nhóm khách hàng
Dịch vụ khách hàng	<ul style="list-style-type: none">• Triển khai chương trình chính sách khách hàng ưu tiên nhằm thu hút các khách hàng lớn.
Dịch vụ liên kết TPBank	<ul style="list-style-type: none">• Xây dựng cơ chế liên kết mở tài khoản TPBank đồng thời với mở tài khoản chứng khoán.• Nộp/rút tiền trực tiếp TKCK: tại quầy TPBank/live bank.• Gia tăng bán chéo dịch vụ khách hàng ưu tiên TPBank cho khách hàng .• Gia tăng bán chéo dịch vụ TPS cho khách hàng TPBank (mở tài khoản, giao dịch chuyên biệt).• Tích hợp kết nối phần mềm toàn diện để khách hàng quản lý tài sản tại TPBank (quản lý tiền tại TPBank, giao dịch tại TPS, đồng bộ sản phẩm từ TPS sang TPBank): Khách hàng có thể đầu tư các sản phẩm tại TPS từ nguồn tiền trên TK TPBank (mua trái phiếu, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ,...), khách hàng quản lý tiền trên tài khoản TPBank (bao gồm đồng bộ tiền từ TPS sang).
Hệ thống các phần mềm	<ul style="list-style-type: none">• Phần mềm Core Trái phiếu: Quản lý và phát triển hoàn thiện phần mềm quản trị vận hành Core trái phiếu.• Core chứng khoán cơ sở: Nâng cấp năng lực xử lý của hệ thống FO, BO Core TTL; Duy trì ổn định vận hành hệ thống, sẵn sàng kết nối với hệ thống KRX; Hoàn thành triển khai các hạng mục tính năng quan trọng liên quan đến đa nguồn.• TPS Mobile, Pro-Webtrading: Tiếp tục phát triển và nâng cấp tính năng theo yêu cầu nghiệp vụ; Ưu tiên hướng đến việc tích hợp đa sản phẩm tài chính, trong đó có sản phẩm trái phiếu và tích hợp các dịch vụ của TPBank.• Liên kết TPBank: tiếp tục nâng cấp và tích hợp dịch vụ, sản phẩm TPBank trên nền tảng TPS Mobile App.
Hạ tầng công nghệ	<ul style="list-style-type: none">• Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tập trung vào đảm bảo tính an toàn và bảo mật thông tin (hệ thống sao lưu, khôi phục dữ liệu, hệ thống tường lửa, hệ thống chống tấn công mạng, hệ thống SAN, dịch chuyển một số dịch vụ lên nền tảng Cloud)

4

Giải pháp về vận hành

- Nâng cao chất lượng tuyển dụng nhân sự để từ đó nâng cao chất lượng nhân sự; chuyên môn hóa đội ngũ nhân sự bằng cách tự đào tạo, nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng mềm để xử lý tình huống phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Hướng đến tự động hóa vận hành trên cơ sở hỗ trợ của hệ thống công nghệ, giảm thiểu sai sót.
- Hoàn thiện hệ thống văn bản nội bộ, tinh gọn bộ máy tổ chức giúp cho quá trình vận hành an toàn, hiệu quả.
- Truyền thông, nâng cao nhận diện thương hiệu Công ty; tiếp tục đẩy mạnh digital marketing nhằm tăng lượng khách hàng sử dụng sản phẩm, dịch vụ của Công ty và tăng độ nhận diện hình ảnh, thương hiệu của Công ty; xây dựng các nội dung mới, nổi bật thông qua phương thức digital marketing để tiếp cận gần hơn với khách hàng, đăng tải các nội dung phân tích thị trường mang tính kịp thời, chính xác.
- Thường xuyên kiểm tra, rà soát toàn bộ các hạng mục chi phí hoạt động, giảm thiểu các chi phí bất hợp lý của Công ty.
- Ngoài ra trước bối cảnh nhiều khó khăn sắp tới, TPS sẽ tăng cường công tác quản trị rủi ro, tăng cường giám sát thị trường, đánh giá thường xuyên các rủi ro để có sự điều chỉnh kịp thời.





CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022

VƯỢT
SÓNG



PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG

Định hướng phát triển bền vững

Từ những ngày đầu tái cơ cấu, TPS đã định hướng phát triển đồng bộ về mọi mặt với hai hoạt động kinh doanh trụ cột là mảng trái phiếu và môi giới chứng khoán, TPS hướng đến mục tiêu trở thành một trong những công ty chứng khoán dẫn đầu thị trường, đồng thời phấn đấu tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ vào hoạt động của công ty chứng khoán để đảm bảo hiệu quả hoạt động và đem lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, đối tác và các cổ đông của Công ty.

Bên cạnh mục tiêu tăng trưởng, hoạt động kinh doanh của TPS luôn được định hướng phải phát triển bền vững trên cơ sở đảm bảo tuân thủ pháp luật, an toàn tài chính, kiểm soát rủi ro chặt chẽ, đóng góp tích cực cho nền kinh tế và xã hội Việt Nam.

Để đảm bảo phát triển bền vững, toàn diện, TPS định hướng thực hiện các hoạt động tương tác gắn kết các bên liên quan:

Đối tượng	Mục tiêu	Hành động
Khách hàng	Đa dạng hóa sản phẩm, tối ưu hóa tiện ích cho khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng niềm tin thông qua các cuộc gặp tư vấn trực tiếp, trao đổi điện thoại, email gửi khách hàng, website của Công ty. Phát triển và giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ phù hợp từng nhóm khách hàng, đáp ứng nhu cầu của khách. Nâng cao công nghệ, thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ nâng cao trải nghiệm, tối ưu hóa tiện ích cho khách hàng. Nâng cao chất lượng các báo cáo phân tích vĩ mô, ngành, công ty nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư của khách hàng.
Cổ đông, nhà đầu tư	Nâng cao giá trị cho nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường quản trị doanh nghiệp và minh bạch trong kinh doanh, kiểm soát rủi ro chặt chẽ, xây dựng sự tin cậy của cổ đông. Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi cổ đông. Phát triển kinh doanh hiệu quả, bền vững.
Nhân viên	Tạo động lực làm việc phát triển, đảm bảo cuộc sống của nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng môi trường làm việc gắn kết các nhân viên với nhau. Xây dựng các chương trình phúc lợi, teambuilding gắn kết nhân viên với lãnh đạo, nhân viên với nhân viên.
Cộng đồng, xã hội	Đóng góp tích cực cho xã hội	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ theo quy định pháp luật hiện hành. Hỗ trợ phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động. Huy động vốn cho nền kinh tế Đóng góp vào sự phát triển và tăng trưởng của thị trường tài chính, chứng khoán. Tích cực tham gia góp ý sửa đổi các văn bản về chính sách, quy định,...của cơ quan Nhà nước.

Hoạt động phát triển bền vững

Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ, nâng cao chất lượng sản phẩm

Việc tái cấu trúc và đầu tư công nghệ ở TPS bắt đầu từ năm 2020, thời điểm đó TPS xác định mục tiêu đầu tiên đó là cần phải nâng cấp hệ thống giao dịch và đầu tư cơ sở hạ tầng dịch vụ công nghệ thông tin. Đến nay, về cơ bản quá trình tái cấu trúc nền tảng công nghệ, đầu tư hạ tầng dịch vụ CNTT giai đoạn đầu đã thành công. Cùng với sự phát triển về công nghệ thì sản phẩm, dịch vụ của TPS ngày càng đa dạng và phong phú, tạo động lực phát triển các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty đã triển khai thành công hoạt động chuyển đổi số và tạo những ấn tượng sáng tạo nhất trong hệ sinh thái số từ trải nghiệm tối ưu của khách hàng trong việc mở tài khoản eKYC mọi lúc mọi nơi, giao dịch chứng khoán thực hiện nhanh chóng, an toàn trên tất cả các ứng dụng, tiện ích TPS Mobile, Pro Web-trade, hệ thống chăm sóc khách hàng trực tuyến với công nghệ định danh thoại (voice-brandname)..., cung cấp “nạp tiền nhanh chóng chỉ trong vòng 5s”. Với chiến lược tập trung phát triển công nghệ phù hợp với xu hướng số hóa trong giai đoạn hiện nay đã giúp cho Công ty ổn định, vượt qua khó khăn và tạo tiền đề để tiếp tục phát triển bền vững.

Trong năm 2022, TPS đã khá thành công trong chiến lược phát triển – hướng đến mục tiêu là công ty chứng khoán hàng đầu về công nghệ số khi được Global Business Outlook Awards bình chọn là “Công ty chứng khoán chuyển đổi số sáng tạo nhất Việt Nam”, cho thấy chiến lược phát triển của công ty đang đi đúng hướng và phù hợp với xu hướng số hoá trong giai đoạn hiện nay, góp phần tạo ra lợi thế người đi đầu, bước đệm quan trọng để mở rộng thị phần môi giới trong những năm tới.

Trong tương lai, TPS sẽ tiếp tục thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ hơn, hướng đến sự đa dạng sản phẩm, tiện lợi cho khách hàng ngày càng tối ưu hơn, nhằm đạt mục tiêu là một trong những CTCK hàng đầu về ứng dụng công nghệ.



Nâng cao chất lượng nghiên cứu và phân tích

Mặc cho bối cảnh thị trường có nhiều biến động, năm 2022 Trung tâm Phân tích vẫn hoạt động xuyên suốt, không ngừng mở rộng phạm vi nghiên cứu, đi sâu vào các vấn đề vĩ mô, các ngành nghề lĩnh vực cũng như các doanh nghiệp có tiềm năng phát triển, thanh khoản tốt để cung cấp cho nhà đầu tư có cái nhìn tổng quát nhất về thị trường, truyền đạt được các vấn đề “nóng hổi”, các khuyến nghị kịp thời giúp nhà đầu tư có những quyết định đầu tư phù hợp.

Các sản phẩm của Trung tâm Phân tích là các báo cáo chuyên sâu gồm các bản tin ngày, bản tin tuần, báo cáo phân tích ngành, phân tích công ty, phân tích kỹ thuật, báo cáo vĩ mô và chiến lược hàng tháng/hàng quý/hàng năm phân tích toàn diện nền kinh tế vĩ mô, các tác động ảnh hưởng, các ngành và cổ phiếu. Các sản phẩm phân tích đã nhận được phản hồi tích cực từ các nhà đầu tư, các chuyên gia trong ngành và được ghi nhận bởi các tạp chí tài chính uy tín, thông qua đó giúp cho thương hiệu TPS ngày càng được nhận diện trên thị trường.

Nhóm nghiên cứu cũng thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo nội bộ và trực tuyến cho khách hàng để truyền đạt các vấn đề “nóng hổi”, các khuyến nghị kịp thời đến nhà đầu tư, cung cấp những góc nhìn chuyên sâu về tình hình vĩ mô, thị trường, cổ phiếu,...nhằm nâng cao hiệu quả tư vấn đầu tư cho khách hàng của TPS. Bên cạnh đó cũng giúp cho TPS hiểu rõ hơn về nhu cầu của khách hàng, qua đó nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao kỹ năng chuyên môn nhằm hỗ trợ tư vấn cho khách hàng ngày càng tốt hơn.

TPS
TIEN PHONG SECURITIES

LIVE STREAMING

BÁO CÁO VĨ MÔ & CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG THÁNG 2/2023

Ngày 08/02/2023

Bắt đầu lúc: 15h30

LIKE, SHARE Livestream cơ hội nhận ngay quà hấp dẫn tổng trị giá **1.000.000 VND**

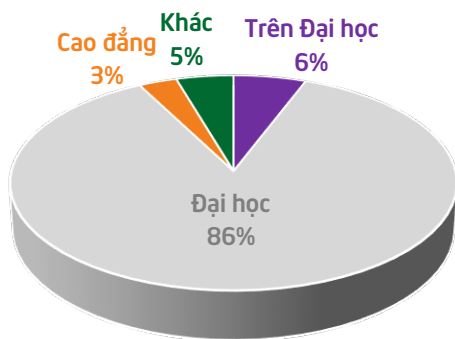
Ah Anh Bùi Quốc Hiếu
Trưởng bộ phận Phân tích Kinh tế vĩ mô và Chiến lược Liền ngành

Thạc Sĩ Phan Thị Liên
Kinh tế trưởng - Trung tâm Phân tích TPS

Phát triển thu hút nhân tài

Trong năm 2022, đội ngũ nhân sự có sự tăng trưởng mạnh và chuyên môn hóa sâu ở tất cả các hoạt động kinh doanh đã giúp TPS từng bước kiện toàn bộ máy và chất lượng nhân sự. Công ty đã hoàn thiện chuẩn chỉnh hệ thống chính sách, quy chế, quy trình nội bộ, bảo đảm đáp ứng các mục tiêu hoạt động và phát triển ổn định, bền vững của TPS cũng như đáp ứng được kế hoạch trung hạn của TPS.

Công ty tiếp tục duy trì bộ máy cơ cấu tổ chức tinh gọn, ưu tiên việc tuyển dụng nhân sự chất lượng để phát triển đa dạng các nghiệp vụ kinh doanh. TPS chủ trương phát triển nguồn nhân lực theo chiều sâu, có kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong từng hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, Công ty cũng tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo các kỹ năng nghiệp vụ cho nhân viên, mở rộng các chính sách hỗ trợ chi phí và thời gian cho nhân viên theo học các lớp đào tạo về nghiệp vụ, quản trị và các chứng chỉ hành nghề chứng khoán.



TRANG THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI, MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC THÂN THIỆN



ĐẢM BẢO CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM, CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI THEO QUY ĐỊNH



ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN

Cơ cấu nguồn nhân lực

Tính đến cuối năm 2022, tổng số lượng nhân sự của TPS đạt 326 người so với con số chưa đầy 100 người khi bắt đầu cơ cấu. Nhân sự có trình độ đại học và trên đại học chiếm tỷ lệ rất cao, hơn 92%. Ngoài nhân sự làm việc tại trụ sở chính và chi nhánh Hà Nội, Công ty còn xây dựng mạng lưới cộng tác viên, đối tác phát triển thị trường tại gần như khắp các tỉnh thành lớn tại Việt Nam như Đà Nẵng, Hải Phòng, Thanh Hóa, Nam Định, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hà Tĩnh, Nghệ An, Hải Dương, Quảng Bình...

TPS luôn đề cao giá trị của nguồn nhân lực, xem nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất. Do vậy, Công ty xây dựng cơ chế lương, thưởng, phúc lợi theo hiệu suất để nâng cao năng suất lao động, thu hút nhân tài chất lượng cao phù hợp với định hướng phát triển của Công ty; các chính sách nhân sự của Công ty được xây dựng nhằm quan tâm toàn diện đến người lao động, khuyến khích người lao động.



! Sức Mạnh Kết Nối ! ! Dẫn Lối Tiên Phong !



Tại TPS, các hoạt động gắn kết nội bộ như team building được thực hiện thường xuyên và duy trì suốt nhiều năm qua. Các hoạt động nội bộ này được xây dựng với mục đích tạo điều kiện giao lưu giữa ban lãnh đạo và nhân viên, giữa các nhân viên trong cùng phòng ban và giữa các phòng ban với nhau nhằm tạo môi trường đoàn kết, tăng cơ hội tìm hiểu, hợp tác trong công việc, đưa mọi người đến gần nhau hơn, tạo nên sức mạnh để cùng hướng tới mục tiêu chung.

Quản trị rủi ro

Phát triển bền vững trên cơ sở tăng cường quản trị rủi ro luôn được Ban điều hành Công ty quan tâm, đặt lên hàng đầu. Trong năm 2022, hệ thống chính sách, quy trình về Quản trị rủi ro của Công ty tiếp tục được hoàn thiện và cập nhật, Công ty đã và đang không ngừng rà soát, xây dựng hệ thống chính sách, quy chế, quy trình nội bộ, bảo đảm hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, đáp ứng các mục tiêu hoạt động và phát triển ổn định, bền vững của Công ty.

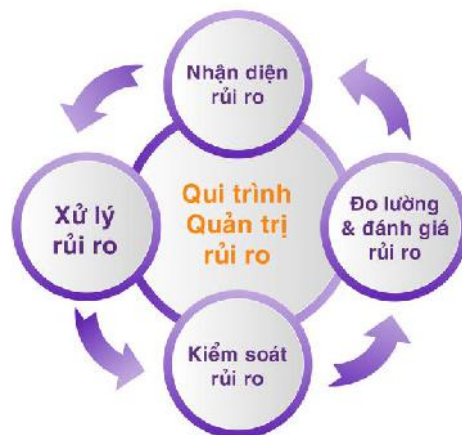
Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng một cách thống nhất, việc thành lập Trung tâm Quản trị rủi ro và Tuân thủ, trong đó phân tách chi tiết chức năng nhiệm vụ thành 3 phòng riêng biệt là Phòng Quản trị rủi ro, Phòng Kiểm soát nội bộ và Phòng Tuân thủ cho thấy TPS rất chú trọng đến công tác quản trị rủi ro. Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập nhằm đảm bảo khả năng nhận diện rủi ro, đo lường, kiểm soát theo dõi và xử lý rủi ro một cách hiệu quả.

1. Nhận diện rủi ro

Việc nhận diện rủi ro được thực hiện ở tất cả các đơn vị kinh doanh, các bộ phận phòng ban và các phòng nghiệp vụ rủi ro chuyên môn tại TPS.

Nhận diện rủi ro không chỉ dừng lại ở một rủi ro riêng lẻ mà cần liên kết tác động các loại rủi ro với nhau, đặc biệt là các loại rủi ro trọng yếu, làm cơ sở cho việc đo lường và kiểm soát được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

Nhận diện rủi ro được thực hiện bởi nhiều phương pháp như: thống kê, phân tích SWOT, bảng câu hỏi khảo sát, thảo luận giữa bộ phận QTRR và các bộ phận liên quan.



2. Đo lường và đánh giá rủi ro

Sử dụng phương pháp đánh giá định tính và/hoặc định lượng để đo lường phù hợp cho từng loại rủi ro. Đo lường rủi ro được thực hiện trên cơ sở phân tích tác động của rủi ro đối với thu nhập, mức độ an toàn vốn, kết quả kinh doanh của TPS.

3. Kiểm soát rủi ro

Công tác theo dõi, giám sát rủi ro được thực hiện hàng ngày và định kỳ thực hiện đánh giá lại nhằm phát hiện kịp thời và đưa ra cảnh báo sớm các rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra. Kiểm soát rủi ro được thực hiện dựa trên khẩu vị rủi ro và các hạn mức rủi ro đã được phê duyệt tương ứng với từng nghiệp vụ kinh doanh.

4. Xử lý rủi ro

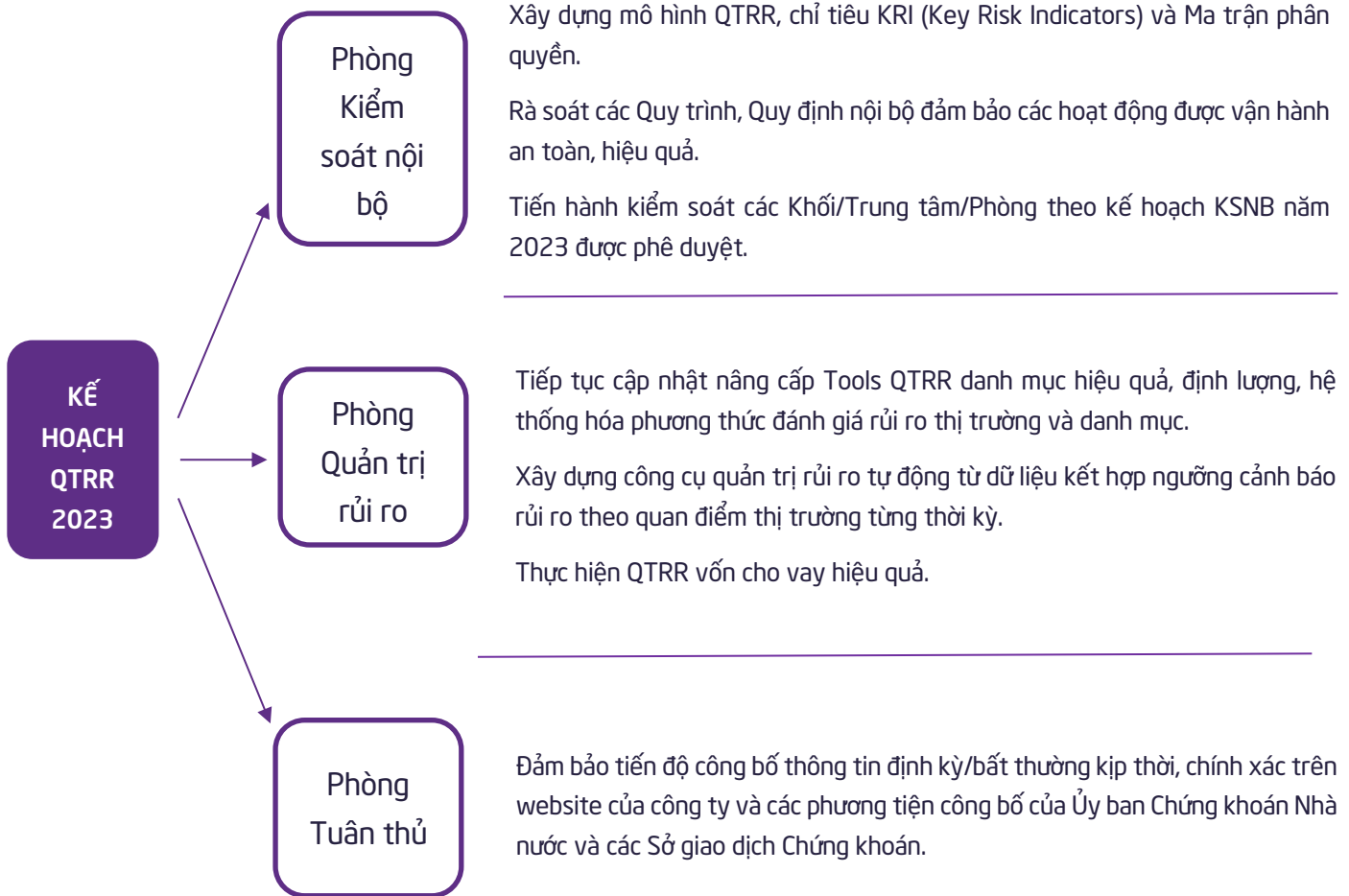
Các biện pháp kiểm soát rủi ro và chiến lược xử lý rủi ro sẽ được xem xét áp dụng trên cơ sở đánh giá các yếu tố như mức độ nghiêm trọng, tần suất xảy ra, chi phí để giảm thiểu rủi ro và đặc tính của rủi ro.

Trong quá trình nhận diện, xử lý rủi ro, nếu nhận thấy quy trình, chính sách liên quan để xảy ra sự cố thì Trung tâm Quản trị rủi ro sẽ nhanh chóng xem xét đề xuất điều chỉnh, cập nhật ngay những chính sách và quy trình liên quan để không xảy ra sự cố tương tự.

TPS thực hiện công tác quản trị rủi ro một cách độc lập, khách quan. Các Phòng ban tác nghiệp và bộ phận quản trị rủi ro được tổ chức tách biệt và độc lập với nhau, người phụ trách bộ phận tác nghiệp không đồng thời phụ trách bộ phận quản trị rủi ro và ngược lại.

Bên cạnh đó, Phòng Pháp chế chuyên trách thực hiện tham vấn pháp lý nhanh chóng, kịp thời cho các hoạt động của Công ty. Công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro được chú trọng, nhân sự kiểm soát nội bộ được tăng cường để bảo đảm công tác kiểm tra, kiểm soát được thực hiện thường xuyên.

Năm 2023 được dự báo còn nhiều khó khăn thử thách, hoạt động quản trị rủi ro tiếp tục được hoàn thiện và nâng cao, Công ty đang đẩy mạnh công tác tuyển dụng nhân sự có nhiều kinh nghiệm quản trị rủi ro, chú trọng công tác đào tạo nâng cao nhận thức và phòng ngừa rủi ro cho từng nhân viên, từng bộ phận. Công tác quản trị rủi ro được quán triệt trên toàn hệ thống, từ định hướng của Hội đồng quản trị tới hoạt động của các phòng ban về tầm quan trọng trong công tác quản trị rủi ro và tuân thủ, xác định các loại rủi ro và các giải pháp hạn chế, nhằm bảo đảm công ty đạt được mục tiêu kinh doanh hiệu quả nhưng phải an toàn, bền vững



Đóng góp Ngân sách Nhà nước

TPS luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước theo quy định pháp luật hiện hành. TPS luôn xác định hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước là nghĩa vụ quan trọng, góp phần vào sự phát triển và ổn định kinh tế, xã hội của Việt Nam. Từ một Công ty Chứng khoán Phương Đông liên tục kinh doanh thua lỗ, TPS đã không ngừng nỗ lực phát triển kinh doanh, tạo ra lợi nhuận ngay từ năm đầu tiên khi thực hiện tái cơ cấu vào năm 2019. Nhờ những định hướng, chiến lược kinh doanh đúng đắn, TPS đã liên tục tạo ra lợi nhuận, đóng góp đều đặn vào Ngân sách Nhà nước.

Năm 2022 thị trường tài chính, chứng khoán đầy biến động với hàng loạt khó khăn và thử thách, TPS vẫn duy trì sự hoạt động ổn định, bền vững với doanh thu đạt kỷ lục 2.733 tỷ đồng, tạo lợi nhuận gần 136 tỷ đồng.

Tổng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm 2021 và 2022 lần lượt là 247 tỷ và 364 tỷ đồng.



Năm 2022, TPS đã đóng góp vào ngân sách Nhà nước

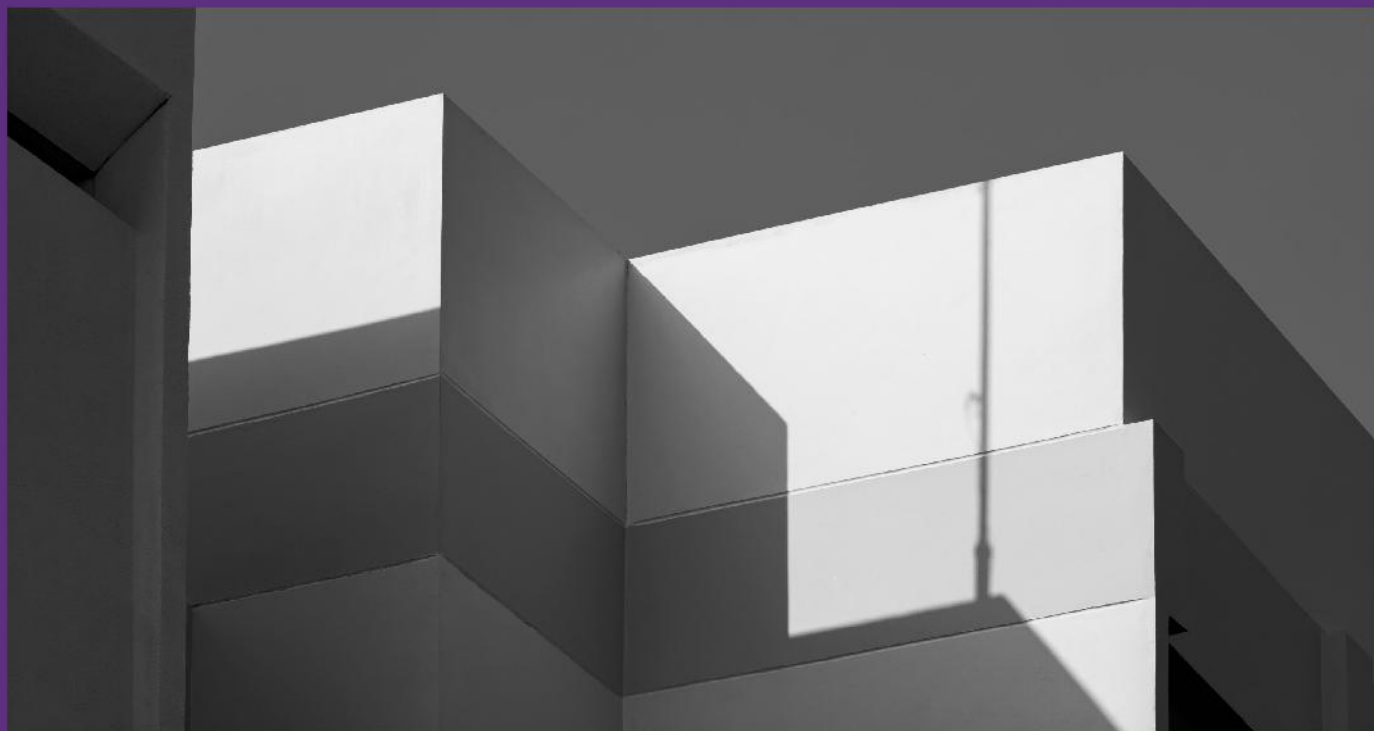
364 Tỷ VND



CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022

VƯỢT
SÓNG



Đơn vị kiểm toán
Ernst & Young Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 94/GPĐC-UBCK được cấp ngày 05/10/2022, điều chỉnh địa điểm đặt trụ sở chính là Tầng 4 và Tầng 7, tòa nhà Doji, 81-83-85 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Anh Tú	Chủ tịch
Bà Trương Thị Hoàng Lan	Phó Chủ tịch kiêm Thành viên độc lập
Ông Trần Sơn Hải	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Trần Thanh Hương	Trưởng ban
Bà Đặng Sĩ Thùy Tâm	Thành viên
Bà Ngô Thị Lệ Thanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Bùi Thị Thanh Trà	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Lệ Tùng	Giám đốc Khối tài chính

Người đại diện theo pháp luật

Bà Bùi Thị Thanh Trà	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Trụ sở chính

Tầng 4 và tầng 7, Tòa nhà DOJI, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội
Địa chỉ: Tầng 12, DOJI Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Bà Bùi Thị Thanh Trà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Tiên Phong ("Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 7 đến trang 65, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về các báo cáo tài chính đó vào ngày 14 tháng 2 năm 2022.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1

Vũ Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.626.296.601.622	4.732.110.458.851
110	Tài sản tài chính		6.619.113.154.723	4.724.395.803.934
111	Tiền và các khoản tương đương tiền	5	15.264.250.061	108.175.805.100
111.1	Tiền		15.264.250.061	108.175.805.100
112	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	7.1	1.797.777.817.274	1.821.154.621.941
113	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.2	-	346.050.000.000
114	Các khoản cho vay	7.3	989.753.952.462	1.826.492.808.483
117	Các khoản phải thu		2.623.333.461.130	3.586.027.908
117.1	Phải thu bán các tài sản tài chính	8	2.599.293.181.000	365.700.000
117.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	8	24.040.280.130	3.220.327.908
118	Trả trước cho người bán		6.518.911.631	42.128.999.749
119	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	8	1.173.352.936.944	564.495.669.304
122	Các khoản phải thu khác	8	13.111.825.221	12.311.871.449
130	Tài sản ngắn hạn khác		7.183.446.899	7.714.654.917
131	Tạm ứng		36.000.000	-
133	Chi phí trả trước ngắn hạn	9	4.778.136.122	7.664.654.917
134	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		60.832.080	50.000.000
136	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	2.308.478.697	-
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		80.412.265.285	31.959.577.224
220	Tài sản cố định		11.339.661.390	15.802.016.211
221	Tài sản cố định hữu hình	10	3.114.743.982	5.065.947.167
222	Nguyên giá		14.831.427.235	12.770.114.109
223a	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.716.683.253)	(7.704.166.942)
227	Tài sản cố định vô hình	11	8.224.917.408	10.736.069.044
228	Nguyên giá		28.306.971.564	21.000.673.589
229a	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.082.054.156)	(10.264.604.545)
240	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.284.979.809	1.871.980.484
250	Tài sản dài hạn khác		67.787.624.086	14.285.580.529

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
251	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	13	4.294.236.957	4.122.629.317
252	Chi phí trả trước dài hạn	9	1.210.072.975	3.293.014.511
253	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14	55.225.353.002	2.311.975.549
254	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	7.057.961.152	4.557.961.152
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.706.708.866.907	4.764.070.036.075
300	NỢ PHẢI TRẢ		4.398.956.657.152	2.591.992.675.682
310	Nợ phải trả ngắn hạn		1.398.956.657.152	591.992.675.682
311	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	60.000.000.000	346.050.000.000
312	Vay ngắn hạn		60.000.000.000	346.050.000.000
318	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	201.927.955	66.119.930.930
320	Phải trả người bán ngắn hạn		2.264.005.770	151.596.500
322	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	38.886.261.645	41.638.641.968
323	Phải trả người lao động		-	18.117.898.679
325	Chi phí phải trả ngắn hạn	20	118.102.166.363	31.407.855.799
327	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	327.800.146.735	22.902.578.775
329	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	22	851.702.148.684	65.604.173.031
340	Nợ phải trả dài hạn		3.000.000.000.000	2.000.000.000.000
346	Trái phiếu phát hành dài hạn	17	3.000.000.000.000	2.000.000.000.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.307.752.209.755	2.172.077.360.393
410	Vốn chủ sở hữu	23	2.307.752.209.755	2.172.077.360.393
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.000.877.282.000	2.000.877.282.000
411.1	Vốn góp của chủ sở hữu		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
411.2	Thặng dư vốn cổ phần		877.282.000	877.282.000
414	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		8.560.003.920	8.560.003.920
415	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		8.560.003.920	8.560.003.920
417	Lợi nhuận chưa phân phối	23.1	289.754.919.915	154.080.070.553
417.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		536.971.521.768	163.894.364.178
417.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		(247.216.601.853)	(9.814.293.625)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.706.708.866.907	4.764.070.036.075

CÁC CHI TIẾT NGOÀI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
		24.1		
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý	23.2	407.840.282.311	407.840.282.311
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành (<i>cổ phiếu</i>)		200.000.000	200.000.000
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán ("VSD") của CTCK	24.2	264.371.360.000	288.519.140.000
	3.1 <i>Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>		264.371.360.000	288.404.140.000
	3.2 <i>Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>		-	115.000.000
010	4. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	24.3	-	10.000
012	5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	24.4	1.293.380.912.520	1.204.389.878.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	24.5	6.034.574.729.500	6.754.373.835.000
021.1	a. <i>Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>		4.999.415.869.500	4.630.975.565.000
021.4	b. <i>Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>		978.922.340.000	2.005.878.280.000
021.5	c. <i>Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>		56.236.520.000	117.519.990.000
023	2. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	24.6	140.037.962.000	415.532.280.500
025	3. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	24.7	6.386.235.500	-
026	4. Tiền gửi của Nhà đầu tư	24.8	186.927.449.046	362.210.336.430
027	4.1 <i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>		186.927.449.046	362.210.336.430
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	24.9	186.927.449.046	362.210.336.430
031.1	5.1 <i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>		186.515.266.656	322.286.210.856

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
031.2	5.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		412.182.390	39.924.125.574
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	24.10	116.462.305.925	56.708.897.977

Người lập:



Bà Lê Trang Thùy Dung
Kế toán viên

Người kiểm tra:



Bà Nguyễn Thanh Tuyên
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Bà Bùi Thị Thanh Trà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		1.068.801.507.856	356.200.127.037
01.1	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	25.1	484.582.314.810	233.691.667.669
01.2	Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	25.2	18.559.650.392	9.436.288.017
01.3	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	25.3	565.659.542.654	113.072.171.351
02	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	25.3	16.686.246.575	781.363.013
03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	25.3	172.409.460.967	79.107.769.862
06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		73.903.189.174	83.290.643.746
07	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		12.867.256.780	-
08	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		92.285.746.267	17.526.317.078
09	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		654.558.504.196	181.745.533.480
10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		602.706.469.123	623.773.155.291
11	Thu nhập hoạt động khác		26.574.080.505	3.603.888.975
20	Cộng doanh thu hoạt động		2.720.792.461.443	1.346.028.798.482
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(1.384.317.633.061)	(293.133.330.934)
21.1	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	25.1	(1.075.047.467.393)	(271.457.841.995)
21.2	Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	25.2	(308.875.336.073)	(20.996.165.763)
21.3	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		(394.829.595)	(679.323.176)
26	Chi phí hoạt động tự doanh	26	(4.188.164.172)	(309.103.507)
27	Chi phí môi giới chứng khoán	27	(92.812.132.580)	(75.833.593.997)
30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	28	(383.676.173.612)	(160.476.849.531)
31	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	29	(180.236.185.603)	(251.338.494.889)
40	Cộng chi phí hoạt động		(2.045.230.289.028)	(781.091.372.858)
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	30	1.599.644.809	1.380.133.783
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		1.599.644.809	1.380.133.783

CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
52	Chi phí lãi vay		(345.248.477.995)	(178.859.236.998)
60	Cộng chi phí tài chính	31	(345.248.477.995)	(178.859.236.998)
62	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	32	(165.168.293.548)	(121.848.844.780)
70	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		166.745.045.681	265.609.477.629
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	Thu nhập khác	33	10.587.063.156	12.186.908.475
72	Chi phí khác	34	(1.138.403.031)	(6.449.022.408)
80	Cộng kết quả hoạt động khác		9.448.660.125	5.737.886.067
90	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		176.193.705.806	271.347.363.696
91	Lợi nhuận đã thực hiện		466.509.391.487	282.907.241.442
.92	Lợi nhuận chưa thực hiện		(290.315.685.681)	(11.559.877.746)
100	CHI PHÍ THUẾ TNDN	35	(40.518.856.444)	(60.663.301.261)
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.2	(93.432.233.897)	(56.622.098.957)
100.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	35.3	52.913.377.453	(4.041.202.304)
200	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		135.674.849.362	210.684.062.435
500	THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		135.674.849.362	210.684.062.435
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	23.3	678	1.447
502	Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	23.3	678	1.447

Người lập:



Bà Lê Trang Thùy Dung
Kế toán viên

Người kiểm tra:



Bà Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Bà Bùi Thị Thanh Trà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp		176.193.705.806	271.347.363.696
02	Điều chỉnh cho các khoản:		335.134.200.621	181.451.715.969
03	- Khấu hao TSCĐ		13.926.002.756	5.728.244.379
06	- Chi phí lãi vay		345.248.477.995	178.859.236.998
08	- Dự thu tiền lãi		(24.040.280.130)	(3.220.327.908)
09	- Các khoản điều chỉnh khác		-	84.562.500
10	Tăng các chi phí phi tiền tệ		308.875.336.073	20.996.165.763
11	Chênh lệch tăng về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	25.2	308.875.336.073	20.996.165.763
18	Giảm các khoản doanh thu phi tiền tệ		(18.559.650.392)	(9.436.288.017)
19	Chênh lệch giảm về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	25.2	(18.559.650.392)	(9.436.288.017)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.598.782.303.887)	(3.687.726.865.134)
31	Tăng tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(266.938.881.014)	(1.382.223.581.037)
32	Giảm/(tăng) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		346.050.000.000	(346.050.000.000)
33	Giảm/(tăng) các khoản cho vay		836.738.856.021	(1.698.675.624.983)
35	(Tăng)/giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(2.598.927.481.000)	329.300.000
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		3.220.327.908	
37	Tăng các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(608.857.267.640)	(501.752.836.246)
39	(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác		(799.953.772)	394.297.686
40	Tăng các tài sản khác		(2.718.439.720)	(1.781.817.771)
41	Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		14.694.666.774	(9.592.328.146)
42	Giảm/(tăng) giảm chi phí trả trước		4.969.460.331	(4.365.527.125)
43	Thuế TNDN đã nộp		(93.271.196.067)	(44.451.884.210)
44	Lãi vay đã trả		(339.166.837.180)	(160.711.291.792)
45	Tăng phải trả cho người bán		38.568.693.388	471.647.031.980

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
47	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(5.221.896.850)	24.511.339.149
48	Tăng (giảm) phải trả người lao động		(18.117.898.679)	9.547.712.160
50	Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác		1.090.995.543.613	(44.551.654.799)
60	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(797.138.711.779)	(3.223.367.907.723)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		(9.722.843.260)	(17.501.528.049)
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(9.722.843.260)	(17.501.528.049)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	1.000.877.282.000
73	Tiền vay gốc		10.745.000.000.000	4.410.510.500.000
73.2	Tiền vay khác		10.745.000.000.000	4.410.510.500.000
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(10.031.050.000.000)	(3.064.460.500.000)
74.3	Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(10.031.050.000.000)	(3.064.460.500.000)
80	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		713.950.000.000	2.346.927.282.000
90	TIỀN THUẦN TRONG KỲ		(92.911.555.039)	(893.942.153.772)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	5	108.175.805.100	1.002.117.958.872
101.1	- Tiền		108.175.805.100	1.002.117.958.872
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	5	15.264.250.061	108.175.805.100
103.1	- Tiền		15.264.250.061	108.175.805.100

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		31.448.458.559.112	35.932.871.426.831
02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(27.751.422.300.330)	(34.215.617.109.002)
07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		60.086.013.022.842	50.293.025.404.408
08	Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(63.957.702.481.563)	(51.800.058.629.513)
11	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(629.687.445)	(2.011.776.298)
14	Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.789.000.000.000	33.609.603.316.099
15	Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(1.789.000.000.000)	(33.637.603.316.099)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		(175.282.887.384)	180.209.316.426
30	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	24.8	362.210.336.430	182.001.020.004
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		362.210.336.430	182.001.020.004
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		362.210.336.430	154.001.020.004
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		-	28.000.000.000
40	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	24.8	186.927.449.046	362.210.336.430
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		186.927.449.046	362.210.336.430
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		186.927.449.046	362.210.336.430

Người lập:



Bà Lê Trang Thùy Dung
Kế toán viên

Người kiểm tra:



Bà Nguyễn Thanh Tuyên
Kế toán Trưởng

Người duyệt:




Bà Bùi Thị Thanh Trà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

MẪU B04-CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
	Ngày 1 tháng 1 năm 2021 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2022 VND	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
			Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	2.000.877.282.000	1.000.877.282.000	-	-	-	2.000.877.282.000	2.000.877.282.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông	1.000.000.000.000	2.000.000.000.000	1.000.000.000.000	-	-	-	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	-	877.282.000	877.282.000	-	-	-	877.282.000	877.282.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	8.560.003.920	8.560.003.920	-	-	-	8.560.003.920	8.560.003.920
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	8.560.003.920	8.560.003.920	-	-	-	8.560.003.920	8.560.003.920
4. Lợi nhuận chưa phân phối	(39.483.984.042)	154.080.070.553	226.285.142.485	(32.721.087.890)	373.077.157.590	(237.402.308.228)	154.080.070.553	289.754.919.915
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	(45.270.770.467)	163.894.364.178	226.285.142.485	(17.120.007.840)	373.077.157.590	-	163.894.364.178	536.971.521.768
- (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	5.786.786.425	(9.814.293.625)	-	(15.601.080.050)	-	(237.402.308.228)	(9.814.293.625)	(247.216.601.853)
TỔNG CỘNG	960.516.015.958	2.172.077.360.393	1.244.282.432.325	(32.721.087.890)	373.077.157.590	(237.402.308.228)	2.172.077.360.393	2.307.752.209.755

Người lập:



Bà Lê Trang Thùy Dung
Kế toán viên

Người kiểm tra:



Bà Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Bà Bùi Thị Thanh Trà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

1. CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công ty”), tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, là một công ty chứng khoán được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và các sửa đổi bổ sung.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; lưu ký chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 4 và Tầng 7 Tòa nhà Doji, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có một (1) chi nhánh tại Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 328 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 234 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Công ty là 2.000.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.307.752.209.755 VND và tổng tài sản là 6.706.708.866.907 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu trở thành đối tác của khách hàng, tập trung mọi nguồn lực và sáng kiến của Công ty để đem thành công đến cho khách hàng, đội ngũ nhân viên và cộng đồng nơi Công ty hoạt động.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.
- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc

dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

- ▶ Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định sau: Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng thực hiện lập báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính quý cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc lần lượt tại 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong năm tài chính của Công ty là VND

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 trừ các thay đổi sau:

Thông tư số 114/2021/TT-BTC bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ (“Thông tư 114”)

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114 với các thay đổi chủ yếu như sau:

- ▶ Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- ▶ Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để chỉnh bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- ▶ Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022. Áp dụng các thay đổi của Thông tư 114.

Thông tư 24/2022/TT-BTC (“Thông tư 24”) ngày 7 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48/2019/TT-BTC (“Thông tư 48”) ngày 8 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Thông tư 24 có hiệu lực từ ngày 25 tháng 5 năm 2022 sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng lập dự phòng, theo đó, đối tượng lập dự phòng là các loại chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, đang được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước, được tự do mua bán trên thị trường và giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.

Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4.4 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) đi các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4.6 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại giá trị chứng khoán.
- ▶ Trái phiếu không niêm yết được đánh giá lại theo giá cao nhất trong các giá sau đây: Giá yết trên hệ thống báo giá trái phiếu không niêm yết (nếu có) do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn cộng lãi lũy kế, giá mua cộng lãi lũy kế, mệnh giá cộng lãi lũy kế và giá theo phương pháp nội bộ của Công ty cộng lãi lũy kế.
- ▶ Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 (“Thông tư 48”).

4.7 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.8 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu và Báo cáo kết quả hoạt động trong năm trên chỉ tiêu “Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán” thuộc phần “Thu nhập (lỗ) toàn diện khác sau thuế TNDN”.

4.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay” trong năm

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ trên một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ trên hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.10 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa

chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do nhượng bán, thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm.

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.12 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị 1 - 5 năm

Phương tiện vận tải, truyền dẫn 6 năm

Thiết bị văn phòng 1 - 5 năm

Phần mềm tin học 1 - 5 năm

4.13 Thuê tài sản

Việc xác định một thoả thuận có phải là thoả thuận khoản thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thoả thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thoả thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thoả thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí mua thiết bị văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí trả trước khác.

4.15 Các khoản vay

Các khoản vay được công bố và trình bày theo giá gốc tại ngày Báo cáo tài chính.

4.16 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh tiền ký quỹ Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán với Sở Giao dịch chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán còn bao gồm các khoản trả phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán và các khoản phải trả khác.

4.17 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa

4.18 Lợi ích của nhân viên

4.18.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% (riêng giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 17%) lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.18.2 Trợ cấp thôi việc

Theo điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.18.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương (riêng giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 0%), tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của Công ty (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu cổ tức cổ phiếu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu tư vấn và hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn và hoạt động lưu ký chứng khoán được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong năm khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định (“TSCĐ”), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

4.20 Chi phí hoạt động

Lãi và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính

Lãi và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lãi do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chi phí dự phòng tài sản tài chính, chi phí đi vay, lãi từ các khoản cho vay và phải thu và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm: các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu HTM, các khoản cho vay và phải thu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

Chi phí hoạt động tự doanh

Chi phí hoạt động tự doanh phản ánh các chi phí hoạt động của Công ty chứng khoán phát sinh khi tự tiến hành các dịch vụ mua bán các chứng khoán cho chính mình bằng nguồn vốn của chính Công ty chứng khoán.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn, chi phí hoạt động đấu giá, uỷ thác, chi phí lưu ký chứng khoán và chi phí khác.

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động năm tài chính ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

4.22 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

4.23 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chi lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

4.24 *Thông tin theo bộ phận*

Ban Tổng Giám đốc tập trung việc quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động trên khía cạnh toàn Công ty và chưa tiến hành xem xét và đánh giá theo từng bộ phận kinh doanh. Đồng thời, các doanh thu của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc trình bày thông tin theo bộ phận là không cần thiết.

4.25 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4.26 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Tiền mặt tại quỹ	5.275.590	6.511.402
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	15.258.974.471	108.169.293.698
	15.264.250.061	108.175.805.100

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<i>Khối lượng</i> <i>giao dịch thực hiện trong năm</i> (Đơn vị)	<i>Giá trị</i> <i>giao dịch thực hiện trong năm</i> (VND)
a. Của Công ty	1.506.817.074	152.570.628.137.170
- Cổ phiếu	99.201.300	2.627.554.498.000
- Trái phiếu	1.407.615.774	149.943.073.639.170
b. Của nhà đầu tư	2.543.464.551	60.177.681.292.202
- Cổ phiếu	2.478.636.711	56.563.458.127.660
- Trái phiếu	34.050.304	3.592.856.82.412
- Chứng khoán khác	30.777.536	21.367.082.130
	4.050.281.625	212.748.309.429.372

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i> VND	<i>Giá trị hợp lý</i> VND	<i>Giá trị gốc</i> VND	<i>Giá trị hợp lý</i> VND
Cổ phiếu niêm yết	667.710.738.594	368.299.023.450	382.668.807.855	385.976.507.050
Cổ phiếu chưa niêm yết	395.900.000.000	395.900.000.000	145.900.000.000	145.900.000.000
Trái phiếu niêm yết	59.129.326.366	56.099.086.655	172.056.295.109	169.788.236.891
Trái phiếu chưa niêm yết	850.976.494.654	850.976.494.649	775.694.010.151	762.528.100.000
Chứng chỉ tiền gửi	126.503.212.520	126.503.212.520	356.961.778.000	356.961.778.000
	2.100.219.772.134	1.797.777.817.274	1.833.280.891.115	1.821.154.621.941

7.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TM CP Đầu tư Phát triển - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	-	-	346.050.000.000	346.050.000.000
Cộng	-	-	346.050.000.000	346.050.000.000

7.3 Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ	935.873.977.196	935.873.977.196	1.589.434.768.857	1.589.434.768.857
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	53.879.975.266	53.879.975.266	237.058.039.626	237.058.039.626
Cộng	989.753.952.462	989.753.952.462	1.826.492.808.483	1.826.492.808.483

(*) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị của các khoản cho vay.

7.4 Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị trường

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý	Giá mua VND
	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND		

I. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

1. Cổ phiếu niêm yết

VHC	97.606.677.820	-	(18.655.897.820)	78.950.780.000	-	-	-	-
BCG	93.375.169.400	-	(66.823.364.570)	26.551.804.830	137.645.169.400	3.544.510.800	-	141.189.680.200
NLG	88.527.894.797	-	(36.519.194.797)	52.008.700.000	-	-	-	-
PLX	78.346.631.904	-	(33.808.131.904)	44.538.500.000	-	-	-	-
TCB	70.305.267.935	-	(32.763.312.935)	37.541.955.000	35.030.500.000	-	(30.500.000)	35.000.000.000
HNG	61.092.009.971	-	(34.333.641.971)	26.758.368.000	-	-	-	-
PTB	49.730.015.432	-	(21.288.295.432)	28.441.720.000	-	-	-	-
VND	47.613.603.033	-	(26.688.603.033)	20.925.000.000	-	-	-	-
Khác	81.113.468.302	1.072.389	(28.531.272.677)	52.582.195.625	209.993.138.455	505.000.000	(711.311.605)	209.786.826.850
	667.710.738.594	1.072.389	(299.411.715.139)	368.299.023.455	382.668.807.855	4.049.510.800	(741.811.605)	385.976.507.050

2. Cổ phiếu chưa niêm yết

HELIOS	250.000.000.000	-	-	250.000.000.000	-	-	-	-
C30	140.000.000.000	-	-	140.000.000.000	140.000.000.000	-	-	140.000.000.000
OTOVL	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
VINARE	2.900.000.000	-	-	2.900.000.000	2.900.000.000	-	-	2.900.000.000
	395.900.000.000	-	-	395.900.000.000	145.900.000.000	-	-	145.900.000.000

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND	
	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND		
I. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)								
3. Trái phiếu niêm yết								
KBC121020	59.129.326.366	(3.030.239.711)	56.099.086.655	35.848.920.000	-	(662.088.887)	35.186.831.113	
KBC12006	-	-	-	136.207.375.109	-	(1.605.969.331)	134.601.405.778	
	59.129.326.366	(3.030.239.711)	56.099.086.655	172.056.295.109	-	(2.268.058.218)	169.788.236.891	
4. Trái phiếu chưa niêm yết								
DGTH2224001	204.472.099.228	-	204.472.099.228	-	-	-	-	
BCGL.2021.01	96.693.874.221	-	96.693.874.221	16.577.723.632	-	(387.623.632)	16.190.100.000	
TCDH2227002	69.104.800.097	-	69.104.800.097	-	-	-	-	
RHG.2021.02	65.741.584.060	-	65.741.584.060	-	-	-	-	
RHGCH2124006	63.794.694.225	-	63.794.694.225	-	-	-	-	
DBJCH2225001	61.084.453.084	-	61.084.453.084	-	-	-	-	
HELIOS.2021.01	52.875.792.802	-	52.875.792.802	41.679.019.395	-	(1.180.819.395)	40.498.200.000	
RHGCH2123003	49.733.742.499	-	49.733.742.499	1.600.000.000	-	(24.800.000)	1.575.200.000	
RHGCH2124005	47.883.286.090	-	47.883.286.090	-	-	-	-	
HTL.2021.19	38.150.146.688	-	38.150.146.688	-	-	-	-	
RHGCH2123004	35.660.098.991	-	35.660.098.991	-	-	-	-	
GKC.2021.01	26.748.692.930	-	26.748.692.930	219.739.024	-	(3.339.024)	216.400.000	
Khác	39.033.229.740	-	39.033.229.740	715.617.528.100	-	(11.569.328.100)	704.048.200.000	
	850.976.494.655	-	850.976.494.655	775.694.010.151	-	(13.165.910.151)	762.528.100.000	
5. Chứng chỉ tiền gửi								
CCTG_Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	126.503.212.520	-	126.503.212.520	152.219.178.000	-	-	152.219.178.000	
Khác	-	-	-	204.742.600.000	-	-	204.742.600.000	
	126.503.212.520	-	126.503.212.520	356.961.778.000	-	-	356.961.778.000	
II. Tài sản tài chính nắm giữ tới ngày đáo hạn								
Tiền gửi có kỳ hạn								
BIDV	-	-	-	346.050.000.000	-	-	346.050.000.000	

7.5 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Chi tiết các tài sản tài chính hạch toán theo phương pháp giá gốc và dự phòng giảm giá tài sản tài chính như sau:

Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng				
	Giá gốc VND	Giá trị đánh giá lại VND	Giá trị dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Giá trị dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Mức trích lập dự phòng trong năm VND
Các khoản cho vay					
Cho vay hoạt động ký quỹ	935.873.977.196	935.873.977.196	-	-	-
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	53.879.975.266	53.879.975.266	-	-	-
	989.753.952.462	989.753.952.462	-	-	-

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	2.599.293.181.000	365.700.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	24.040.280.130	3.220.327.908
- Dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính chưa đến ngày nhận	24.040.280.130	3.220.327.908
Trả trước cho người bán	6.518.911.631	42.128.999.749

Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	1.173.352.936.944	564.495.669.304
- Phải thu phí lưu ký	441.456.706	491.669.304
- Phải thu dịch vụ khác (i):	1.172.911.480.238	564.004.000.000
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn R&H</i>	290.250.000.000	60.000.000.000
<i>Bà Phạm Thị Ngọc Thanh</i>	237.980.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần MGM Hanbit</i>	188.250.000.000	-
<i>Khách hàng khác</i>	456.431.480.238	504.004.000.000
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	2.308.478.697	-
Các khoản phải thu khác (ii)	13.111.825.221	12.311.871.449
	<u>3.818.625.613.623</u>	<u>622.522.568.410</u>

(i) Khoản thu dịch vụ khác là khoản phải thu liên quan đến phí cung cấp các dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu, quản lý cổ đông và phải thu liên quan đến các dịch vụ khác của Công ty chứng khoán.

(ii) Bao gồm trong các khoản phải thu khác là tạm ứng chi phí bán hàng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối năm</i> <u>VND</u>	<i>Số đầu năm</i> <u>VND</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	4.778.136.122	7.664.654.917
- <i>Chi phí gia hạn, bảo trì phần mềm</i>	1.250.900.658	1.008.915.753
- <i>Chi phí công cụ dụng cụ</i>	1.165.156.921	2.442.508.647
- <i>Chi phí cải tạo văn phòng</i>	932.786.812	1.923.953.991
- <i>Chi phí mua bảo hiểm tài sản</i>	29.511.999	-
- <i>Chi phí thuê đường truyền dẫn</i>	41.958.400	-
- <i>Các chi phí khác</i>	1.357.821.332	2.289.276.526
Chi phí trả trước dài hạn	1.210.072.975	3.293.014.511
- <i>Chi phí cải tạo văn phòng</i>	890.609.497	2.228.429.797
- <i>Chi phí vật dụng văn phòng</i>	188.769.273	985.425.030
- <i>Chi phí thuê đường truyền dẫn</i>	15.552.000	16.305.142
- <i>Các chi phí khác</i>	115.142.205	62.854.542
	<u>5.988.209.097</u>	<u>10.957.669.428</u>

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Máy móc, thiết bị</i> <u>VND</u>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i> <u>VND</u>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i> <u>VND</u>	<i>Tổng cộng</i> <u>VND</u>
Nguyên giá				
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	9.024.262.600	940.454.545	2.805.396.964	12.770.114.109
Tăng trong năm	2.157.349.960	-	-	2.157.349.960
Giảm trong năm	-	-	(96.036.834)	(96.036.834)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>11.181.612.560</u>	<u>940.454.545</u>	<u>2.709.360.130</u>	<u>14.831.427.235</u>
---------------------------	-----------------------	--------------------	----------------------	-----------------------

Khấu hao lũy kế

Ngày 31 tháng 12 năm 2021	(3.958.315.433)	(940.454.545)	(2.805.396.964)	(7.704.166.942)
Khấu hao trong năm	(4.108.553.145)	-	-	(4.108.553.145)
Thanh lý trong năm	-	-	96.036.834	96.036.834
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>(8.066.868.578)</u>	<u>(940.454.545)</u>	<u>(2.709.360.130)</u>	<u>(11.716.683.253)</u>

Giá trị còn lại

Ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>5.065.947.167</u>	-	-	<u>5.065.947.167</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>3.114.743.982</u>	-	-	<u>3.114.743.982</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 8.050.264.075 đồng (31 tháng 12 năm 2021: 3.745.851.509 đồng)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm vi tính</i>
	<u>VND</u>
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	21.000.673.589
Tăng trong năm	7.306.297.975
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>28.306.971.564</u>
Hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	(10.264.604.545)
Hao mòn trong năm	(9.817.449.611)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>(20.082.054.156)</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>10.736.069.044</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>8.224.917.408</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.071.819.589 đồng (31 tháng 12 năm 2021: 7.174.617.564 đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nâng cấp hệ thống lõi chứng khoán	1.284.979.809	1.871.980.484

13. CẦM CỔ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CUỘC DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>

Ngắn hạn	60.832.080	50.000.000
Ký quỹ dịch vụ	30.832.080	20.000.000
Ký quỹ thuê máy photo	25.000.000	25.000.000
Ký quỹ thuê kho	5.000.000	5.000.000
Dài hạn	4.294.236.957	4.122.629.317
Ký quỹ thuê văn phòng	4.158.236.957	4.036.629.317
Ký quỹ thuê xe	128.000.000	78.000.000
Ký quỹ sử dụng taxi	8.000.000	8.000.000
Ký quỹ khác	-	-
	<u>4.355.069.037</u>	<u>4.172.629.317</u>

14. TÀI SẢN THU NHẬP HOÃN LẠI

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	61.775.067.214	4.199.233.152
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(3.711.930.078)	(1.887.257.603)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến doanh thu dịch vụ lưu ký	(2.837.784.134)	-
	<u>55.225.353.002</u>	<u>2.311.975.549</u>

15. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 105/QĐ-VSD ngày 20 tháng 8 năm 2021 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	4.704.231.591	4.378.022.988
Mức đóng theo doanh số	2.500.000.000	276.995.794
Tiền lãi	(266.270.439)	(217.057.630)
	<u>7.057.961.152</u>	<u>4.557.961.152</u>

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Lãi suất vay %/năm	Số đầu năm VND	Số phát sinh trong năm VND	Số tất toán trong năm VND	Số cuối năm VND
Vay ngắn hạn					
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	12,00	-	60.000.000.000	-	60.000.000.000
- Ngân hàng Shinhan – Chi nhánh Singapore (*)	3,00	346.050.000.000	-	(346.050.000.000)	-
		346.050.000.000	60.000.000.000	(346.050.000.000)	60.000.000.000

(*) Khoản vay có nguyên tệ là đồng Đô la Mỹ. Công ty đã thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá dư nợ đi vay thông qua hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền với Ngân hàng thương mại trong nước.

17. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	Lãi suất vay %/năm	Số đầu năm VND	Số phát sinh trong năm VND	Số tất toán trong năm VND	Số cuối năm VND
Trái phiếu phát hành dài hạn (i)					
BONDS.TPS.2020	9,20	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
BONDS.TPS.2021	9,20	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
BONDS.TPS.2022	9,20	-	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
		2.000.000.000.000	1.000.000.000.000	-	3.000.000.000.000

Trong năm 2020, Công ty đã phát hành 5 đợt trái phiếu bao gồm: BOND.TPS.2020.01, BOND.TPS.2020.02, BOND.TPS.2020.03, BOND.TPS.2020.04, BOND.TPS.2020.05 với tổng giá trị là 1.000.000.000.000 VND (mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu). Các trái phiếu được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,20%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2021.01 với tổng giá trị là 1.000.000.000.000 VND (mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu). Trái phiếu được hoàn trả sau 5 năm với lãi suất là 9,20%, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần.

Trong năm 2022, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2022.01 và BOND.TPS.2022.02 với tổng giá trị là 1.000.000.000.000 VND (mệnh giá là 100.000 VND/trái phiếu). Các trái phiếu được hoàn trả sau 5 năm với lãi suất 9,20%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần.

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đây là các khoản phí giao dịch chứng khoán phải trả cho các sở giao dịch chứng khoán.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.004.708.545	93.432.233.897	(93.271.196.067)	10.165.746.375

Thuế giá trị gia tăng	1.261.054.662	4.451.858.695	(8.021.392.054)	(2.308.478.697)
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ				
Nhà đầu tư	21.183.368.814	225.907.153.888	(220.348.525.211)	26.741.997.491
Thuế thu nhập cá nhân	9.189.509.947	36.034.903.062	(43.245.895.230)	1.978.517.779
Thuế nhà thầu	-	4.083.408.803	(4.083.408.803)	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
	41.638.641.968	363.913.558.345	(368.974.417.365)	36.577.782.948

Trong đó:

Phải thu ngân sách Nhà nước				(2.308.478.697)
Thuế và các khoản phải trả ngân sách Nhà nước	41.638.641.96			38.886.261.645

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phí chuyên môn, hoa hồng môi giới	54.734.466.812	34.012.371
Chi phí lãi trái phiếu	33.830.672.306	28.078.904.110
Chi phí phải trả nhân viên	26.966.562.621	-
Phí giao dịch, lưu ký chứng khoán	1.041.677.200	2.155.307.273
Chi phí lãi vay	642.739.742	312.867.123
Chi phí khác	886.047.682	826.764.922
	118.102.166.363	31.407.855.799

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dịch vụ quản lý cổ đông	-	20.000.000
Dịch vụ lưu ký, quản lý trái phiếu:	327.800.146.735	22.882.578.775
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn R&H	174.203.979.929	
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Dịch Vụ Helios	57.205.479.451	-
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Giải Trí Hưng Thịnh Quy Nhơn	28.772.644.929	-
Công ty Cổ Phần BCG Land	24.657.534.247	-
Khách hàng khác	42.960.508.179	22.882.578.775
	327.800.146.735	22.902.578.775

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả cổ tức, lãi trái phiếu	1.472.847.159	1.472.847.159

- Phải trả cổ tức cho cổ đông Công ty	19.412.500	19.412.500
- Phải trả hộ cổ tức cổ phiếu chưa niêm yết	1.453.434.659	1.453.434.659
Phải trả tiền mua hộ trái phiếu	734.599.378.986	3.278.041.000
Phải trả tiền chi hộ lãi trái phiếu cho tổ chức phát hành	115.008.871.266	55.255.463.318
Phải trả khác	621.051.273	5.597.821.554
	851.702.148.684	65.604.173.031

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/(lỗ) lũy kế đầu năm	154.080.070.553	(39.483.984.042)
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	373.077.157.590	209.165.134.645
Lỗ chưa thực hiện trong năm	(237.402.308.228)	(15.601.080.050)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	289.754.919.915	154.080.070.553

23.2 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	2.000.000.000.000	877.282.000	8.560.003.920	8.560.003.920	154.080.070.553	2.172.077.360.393
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	135.674.849.362	135.674.849.362
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	2.000.000.000.000	877.282.000	8.560.003.920	8.560.003.920	289.754.919.915	2.307.752.209.755

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	Số cuối năm Đơn vị	Số đầu năm Đơn vị
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	200.000.000	200.000.000
Cổ phiếu thường	200.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thanh toán	200.000.000	200.000.000
Cổ phiếu thường	200.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	200.000.000	200.000.000
Cổ phiếu thường	200.000.000	200.000.000

23.3 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong

năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và thu nhập pha loãng trên mỗi cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	135.674.849.362	210.684.062.435
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	200.000.000	145.593.562
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố pha loãng	200.000.000	145.593.562
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	678	1.447
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	678	1.447

24. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

24.1 *Nợ khó đòi đã xử lý*

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn	488.049.164	488.049.164
Phải thu các cá nhân theo hợp đồng hỗ trợ thanh toán	37.510.206.284	37.510.206.284
Phải thu khác khó đòi – Vụ án bà Huỳnh Thị Huyền Như	369.800.496.864	369.800.496.864
Phải thu khác khó đòi	41.529.999	41.529.999
	407.840.282.311	407.840.282.311

24.2 *Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK*

	<i>Theo mệnh giá</i>	
	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Sàn HNX	56.000.000.000	164.000.000.000
Sàn HOSE	207.747.030.000	121.694.810.000
Sàn UPCOM	624.330.000	2.824.330.000
	264.371.360.000	288.519.140.000

24.3 *Tài sản tài chính chờ về của CTCK*

	<i>Theo mệnh giá</i>	
	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Cổ phiếu	-	10.000

24.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	<i>Theo mệnh giá</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Cổ phiếu	334.900.000.000	84.900.000.000
Trái phiếu	831.977.700.000	762.528.100.000
Chứng chỉ tiền gửi	126.503.212.520	356.961.778.000
	1.293.380.912.520	1.204.389.878.000

24.5 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Theo số lượng</i>	<i>Theo mệnh giá</i>	<i>Theo số lượng</i>	<i>Theo mệnh giá</i>
		<i>VND</i>		<i>VND</i>
Tài sản tài chính giao dịch tự do, chuyển nhượng	500.204.865	4.999.415.869.500	463.425.757	4.630.975.565.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	97.892.234	978.922.340.000	200.587.828	2.005.878.280.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	5.623.740	56.236.520.000	6.514.260	117.519.990.000
	603.720.839	6.034.574.729.500	670.527.845	6.754.373.835.000

24.6 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Theo số lượng</i>	<i>Theo mệnh giá</i>	<i>Theo số lượng</i>	<i>Theo mệnh giá</i>
		<i>VND</i>		<i>VND</i>
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	14.006.448	140.037.962.000	41.621.245	415.532.280.500

24.7 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Theo số lượng</i>	<i>Theo mệnh giá</i>	<i>Theo số lượng</i>	<i>Theo mệnh giá</i>
		<i>VND</i>		<i>VND</i>
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	638.624	6.386.235.500	-	-

24.8 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	186.515.266.656	322.286.210.856
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	412.182.390	39.924.125.574

186.927.449.046 **362.210.336.430**

24.9 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Nhà đầu tư trong nước	186.515.266.656	322.286.210.856
- Nhà đầu tư nước ngoài	412.182.390	39.924.125.574
	186.927.449.046	362.210.336.430

24.10 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	116.462.305.925	56.708.897.977

25. LÃI/(LỖ) CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

25.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	484.582.314.810	233.691.667.669
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(1.075.047.467.393)	(271.457.841.995)
	(590.465.152.583)	(37.766.174.326)

Chi tiết lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

<i>STT</i>	<i>Danh mục các khoản đầu tư</i>	<i>Số lượng bán Cổ phiếu</i>	<i>Tổng giá trị bán VND</i>	<i>Giá vốn (*) VND</i>	<i>Lỗ bán chứng khoán năm nay VND</i>	<i>Lỗ bán chứng khoán năm trước VND</i>
1	Cổ phiếu niêm yết	(12.040.800)	(292.218.439.000)	(380.492.884.343)	(88.274.445.343)	(43.951.737.822)
2	Trái phiếu niêm yết	(2.758.192)	(288.727.050.200)	(288.951.794.289)	(224.744.089)	(853.234.697)
3	Trái phiếu chưa niêm yết	(399.774.614)	(40.939.121.869.602)	(41.904.457.021.984)	(965.335.152.382)	(214.583.660.986)
4	Chứng chỉ tiền gửi	(611.044)	(4.197.748.161.436)	(4.218.961.287.015)	(21.213.125.579)	(12.069.208.490)
		(415.184.650)	(45.717.815.520.238)	(46.792.862.987.631)	(1.075.047.467.393)	(271.457.841.995)

(*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Chi tiết lỗ ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Cổ phiếu	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn (*) VND	Lỗ bán	Lỗ bán
					chứng khoán năm nay VND	chứng khoán năm trước VND
1	Cổ phiếu niêm yết	(12.040.800)	(292.218.439.000)	(380.492.884.343)	(88.274.445.343)	(43.951.737.822)
2	Trái phiếu niêm yết	(2.758.192)	(288.727.050.200)	(288.951.794.289)	(224.744.089)	(853.234.697)
3	Trái phiếu chưa niêm yết	(399.774.614)	(40.939.121.869.602)	(41.904.457.021.984)	(965.335.152.382)	(214.583.660.986)
4	Chứng chỉ tiền gửi	(611.044)	(4.197.748.161.436)	(4.218.961.287.015)	(21.213.125.579)	(12.069.208.490)
		(415.184.650)	(45.717.815.520.238)	(46.792.862.987.631)	(1.075.047.467.393)	(271.457.841.995)

(*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

25.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	18.559.650.392	9.436.288.017
Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(308.875.336.073)	(20.996.165.763)
	(290.315.685.681)	(11.559.877.746)

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch	Chênh lệch	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm VND
				đánh giá lại lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	đánh giá lại lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	
1	Cổ phiếu niêm yết	667.710.738.594	368.299.023.450	(299.411.715.144)	3.307.699.195	(302.719.414.339)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	395.900.000.000	395.900.000.000	-	-	-
3	Trái phiếu niêm yết	59.129.326.366	56.099.086.655	(3.030.239.711)	(2.268.058.218)	(762.181.493)
4	Trái phiếu chưa niêm yết	850.976.494.649	850.976.494.649	-	(13.165.910.151)	13.165.910.151
5	Chứng chỉ tiền gửi	126.503.212.520	126.503.212.520	-	-	-
		2.100.219.772.129	1.797.777.817.274	(302.441.954.855)	(12.126.269.174)	(290.315.685.681)

25.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức, tiền lãi từ tài sản tài chính FVTPL	565.659.542.654	113.072.171.351
Lãi từ tài sản tài chính HTM	16.686.246.575	781.363.013
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	172.409.460.967	79.107.769.862
	754.755.250.196	192.961.304.226

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương	2.658.821.870	268.467.142
Chi phí thuê văn phòng	155.213.941	-
Chi phí khác	1.374.128.361	40.636.365
	4.188.164.172	309.103.507

27. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương	29.074.818.901	18.888.320.210
Chi phí giao dịch chứng khoán	17.291.238.968	29.124.924.391
Chi phí môi giới chứng khoán của cộng tác viên	13.798.775.486	15.382.719.028
Chi phí phân bổ phần mềm	8.811.556.606	768.119.257
Chi phí thuê văn phòng	4.135.704.117	4.132.560.833
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	3.290.518.027	980.011.835
Chi phí khác	16.409.520.475	6.556.938.443
	92.812.132.580	75.833.593.997

28. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí hoa hồng	375.574.986.571	156.318.995.721
Chi phí lưu ký chứng khoán	2.586.187.694	1.889.653.546
Chi phí khác	5.514.999.347	2.268.200.264
	383.676.173.612	160.476.849.531

29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí hoa hồng	108.349.072.224	216.616.551.289
Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương	31.778.711.185	18.005.017.288
Chi phí thuê văn phòng	3.080.868.259	1.166.375.399
Chi phí khác	37.027.533.935	15.550.550.913
	180.236.185.603	251.338.494.889

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lãi tiền gửi	1.599.644.809	1.380.133.783

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí lãi tiền vay	99.380.103.095	19.111.038.251
Chi phí lãi trái phiếu	235.293.150.695	153.817.996.480

Chi phí tài chính khác	10.575.224.205	5.930.202.267
	345.248.477.995	178.859.236.998

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí lương và các khoản phụ cấp	72.389.982.234	65.199.985.735
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.605.282.482	12.275.133.390
Chi phí hoạt động chuyên môn	16.055.933.663	676.601.193
Chi phí thuê văn phòng	9.012.934.921	2.618.546.050
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	6.909.399.670	3.559.600.888
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	5.488.988.258	3.398.412.867
Chi phí công cụ dụng cụ	4.138.633.929	2.920.007.996
Chi phí vật tư đồ dùng văn phòng	801.143.377	631.090.931
Chi phí thuế và lệ phí	444.009.350	28.590.412
Chi phí khác	31.321.985.664	30.540.875.318
	165.168.293.548	121.848.844.780

33. THU NHẬP KHÁC

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Bồi thường, phạt hợp đồng	10.526.482.055	11.837.718.423
Thu thanh lý công cụ, dụng cụ	59.344.699	56.982.454
Thu nhập khác	1.236.402	292.207.598
	10.587.063.156	12.186.908.475

34. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi vi phạm hành chính	335.000.000	1.378.767.123
Chi vi phạm hợp đồng	76.027.401	98.642.578
Chi thanh lý công cụ, dụng cụ	250.330.630	84.562.500
Chi phí khác	477.045.000	4.887.050.207
	1.138.403.031	6.449.022.408

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế (năm trước: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo

cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

35.1 Chi phí thuế TNDN

Tổng (thu nhập)/chi phí thuế TNDN của Công ty trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> <u>VND</u>	<i>Năm trước</i> <u>VND</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	93.432.233.897	56.622.098.957
Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	<u>(52.913.377.453)</u>	<u>4.041.202.304</u>
	<u>40.518.856.444</u>	<u>60.663.301.261</u>

35.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Năm nay</i> <u>VND</u>	<i>Năm trước</i> <u>VND</u>
Lợi nhuận thuần trước thuế	176.193.705.806	271.347.363.696
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	35.238.741.161	54.269.472.739
Các khoản điều chỉnh tăng		
Chênh lệch đánh giá lại TSTC FVTPL	61.775.067.214	4.199.233.152
Thù lao hội đồng quản trị	70.840.000	31.200.000
Chi phí không hợp lệ	59.515.600	9.450.669
Các khoản điều chỉnh giảm		
Chênh lệch đánh giá lại TSTC FVTPL	<u>(3.711.930.078)</u>	<u>(1.887.257.603)</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>93.432.233.897</u>	<u>56.622.098.957</u>

35.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một khoản thu nhập thuế TNDN hoãn lại và tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm này và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	<i>Báo cáo tình hình tài chính</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>Số cuối năm</i> <u>VND</u>	<i>Số đầu năm</i> <u>VND</u>	<i>Năm nay</i> <u>VND</u>	<i>Năm trước</i> <u>VND</u>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Chênh lệch đánh giá lại TSTC FVTPL	58.063.137.136	2.311.975.549	55.751.161.587	2.189.022.422

Liên quan đến doanh thu chưa thực hiện	(2.837.784.134)	-	(2.837.784.134)	(6.230.224.726)
	55.225.353.002	2.311.975.549	52.913.377.453	(4.041.202.304)

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

36.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Đỗ Anh Tú	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Sơn Hải	Thành viên HĐQT
Bà Trương Thị Hoàng Lan	Phó Chủ tịch kiêm Thành viên độc lập HĐQT
Bà Trần Thanh Hương	Trưởng ban kiểm soát
Bà Đặng Sĩ Thuỳ Tâm	Thành viên ban kiểm soát
Bà Võ Thị Xuân Lan	Thành viên ban kiểm soát
Bà Ngô Thị Lê Thanh	Thành viên ban kiểm soát
Bà Bùi Thị Thanh Trà	Tổng Giám đốc
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Cổ đông lớn của Công ty (sở hữu 9.01%) và người liên quan của người quản lý Công ty

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Vay	6.892.000.000.000	3.064.460.500.000
	Lãi vay	79.167.512.332	18.798.171.129
	Lãi tiền gửi	846.574.436	77.808.218
	Lãi tiền gửi không kỳ hạn trả cho nhà đầu tư	575.757.783	503.638.633
	Chi phí dịch vụ	177.049.418.075	119.619.587.771
	Thu nhập dịch vụ	2.010.000.000	19.036.405.200
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập và thù lao	3.092.634.783	756.000.000

Chi tiết thu nhập của các thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát của Công ty trong năm như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
------------------	----------------	------------------------	--------------------------

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Anh Tú	Chủ tịch	40.000.000	-
Bà Trương Thị Hoàng Lan	Phó Chủ tịch kiêm Thành viên độc lập	40.000.000	-
Ông Trần Sơn Hải	Thành viên	520.000.000	600.000.000

Ban kiểm soát

Bà Trần Thanh Hương	Trưởng ban	60.000.000	60.000.000
Bà Đặng Sĩ Thùy Tâm	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Bà Võ Thị Xuân Lan	Thành viên	6.434.783	48.000.000
Bà Ngô Thị Lê Thanh	Thành viên	38.200.000	-

Thu nhập của bà Bùi Thị Thanh Trà – Tổng Giám đốc Công ty trong năm là 2.340.000.000 đồng

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu/(trả) với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu	
		Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TMCP Tiền Phong	Tiền gửi thanh toán của Công ty	13.520.402.981	105.362.164.352
	Tiền gửi thanh toán của nhà đầu tư tại Công ty	173.439.876.382	302.717.666.828

36.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc tập trung việc quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động trên khía cạnh toàn Công ty và chưa tiến hành xem xét và đánh giá theo từng bộ phận kinh doanh. Đồng thời, các doanh thu của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc trình bày thông tin theo bộ phận là không cần thiết.

36.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đến 1 năm	15.752.629.008	13.064.103.660
Từ 1 đến 5 năm	16.460.658.388	17.897.187.881
	32.213.287.396	30.961.291.541

36.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, tiền gửi, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các công cụ tài chính của Công ty chịu lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Khi thay đổi về giá cổ phiếu có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết thuộc danh mục các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ của Công ty là 764.199.023.445 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 531.876.507.050 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 76.419.902.345 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 53.187.650.705 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 76.419.902.345 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 53.187.650.705 VND).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán cho khách hàng và các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu các hình thức đảm bảo hoặc bảo hiểm tín dụng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm

trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký Quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Một số các khoản cho vay dưới đây được coi là quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (không bao gồm các hợp đồng đã được gia hạn và thanh lý trước ngày ký báo cáo này). Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính còn lại đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có thanh khoản tốt.

	Tổng cộng VND	Số dư đã dự phòng VND	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			
				Dưới 3 tháng VND	Từ 3 - 6 tháng VND	Trên 6 - 12 tháng VND	Trên 1 năm VND
Số đầu năm	1.826.492.808.483	-	1.826.492.808.483	-	-	-	-
Số cuối năm	989.753.952.462	-	989.753.952.462	-	-	-	-

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Trên 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH					
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	15.264.250.061	-	-	15.264.250.061

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	1.797.777.817.274	-	-	1.797.777.817.274
Các khoản cho vay	-	-	989.753.952.462	-	989.753.952.462
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	2.599.293.181.000	-	2.599.293.181.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính	-	-	24.040.280.130	-	24.040.280.130
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	-	-	1.173.352.936.944	-	1.173.352.936.944
Trả trước cho người bán	-	-	6.518.911.631	-	6.518.911.631
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	60.832.080	-	60.832.080
Các khoản phải thu khác ngắn hạn khác – gộp	-	-	13.111.825.221	-	13.111.825.221
Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-	4.294.236.957	4.294.236.957
Quỹ Hỗ trợ thanh toán	-	7.057.961.152	-	-	7.057.961.152
	-	1.820.100.028.487	4.806.131.919.468	4.294.236.957	6.630.526.184.912

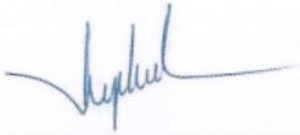
Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày 31/12/2023:

	<i>Quá hạn VND</i>	<i>Không kỳ hạn VND</i>	<i>Đến 1 năm VND</i>	<i>Từ 1 - 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
NỢ TÀI CHÍNH					
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	-	-	60.000.000.000	-	60.000.000.000
Trái phiếu phát hành	-	-	-	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	201.927.955	-	201.927.955
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	118.102.166.363	-	118.102.166.363
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	-	851.702.148.684	-	-	851.702.148.684
	-	851.702.148.684	178.304.094.318	3.000.000.000.000	4.030.006.243.002
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	-	968.397.879.803	4.627.827.825.150	(2.995.705.763.043)	2.600.519.941.910

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

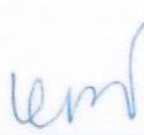
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập:



Bà Lê Trang Thùy Dung
Kế toán viên

Người kiểm tra:



Bà Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Bà Bùi Thị Thanh Trà
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04/04/2023

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG
TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI THỊ THANH TRÀ

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022

VƯỢT SÓNG

